

# KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRONG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH

**T**rong kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ để bảo vệ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng để vạch ra các đường lối chiến lược cho chiến thắng mà nổi bật nhất là phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân, thực hiện “tất cả cho chiến thắng”, trong đó có khoa học và công nghệ (KH&CN) cho chiến thắng.

Để thực hiện định hướng chiến lược và phương pháp phát triển chiến đấu thì KH&CN phải được chuẩn bị và được ưu tiên nguồn lực để phát triển sớm, trước hết là nguồn nhân lực mà chú trọng đặc biệt các nhân tài. Trong tình hình nước ta hồi giữa thế kỷ XX thì việc có các cơ sở ban đầu của công nghiệp quốc phòng, bảo đảm được các vũ khí thông dụng, nhất là vũ khí đặc biệt lợi hại của chiến tranh du kích, là cực kỳ quan trọng cho chiến thắng. Thực tiễn đã chứng tỏ rằng, đường lối KH&CN phục vụ công cuộc kháng chiến trên đây là rất đúng đắn và có hiệu quả cao.

Ngay từ khi thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, trong Đảng đã chuẩn bị các vấn đề liên quan đến đấu tranh vũ trang, năm 1944 “chiến thuật du kích” được phổ biến và huấn luyện, trong đó trình bày khá chi tiết về các loại vũ khí của chiến thuật du kích, đặc biệt là các biện pháp công nghệ về phá hoại cơ sở địch, các phương tiện thông tin liên lạc... Chủ tịch Hồ Chí Minh đã vượt qua nhiều hiểm nguy tới Pháp năm

1946, một mặt để đấu tranh ngoại giao, mặt khác thu hút về nước một số chuyên gia KH&CN người Việt Nam yêu nước, trong đó có chuyên gia về vũ khí là đồng chí Trần Đại Nghĩa. Sau khi mở thông biên giới phía Bắc, bắt đầu có sự giúp đỡ vũ khí thì lực lượng quân giới trong nước đã trưởng thành, một mặt tiếp tục nghiên cứu, sản xuất phát triển lực lượng của mình, mặt khác tiếp thu công nghệ mới và thích nghi hóa các loại vũ khí cho phù hợp với điều kiện Việt Nam, nhất là điều kiện của khí hậu nhiệt đới ẩm. Như vậy KH&CN quốc phòng đã thực hiện thành công tư tưởng Hồ Chí Minh trong lĩnh vực này, nghĩa là càng đánh càng mạnh.

Sau khi kháng chiến chống chủ nghĩa thực dân thắng lợi, miền Bắc chuyển vào thời kỳ phục hồi kinh tế và xây dựng chủ nghĩa xã hội làm chỗ dựa cho giải phóng miền Nam và miền Nam lại chuyển sang thời kỳ đấu tranh chống Mỹ giải phóng dân tộc. Như vậy yêu cầu về KH&CN cho chiến tranh giải phóng và bảo vệ đất nước ngày càng cao, vì lần này công nghệ đứng hàng đầu thế giới. Tiếp tục phát huy tư tưởng Hồ Chí Minh về KH&CN quốc phòng, kết quả là chúng ta đã đối phó thành công với mọi loại vũ khí và phương tiện chiến tranh hiện đại mà đối phương có (trừ vũ khí hạt nhân). Điển hình là thắng lợi của ta trong trận phá tan phong tỏa “thủy lôi từ tính” và “bom từ trường” và nhất là trận “Điện Biên phủ trên không”. Đây là loại

## Chủ tịch Hồ Chí Minh với GS. Trần Đại Nghĩa

chiến tranh có nội dung chủ yếu của chiến tranh điện tử số hóa.

Ngày 18/5/1963, Chủ tịch Hồ Chí Minh có bài nói chuyện tại Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ I của Hội phổ biến khoa học, kỹ thuật Việt Nam, trong đó có nhiệm vụ của khoa học được nhấn mạnh “chúng ta đều biết rằng trình độ khoa học, kỹ thuật của ta hiện nay còn thấp kém. Lề lối sản xuất chưa cải tiến được nhiều. Cách thức làm việc còn nặng nhọc. Năng suất lao động còn thấp, phong tục tập quán lạc hậu nhiều”. Nhiệm vụ của khoa học là ra sức cải biến những cái đó. Khoa học là tổng kết những kinh nghiệm đấu tranh giữa giai cấp bị bóc lột và giai cấp bóc lột và đấu tranh giữa con người với thiên nhiên. Ở đây chỉ nói riêng về khoa học tự nhiên và kỹ thuật. Khoa học phải tự sản xuất mà ra và phải trở lại phục vụ sản xuất, phục vụ quần chúng, nhằm nâng cao năng suất lao động và không ngừng cải thiện đời sống của nhân dân, bảo đảm cho chủ nghĩa xã hội thắng lợi”.

Quan điểm của tư tưởng Hồ Chí Minh về KH&CN là sự phát triển quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê Nin về KH&CN trong điều kiện cụ thể của Việt Nam. Những yếu tố quan điểm

về KH&CN của tư tưởng Hồ Chí Minh có thể thấy là:

+ KH&CN liên kết chặt chẽ với sản xuất, nhất là của một số nước còn nghèo, phục vụ sản xuất phát triển; đồng thời sản xuất lại cũng là động lực thúc đẩy KH&CN phát triển. Điều này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với nước ta là nước chậm phát triển, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề, chúng ta phải hết sức tranh thủ áp dụng các thành tựu từ thấp đến cao của KH&CN trên thế giới, đồng thời từng bước xây dựng tiềm lực KH&CN của nước ta hướng tới KH&CN hiện đại. KH&CN làm cho sản xuất phát triển nhanh, tạo điều kiện nâng cao đời sống của nhân dân lao động, trước hết là bảo đảm các nhu cầu cơ bản, xóa đói giảm nghèo.

+ KH&CN có nhiệm vụ phục vụ sự phát triển xã hội, “cải biến” xã hội nước ta, nghĩa là phát triển toàn diện văn hóa, vừa giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc vừa tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới, xóa bỏ các phong tục tập quán lạc hậu, tiến tới một xã hội văn minh. KH&CN cũng là một bộ phận của văn hóa, có ảnh hưởng quan trọng đến lối sống tinh thần của nhân dân góp phần xây dựng nền văn minh tinh thần tiến bộ

của đất nước.

+ KH&CN phải góp phần bảo vệ đất nước, KH&CN phải luôn gắn chặt với quốc phòng, cung cấp cho quân đội các phương tiện chiến đấu, hậu cần. Đối với các chế độ của giai cấp bóc lột thì KH&CN được sử dụng để xóa bỏ. Ngược lại trong chiến tranh giải phóng thì KH&CN được sử dụng tối đa một cách sáng tạo để chiến thắng. Hơn nữa, đối với những nước mà kinh tế còn thấp kém như nước ta, vừa thoát khỏi chế độ thực dân lại phải huy động lực lượng toàn dân trường kỳ kháng chiến để bảo vệ độc lập dân tộc thì sự phát triển KH&CN lại từ quốc phòng, an ninh mở rộng ra kinh tế - xã hội.

+ KH&CN bảo đảm cho chủ nghĩa xã hội thắng lợi. Đúng là KH&CN ở các nước tư bản phát triển rất cao và được giai cấp tư sản triệt lợi dụng, củng cố chế độ bóc lột, nâng cao lợi nhuận. Nhưng chủ nghĩa xã hội cũng chứng tỏ tiềm năng phát triển nhanh, KH&CN phục vụ sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội (Ví dụ: Sự phát triển ngành năng lượng nguyên tử và hàng không vũ trụ, các ngành công nghiệp nặng của Liên Xô trước đây và của Trung Quốc hiện nay). Ngày nay khi chuyển sang kinh tế tri thức thì vai trò của KH&CN bảo đảm sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội càng quan trọng.

Việc thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh về KH&CN trong những năm qua đã góp phần rất quan trọng cho thắng lợi của hai cuộc kháng chiến và trong sự phát triển thắng lợi của đất nước ta. Ngày nay, bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, việc phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về KH&CN lại càng cần thiết.

Vai trò của KH&CN trong việc xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh được thể hiện ở các mặt: Khoa học và Công nghệ gắn với sản xuất bảo đảm thỏa mãn các nhu cầu về vật chất và tinh thần ngày càng cao của nhân dân; KH&CN bảo vệ môi trường thiên nhiên, trước mắt phải cải thiện môi trường hạn chế hậu quả của thiên tai và chiến tranh trước đây, của công nghiệp hóa hiện nay; KH&CN phục vụ sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của mọi người.

Liên kết chặt chẽ giữa KH&CN với sản xuất, một điểm quan trọng của tư tưởng Hồ Chí Minh về KH&CN. Ngày nay, trong thế giới hiện đại với sự phát triển chưa từng có của KH&CN làm xuất hiện nền kinh tế tri thức. Đồng thời cùng với sự phát triển đó là xu thế toàn cầu hóa. Trong điều kiện như vậy càng phải phát huy cao hơn nữa tư tưởng Hồ Chí Minh về KH&CN mà chủ yếu là vấn đề “nghệ thuật” phối hợp giữa tiếp thu thành tựu KH&CN của thế giới và phát triển công nghệ nội sinh, từ đó từng bước tiến lên một nền KH&CN hiện đại đáp ứng các yêu cầu của nền sản xuất định hướng xã hội chủ nghĩa.

Quan điểm của tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề KH&CN bảo vệ môi trường dựa trên tình hình thực tiễn Việt Nam đã được hình thành sớm, từ trước khi có phong trào bảo vệ môi trường trên thế giới (sau khủng hoảng dầu hỏa đầu những năm 70). Trước hết là phải chú trọng đến cốt lõi, mà ở nước ta là vấn đề cây xanh, nói rộng ra là thảm thực vật, là rừng. Vấn đề bảo vệ môi trường ở nước nghèo chỉ có thể giải quyết được, nếu nó được gắn liền với việc cải thiện đời sống của nhân dân. Cũng không thể làm một cách thiếu khoa học mà phải ứng dụng KH&CN tiến bộ vào việc chọn giống cây, ươm cây con và trồng cây sao cho cây sống và xanh tốt. Ngày nay, tiến tới CNH và HĐH có rất nhiều vấn đề môi trường đặt ra, chúng ta luôn ghi nhớ tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề này để quyết tâm giữ gìn sao cho phong cảnh của nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa phải rất tươi đẹp.

Khi đi tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh không thể đi về phương Đông như phong trào Đông kinh nghĩa thực, mà lại đi về phương Tây. vì ở đó có lời giải về sự yếu kém của phương Đông: Thiếu KH&CN hiện đại để tạo ra sức mạnh vật chất và tinh thần to lớn. Tư tưởng Hồ Chí Minh về KH&CN được hình thành trong một không gian mở, tiếp thu những cái mới tiến bộ không chỉ bằng trí tuệ uyên bác mà còn với nhiệt tình của lòng yêu nước nồng nàn./.

**Ngọc Minh (t/h)**

# PHONG TRÀO THI ĐUA YÊU NƯỚC TỈNH BẮC GIANG

### Đức Đạt

Là một tỉnh miền núi, điểm xuất phát kinh tế thấp, nền kinh tế - xã hội còn gặp nhiều khó khăn, song chính từ phong trào thi đua yêu nước đã tạo một luồng gió mới làm nên sự đổi thay, khởi sắc từ nông thôn đến thành thị, từ đồng ruộng đến từng công trường, nhà máy, trường học... Điều đó thể hiện ý chí tự lực, tự cường và lòng yêu nước, niềm tự hào về mảnh đất giàu truyền thống cách mạng và thượng võ của con người Bắc Giang. Phong trào thi đua trở thành động lực mạnh mẽ cổ vũ mọi người, mọi nhà không chịu nghèo khó, vượt qua những khó khăn, thử thách để xây dựng một Bắc Giang ngày càng giàu đẹp, văn minh.

Phong trào thi đua trong lĩnh vực phát triển kinh tế được quan tâm thực hiện có hiệu quả tạo sức bật to lớn để Bắc Giang khẳng định vị thế của mình. Các phong trào thi đua lao động giỏi, lao động sáng tạo, với mục tiêu “Năng suất, chất lượng, hiệu quả”; phong trào “xanh, sạch, đẹp, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động”; phong trào “phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật” tiếp tục được các cấp, các ngành, các địa phương và các doanh nghiệp quan tâm triển khai thực hiện. Các hoạt động khuyến công, xúc tiến đầu tư, ứng dụng khoa học - công nghệ, đào tạo nghề cho lao động đạt nhiều kết quả tích cực. Những chủ trương, chính sách ưu đãi, khuyến khích đầu tư hợp lý, đồng thời thực hiện cải cách thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa và một cửa liên thông đã tạo thuận lợi cho hàng trăm nhà đầu tư trong nước và nước ngoài đến tìm hiểu và đầu tư. Đến nay, cùng với đầu tư hoàn thiện hạ tầng khu công nghiệp Đình Trám, tỉnh Bắc Giang đã quy hoạch thành lập mới 04 khu công nghiệp, 29 cụm công nghiệp, trong đó có 3 khu công nghiệp: Quang Châu, Vân Trung, Song Khê - Nội Hoàng đang được đầu tư hạ tầng kỹ thuật,

thu hút thêm nhiều dự án đầu tư mới.

Trong 5 năm qua, mặc dù phải đối mặt với nhiều khó khăn thách thức do ảnh hưởng của suy giảm kinh tế toàn cầu, sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, thị trường tiêu thụ bị thu hẹp. Song bức tranh kinh tế của Bắc Giang đã sáng lên những mảng màu rực rỡ. Với sự nỗ lực của các đơn vị, đội ngũ doanh nhân và sự hỗ trợ kịp thời của Nhà nước, bằng các biện pháp kích cầu nên tình hình sản xuất, kinh doanh từng bước phục hồi và ngày càng hoạt động có hiệu quả. Đã có không ít doanh nghiệp vượt qua thời kỳ khó khăn, ổn định sản xuất kinh doanh và duy trì tăng trưởng. Hiện toàn tỉnh có 2.560 doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện; với số vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp đạt 5,67 tỷ đồng, gấp gần 2 lần so với năm 2005. Giá trị sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp năm 2010 ước đạt 3.784 tỷ đồng tăng 2,9 lần so với năm 2005. Xuất khẩu sản phẩm công nghiệp ước đạt 175 triệu USD. Khu vực sản xuất công nghiệp đã tạo thêm 56.000 việc làm. Chiếm 52% tổng số việc làm mới của tỉnh. Chính từ phong trào thi đua thực hiện chủ đề: “Phát triển công nghiệp – TTCN và ngành nghề nông thôn” đã tạo ra một không khí thi đua sôi động của các doanh nghiệp, tạo nên một sức bật mới cho công nghiệp của tỉnh. Sự tập trung nguồn lực to lớn để phát triển công nghiệp đã tạo nên nhiều nhà máy, xí nghiệp. Nguồn vốn đầu tư cho phát triển công nghiệp - TTCN ngày càng tăng. Nhiều doanh nghiệp đã biết nỗ lực vượt khó vươn lên và khẳng định uy tín, thương hiệu của mình. Trong thời kỳ hội nhập nền kinh tế quốc tế, phong trào thi đua sản xuất công nghiệp đã xuất hiện nhiều tập thể điển hình tiên tiến. Nhiều doanh nghiệp sau thực hiện cổ phần hóa, chuyển đổi hình thức sở hữu, đẩy mạnh khí thế thi đua,

### *Đ/c Trương Tấn Sang cùng lãnh đạo tỉnh Bắc Giang thăm mô hình lúa lai ở Việt Yên*

cải tiến thiết bị, đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng, hạ giá thành sản phẩm.

Phong trào thi đua: “Phát triển TTCN và ngành nghề nông thôn” được phát động, các địa phương đã thực sự quan tâm, khơi dậy những nghề truyền thống có nguy cơ bị mai một. Các sản phẩm của làng nghề này không chỉ bó hẹp tiêu thụ nội tỉnh mà còn xuất sang nhiều tỉnh, thành trong nước và xuất khẩu, với những tên tuổi của các sản phẩm làng nghề như: Mây tre đan Tăng Tiến, rượu Làng Vân, gốm Mật Ninh, mỳ Chũ... Và ở nhiều vùng nông thôn có những nghề mới được du nhập đã thu hút hàng nghìn lao động, góp phần làm chuyển dịch cơ cấu lao động khu vực nông thôn. Điều đáng mừng là ở đâu có làng nghề ở đó đời sống của người dân ngày càng khấm khá. Hiện toàn tỉnh có trên 15.350 hộ sản xuất tiểu thủ công nghiệp, 435 làng có nghề, trong đó có 33 làng đạt tiêu chí làng nghề theo quy định, tăng gần 5 làng so với năm 2005...

Phong trào thi đua trong lĩnh vực sản xuất nông – lâm nghiệp, thủy sản được thể hiện khá rõ nét. Điển hình là các phong trào: “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, giúp nhau xóa đói giảm nghèo và làm giàu”, “Phong trào xây dựng cánh đồng 50 triệu đồng/ha, hộ nông dân

thu nhập 50 triệu đồng/năm”, “Phong trào dồn điền đổi thửa”, “Phong trào nuôi trồng thủy sản”, thi đua đầu tư thâm canh, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, cơ cấu mùa vụ... Qua những phong trào này đã có sự tác động mạnh mẽ tới người nông dân, làm thay đổi một bước căn bản từ tư duy đến việc làm trong phát triển kinh tế nông nghiệp nông thôn. Sản xuất nông nghiệp phát triển khá toàn diện, góp phần thúc đẩy chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu cây trồng vật nuôi, bước đầu hình thành nền sản xuất nông nghiệp hàng hóa, thực hiện công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn. Tốc độ tăng trưởng nông nghiệp bình quân đạt 2,6%/năm. Năm 2010, tổng sản lượng lương thực có hạt ước đạt 620.000 tấn; lương thực có hạt bình quân đầu người 396 kg. Giá trị sản xuất bình quân trên đơn vị diện tích đất nông nghiệp đạt 47 triệu đồng/ha/năm. Tỷ trọng giá trị sản xuất chăn nuôi trong giá trị sản xuất nông nghiệp tăng 9,7% so với năm 2005.

Phong trào thi đua làm kinh tế trang trại tiếp tục phát triển, toàn tỉnh hiện có trên 5.500 trang trại, tăng gần gấp đôi số trang trại so với năm 2005. Trong đó xuất hiện nhiều mô hình kinh tế trang trại cho thu nhập hàng trăm triệu đồng một năm như: Trang trại gia đình bà Bùi Thị Túc xã Song Vân, huyện Tân Yên; mô hình



kinh tế tổng hợp gia đình ông Triệu Ngọc Túc dân tộc Tày xã Tam Tiến, huyện Yên Thế; ông Bùi Tiến Long, chủ trang trại cam Đường Canh, ở xã Hồng Giang, Lục Ngạn... Trong phong trào thi đua sôi nổi đã xuất hiện nhiều tấm gương nông dân năng động vượt qua gian khó để phát triển kinh tế gia đình, làm giàu chính đáng trên đồng đất quê hương mình. Anh Bùi Tiến Long chủ trang trại cam Đường Canh ở xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn là một trong những cá nhân điển hình trong phong trào thi đua của tỉnh. Vừa làm kinh tế giỏi, vừa giúp đỡ bà con nông dân có kiến thức trong trồng trọt. Khởi nghiệp từ hai bàn tay trắng. Bằng công sức của mình anh Long đã làm cho cả vùng đồi cần cỗi năm xưa trở thành vùng cây cam Đường Canh với trên 2 ha xanh tươi trĩu quả. Năm 2009 sản lượng ước đạt 60 tấn, doanh thu 1,8 tỷ đồng. Sau khi trừ chi phí cho thu lãi 1,5 tỷ đồng.

Phong trào thi đua của ngành giáo dục Bắc Giang đã có những sắc thái, diện mạo mới. Cùng với phong trào truyền thống là các phong trào thi đua gắn với thực hiện cuộc vận động “Hai không” với 4 nội dung trọng tâm: “Nói không với tiêu cực trong thi cử và bệnh thành tích, nói không với vi phạm đạo đức nhà giáo và tình trạng học sinh ngồi nhầm lớp”, cùng với việc thực hiện tốt chủ đề “Năm học đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, đổi mới quản lý tài chính” và phong trào “Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực”... qua đó nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục toàn diện ở các bậc học, tỷ lệ học sinh khá giỏi tăng lên, đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý được tăng cường về số lượng và chất lượng. Đến nay, tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 90%, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 60%, tăng 3 lần so với năm 2005. Bắc Giang là một trong 5 tỉnh có tiến độ thực hiện khá nhất toàn quốc, đến nay 100% các xã, phường có trung tâm học tập cộng đồng. Hệ thống giáo dục chuyên nghiệp và dạy nghề có nhiều đổi mới góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh; tỷ lệ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn đều đạt và vượt chỉ tiêu đề ra. Từ năm 2005 đến nay có trên 41 nghìn học sinh đỗ vào các trường cao đẳng, đại học; 237 em đoạt giải học sinh giỏi quốc gia. Đặc biệt đã có 1 học sinh đoạt huy

chương Bạc Olympic Toán quốc tế, 1 học sinh tham dự Olympic Vật lý Thái Bình Dương. Đó là những thành tích rất đáng tự hào của ngành giáo dục.

Các phong trào thi đua trong ngành y tế được quan tâm chỉ đạo duy trì và phát triển cả bề rộng, chiều sâu, đã góp phần nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân ở cả 3 tuyến như phong trào “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”, “Học tập và noi theo gương anh hùng liệt sỹ Đặng Thùy Trâm”, “Thầy thuốc như mẹ hiền”, “Thực hiện 12 điều quy định về y đức”, “Quy tắc ứng xử của cán bộ, nhân viên y tế”... Qua các phong trào thi đua đã động viên cán bộ, công chức, viên chức và người lao động phát huy truyền thống yêu nước, vượt mọi khó khăn, hăng say lao động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ.

Có thể khẳng định sau 4 năm thực hiện cuộc vận động học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh với chủ đề “Nâng cao trách nhiệm, hết lòng, hết sức phụng sự tổ quốc, phụng sự nhân dân”, được triển khai nghiêm túc, sâu rộng trong toàn Đảng bộ. Nhiều đơn vị đã có cách làm hay, sáng tạo, đạt hiệu quả tốt. Học tập và làm theo đã trở thành nội dung quan trọng trong sinh hoạt chi bộ thường kỳ và cụ thể hoá thành tiêu chí, nội dung các phong trào thi đua yêu nước, thành nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị, cán bộ, đảng viên, trong từng tháng, từng năm. Các tập thể, cá nhân trong Đảng bộ đã đăng ký hàng chục ngàn việc tốt làm theo Bác; có hàng trăm tấm gương điển hình tiên tiến ở nhiều ngành, lĩnh vực, địa phương. Qua thực hiện, đã nâng cao tinh thần tự giác tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống, nâng cao ý thức trách nhiệm, tăng cường mối quan hệ gắn bó giữa cán bộ, đảng viên với nhân dân.

Với những phong trào thi đua thiết thực, hợp với lòng dân tạo sự khích lệ động viên trong mọi thành phần xã hội. Ghi nhận những thành tích và đóng góp của các tập thể, cá nhân, trong 5 năm qua quân và dân Bắc Giang đã được Chủ tịch nước tặng thưởng 127 Huân chương các loại; Chính phủ tặng 27 Cờ thi đua cho tập thể;

(Xem tiếp trang 9)

# BẢO TỒN VÀ PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ DI SẢN VĂN HÓA KHU DI TÍCH TÒNG LỆNH, XÃ TRƯỜNG GIANG, HUYỆN LỤC NAM

Ngô Văn Trụ

**K**hu di tích lịch sử văn hóa đình, chùa Tông Lệnh, xã Trường Giang, huyện Lục Nam là khu di tích nằm ở bờ trái sông Lục Nam, đối diện với khu di tích đền Bồng Lai, đền Cầu Từ thuộc xã Phượng Sơn, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Trong khu di tích này còn phải kể tới một di tích nữa, tuy không lớn đó là đền thờ Thánh Mẫu, nằm cách khu đình, chùa Tông Lệnh chừng 300m về phía Bắc.

Đình Tông Lệnh, đền Thánh Mẫu là hai di tích tôn thờ các nhân vật thời Lý. Đó là Bình Dương công chúa, Thiên Thành công chúa, Thụy Thiên công chúa, Yên Hoa công chúa và thành hoàng là tướng quân Vũ Thành.

Về các nhân vật thời Lý trên vùng đất Châu Lạng, sách *Việt sử lược* thời Trần có chép như sau:

“Năm Kỷ Ty, hiệu Thiên Thành năm thứ 2 (1029) cho Châu Mục Lạng, Châu Thân Thiệu Thái lấy công chúa Bình Dương” (trang 78).

“Năm Bính Ngọ, hiệu Chương Thánh Gia Khánh năm thứ 8 (1066). Con trai công chúa Bình Dương là Thân Đạo Nguyên lấy công chúa Thiên Thành”.

Sách *Đại Việt sử ký toàn thư*, tập 1 chép: “Tháng 11 (năm 1147) nhà vua làm nhà cho công chúa Thụy Thiên ở Châu Lạng” (trang 336).

Năm Mậu Thìn (Đại Định) năm thứ 9 (1148) mùa hạ “công chúa Thụy Thiên về Châu Lạng”. Người có công và được thờ tại đền Hả: Thánh Di Thụy Thiên công chúa Lý Thị Dực hiệu là Văn Thần Vị.

Về chính sử còn ghi: Bình Dương công chúa là con gái Lý Thái Tông gả con cho phò mã Thân Thiệu Thái (con của phò mã Thân Thừa Quý). Công chúa Thiên Thành, thái đường, thái trưởng công chúa là con vua Lý Thánh Tông gả cho Thân Đạo Nguyên (Thân Cảnh Phúc).

Việc nhà vua làm nhà cho công chúa Thụy Thiên lấy ai và vì sao lại như vậy trong chính sử và dã sử không thấy ghi, rồi sau đó một năm công chúa Thụy Thiên về ở Châu Lạng. Đây là vấn đề cần nghiên cứu tiếp.

Ngoài đền Từ Hả và đình chùa Tông Lệnh thì dọc lưu vực sông Lục Nam, từ Biển Động trở xuống tới Lục Đầu, vòng sang ngang tới Lũ Phú (Xuân Đám), Yên Dũng đều có nơi thờ phụng các vị nêu trên. Riêng công chúa Thụy Thiên lại được thờ ở một ngôi đình thuộc xã Phi Mô, Lạng Giang.

Cả ba vị công chúa: Bình Dương, Thiên Thành và Thụy Thiên đều ghi trong sổ cúng cơm vào ngày 29 tháng 10 ở đình Tông Lệnh (xã Trường Giang, huyện Lục Nam) và đền Hả (xã Hồng Giang, huyện Lục Ngạn). Ngày 29 tháng 10 là ngày giỗ chung cho tất cả các công chúa và tướng quân Vũ Thành.

Như thế, có thể thấy rằng: Châu Lạng ngày trước chính là vùng lưu vực sông Lục Nam và sông Thương, sông Cầu, mà vùng sông Lục Nam là chính.

Thần tích ghi quê chồng công chúa Thiên Thành ở thôn Tông Lệnh (nay thuộc xã Trường Giang) sau chuyển sang bờ sông bên kia cư trú ở khu vực Cầu Từ, xã Phượng Sơn, huyện Lục Ngạn. Ở đó có dựng lên một cung Bồng Lai để ở.

Năm 2007, 2009 Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch ra Quyết định cho tỉnh Bắc Giang khai quật địa điểm Cầu Từ với sự tham gia của Viện Khảo cổ học. Qua hai đợt khai quật thăm dò khảo cổ học năm 2007 và năm 2009 đã xác định ở thôn Cầu Từ, xã Phượng Sơn một dinh thự thời Lý có qui mô lớn. Các dấu tích phát hiện được so với dấu tích thời Lý ở Hoàng thành Thăng Long đều tương tự như nhau. Đây là một di tích quý hiếm trong kiến trúc thời Lý và là một trong nhiều dinh thự dành cho các quý tộc thời lý ở các địa phương. Các nhà khảo cổ đã khẳng định đây là loại hình kiến trúc Phủ Đệ thời Lý ngoài thành Thăng Long. Loại hình kiến trúc Phủ Đệ duy nhất còn lại đến hôm nay. Trong những di vật thời Lý phát hiện ở khu vực Cầu Từ có loại gạch có niên đại 1057 đề dòng chữ Hán “Lý Gia Đệ gạch vữa hoa chanh, móng trụ, ngói ống trang trí hoa văn cánh sen, đồ gốm men, đồ sành... Điều đó đã xác định Tông Lệnh, Phượng Sơn, Đông Hưng, Đông Phú... là vùng đất cư trú của các công chúa nhà Lý cùng chồng con và cư dân nơi đây.

Ở Tông Lệnh đã phát hiện tảng chân cột chạm cánh sen thời Lý, ở khu vực chùa Tông Lệnh. Đình, chùa Tông Lệnh tọa lạc liền nhau theo bố cục “tiền thần hậu phật” (đình trước - chùa sau). Chùa Tông Lệnh đã mất, nhân dân xây lại 3 gian nhỏ để thờ phật. Ở đây còn bốn bia đá xanh “hậu phật” niên đại thời Nguyễn cùng một chân tảng hoa sen.

Đình Tông Lệnh bố cục hình chữ “đình” (J), 5 gian tiền đình, 3 gian hậu cung (5 gian tiền đình mới làm lại đơn giản, 3 gian hậu cung còn nguyên bộ khung lim kiến trúc thời Lê). Trong đó có đồ thờ tự các vị nhà Lý. Đền Thánh Mẫu nhỏ, trở cửa đầu đốc, thờ công chúa Thiên Thành là chính. Trong chỉ có ban thờ và nồi hương gốm.

Hàng năm vào ngày 06, 07 tháng Giêng dân làng Tông Lệnh tổ chức lễ hội ở đình và bãi hội. Vào ngày đó dân làng rước ngài, kiệu, nồi hương, đồ thờ tự ra bãi hội cách đình khoảng 700m, bên bờ sông Lục Nam làm hội.

Ở bãi hội là một sọc ruộng, người ta dựng một cái rạp để kiệu thờ và tế lễ ở đó và một cái rạp nhỏ nữa có làm sàn cao để các vị tổ chức tế

thần Nông, cầu đảo.

Hội Tông Lệnh rất đặc sắc, độc đáo. Trong lễ hội diễn ra có tế lễ, sau tế lễ là các trò diễn như:

1. Diễn tích đánh trận của nhà thánh.
2. Trình diễn nghi thức Ai Lao tiến tượng. Chiêm thành cống thóc lúa, kim ngân.
3. Tế thần nông.
4. Trình diễn xuống đồng đầu năm.

- **Về diễn tích đánh trận:** Dân làng chọn trai đình chia làm hai phe - phe quân ta, phe quân địch. Phe quân ta mang súng lệnh (bằng tre trong có chất nổ) đi tuần quanh rạp kiệu thánh. Thỉnh thoảng lại dúm bụi nhùi rơm đốt súng lệnh. Ý là đi tìm giặc đánh. Quân giặc ăn mặc xộc xệch xuất hiện, hai bên giáp lá cà, lầy đất cày tẩn công nhau, quân giặc thua chạy. Quân và dân ta đuổi theo và kết thúc cuộc trận có lễ khao quân bằng bánh bồng, cơm nắm. Đây là tích do thánh mẫu bày lại để xem chiến cuộc xưa thế nào, xét ta thắng hay thua? Dĩ nhiên là con trai thánh mẫu thắng.

- Về trình diễn nghi thức tích Ai Lao tiến tượng, Chiêm Thành cống thóc lúa, kim ngân.

Ta biết thời Lý có quan hệ với nước Ai Lao (Lào) và Chiêm Thành (miền văn hóa Chăm của Việt Nam ngày nay). Nước Lào (Ai Lao) thần phục nước Việt từ lâu và không gây hấn xung đột. Nước này với nhiều tên gọi là nước Vạn Tượng, quà biếu vua Lý không gì bằng voi, voi vừa để cưỡi, vừa để kéo hàng, vừa để đánh trận rất tốt. Còn Chiêm Thành hay đem thuyền chiến, quân đội xâm chiếm Đại Việt. Thời Lý, vua Lý đã từng đem quân chinh phạt và buộc Chiêm Thành phải thần phục. Vùng này có nhiều sản vật nhưng lúa thì có nhiều giống lúa nước, lại nhiều vàng bạc. Sử cũng ghi Chiêm Thành dâng lên vua nhiều giống lúa mới.

Cho nên, ở Tông Lệnh diễn tích Ai Lao tiến thượng - Chiêm Thành cống thóc lúa cũng có lý và độc đáo. Để làm được tiết mục này, dân chọn ba vị mặc áo dài the, khăn xếp. Hai vị đóng làm voi, một vị cưỡi voi. Để có voi, một vị cởi áo dài ra và mặc ngược lại: Hai tay áo làm tai voi ve vẩy, thân sau làm vòi thừng thặng. Người làm thân voi bám vào vai người trước và cho một



người cưỡi lên, một đôi voi như thế tiến vào trình dâng thánh mẫu.

Dân lại chọn ra một đội bốn người, hai nam và hai nữ mặc áo quần, mũ dép theo kiểu trang phục Chăm. Đội mâm lúa giống, đội mâm kim ngân cùng theo voi vào rạp làm lễ.

Nghi thức này là hình tượng hóa sự kiện lịch sử vào trong lễ hội, rất xúc tích, độc đáo.

- **Về nghi thức tế thần nông:** Dân chọn ra một số trẻ nhỏ cưỡi trên ngòi ở dưới rạp tế thần Nông đóng giả làm ếch nhái. Lại chọn ra một quan viên lên sân làm lễ tế thần Nông. Tế xong vẩy nước ra 4 phía xung quanh làm mưa, lúc này trẻ nhỏ ở dưới rạp giả tiếng ếch kêu “ộp, ộp, oạp...”

- **Về nghi thức xuống đồng đầu năm:** Dân chọn ra một đội thanh niên cả nam lẫn nữ, người thì vác cày, người thì vác búa, người thì đòn gánh thúng mủng, người thì cuốc, liềm... đi từ khu vực rạp thánh ra sân hội. Ở đó, khi vị quan viên tế thần Nông xong, vẩy nước làm mưa thì tổ chức cày, bừa nghi thức rồi tổ chức cấy lúa, trong lễ có hát hò các bài hát dân gian. Sau lễ này thì theo tục lệ, các nhà trong làng hôm sau bắt đầu xuống đồng đi làm. Đây cũng là một tục cổ, duy nhất còn lại ở Bắc Giang.

Nhìn tổng quan: Về di tích ở Tòng Lệnh có thể nói, nó vừa có ý nghĩa lịch sử, lại vừa có ý nghĩa văn hóa. Trong một lễ hội các nghi thức như trên cho thấy sức khái quát ở đây rất cao. Ở Bắc Giang chưa có nơi nào như thế.

### VỀ CÔNG TÁC BẢO TỒN KHU DI TÍCH Ở TÒNG LỆNH:

Ngành Văn hóa Thể thao và Du lịch tỉnh đã tổ chức điều tra, nghiên cứu về các giá trị văn hóa ở khu di tích này và đã tiến hành lập hồ sơ: Xét, xếp hạng khu di tích; cấp kinh phí chống xuống cấp cho ngôi đình sau đó sẽ khôi phục lại tòa tiền đình và ngôi chùa thành một khu có các công trình hoàn chỉnh; nghiên cứu về lễ hội Tòng Lệnh và biên tập, biên soạn, in trong tập lễ hội Bắc Giang; phối hợp với Viện Văn hóa - Nghệ thuật (Bộ VHNT) thực hiện trưng trình bảo tồn lễ hội Tòng Lệnh năm 2006.

### VỀ CÔNG TÁC PHÁT HUY CÁC GIÁ TRỊ KHU DI TÍCH:

Công tác bảo tồn và phát huy các giá trị khu đình, chùa, Tòng Lệnh, xã Trường Giang trong thời gian qua đã được các cấp, các ngành quan tâm làm tốt, góp phần tích cực vào việc thực hiện chủ trương chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước. Đây là một khu di tích có tính chất đầu mối trong những di tích liên quan đến nhà Lý trên đất Bắc Giang. Do đó, các cấp, các ngành cần quan tâm hơn nữa trong việc tiến hành đào thám sát, khai quật khảo cổ học, phục hồi các di tích đã mất và làm lại những công trình đã làm nhưng chưa đạt, biên soạn tập sách về lễ hội Tòng Lệnh để lưu truyền... có như thế thì mới bảo tồn và phát huy được các di tích lịch sử thời Lý nói riêng, các di tích lịch sử nói chung./.

### PHONG TRÀO THI ĐUA YÊU NƯỚC ...

(Tiếp trang 6)

Thủ tướng Chính phủ tặng 89 Bằng khen cho 61 tập thể và 28 cá nhân; UBND tỉnh tặng Cờ thi đua cho 200 tập thể; Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen cho 2.330 tập thể và 1.873 cá nhân... đó là những phần thưởng và danh hiệu cao quý mãi mãi là nguồn cổ vũ, động viên các thế hệ, các tầng lớp nhân dân vươn lên hoàn thành nhiệm vụ. Phát huy những kết quả và thành tích đã đạt được trong phong trào thi đua 5 năm qua, để kinh tế - xã hội của tỉnh Bắc Giang phát triển nhanh và bền vững, công tác thi đua khen thưởng trong giai đoạn mới cũng đang được tỉnh Bắc Giang tập trung hướng tới. Có thể khẳng định từ phong trào thi đua yêu nước đã khơi dậy sức mạnh tinh thần cho công cuộc kiến thiết xây dựng Bắc Giang giàu đẹp. Với những thành tựu kinh tế - xã hội to lớn đạt được từ phong trào thi đua yêu nước những năm qua sẽ là điều kiện, tiền đề để Bắc Giang vững bước trên con đường phát triển..!

# BÍ ẨN NHỮNG HÒN ĐẠN ĐÁ THÀNH XƯƠNG GIANG

**Trần Thái**

Năm 1427, khi nghĩa quân Lam Sơn đã hùng mạnh, thế như chẻ tre, giặc Minh vẫn ngoan cố giữ thành Đông Quan và một số thành phía Bắc để chờ viện binh. Thành Xương Giang nằm trên đường từ Lạng Sơn về Đông Quan. Đây là thành lớn, đông quân. Lê Lợi cho quân bao vây thành, đợi khi giặc Minh sắp kéo vào nước ta thì tấn công tiêu diệt nhanh gọn. Quân Minh tiến đến cánh đồng Xương Giang, mới biết thành bị diệt, không còn quân phối hợp ứng cứu, tiến không được, lui không xong đành đắp lũy trú tạm ngoài đồng. Quân ta tổ chức đánh một trận quyết chiến “sạch không kinh ngạc”. Vương Thông, tướng giặc Minh ở Đông Quan phải đầu hàng.

Vì chiến thắng Xương Giang có một ý nghĩa rất quan trọng trong cuộc kháng chiến chống giặc Minh, nên năm 2009 di tích thành Xương Giang đã được Nhà nước công nhận là Di tích lịch sử văn hóa cấp Quốc gia. Việc nghiên cứu về thành Xương Giang, chiến thắng Xương Giang có ý nghĩa rất to lớn đối với Bắc Giang nói riêng và lịch sử chống ngoại xâm của dân tộc ta nói chung.

Năm 2008, Viện Khảo cổ học phối hợp với Bảo tàng tỉnh Bắc Giang và Phòng VH TT thành phố Bắc Giang tiến hành điều tra, thám sát, khai quật ở thành cổ Xương Giang (thuộc xã Xương Giang, thành phố Bắc Giang). Qua thám sát khu vực Đồi Ngô (trung tâm thành) và khai quật 3 hố, đoàn khảo cổ đã thu được nhiều hiện vật, bước đầu có một số kết luận quan trọng, mở ra hướng khảo cổ, cũng như nghiên cứu tiếp về thành Xương Giang.

Trong số các hiện vật đoàn khảo cổ thu được, có một loại rất quan trọng, đó là 2 viên đạn đá. Hai viên đạn này do gia đình ông

Nguyễn Văn Quân tìm thấy ở khu vực Đồi Ngô, nay tặng lại. Hai viên đạn được chế tạo từ loại đá cát kết, hình cầu, có đường kính 7cm và 9cm. Trước đây (những năm 60 - 70 thế kỷ 20) Bảo tàng tỉnh cũng đã thu được một số đạn đá như thế này, trong khu vực thành.

Theo Giáo sư - Tiến sỹ Hà Văn Phụng - Viện Trưởng Viện Khảo cổ học, thì đạn đá là loại hiện vật thường thấy ở các di chỉ khảo cổ liên quan đến các trận đánh của nghĩa quân Lam Sơn. Song, đạn đá này của ta hay của địch, dùng để làm gì, và sử dụng như thế nào, thì chưa có ai giải thích.

Muốn giải đáp được những điều này, chúng ta cần vận dụng các kiến thức thực tiễn về chiến tranh, suy xét logic thì mới đưa ra được nhận định hợp lý.

Trước tiên, chúng ta có thể khẳng định ngay: Đây đúng là đạn đá. Vì đá được chế tác thành hình cầu và kích thước như trên, không phải để xây dựng hoặc làm những việc gì khác trong đời sống ở nước ta cũng như các nước, từ xưa đến nay.

Đạn đá dùng để sát thương hay việc gì khác? Đạn này để sát thương cũng được. Địch có thể dùng để ném quân ta. Nhưng nếu để ném thì không cần đeo gọt công phu như vậy và khi ném từ trên thành xuống quân ta vẫn có tấm mộc để che đỡ nên hiệu suất sát thương không cao, trong khi đó dùng tên bắn, vừa tiện vừa sát thương hiệu quả hơn. Do đó, có thể khẳng định: Đây là vũ khí của ta và cũng không phải để sát thương địch, mà là được dùng vào mục đích khác hiệu quả hơn.

Chúng ta ai cũng biết: Trong chiến trận, ngoài việc tổ chức hành quân, tác chiến thì việc cung cấp hậu cần nhất là lương thực, là vấn đề

hết sức quan trọng, có khi mang tính quyết định. Điều này còn đặc biệt quan trọng hơn đối với những đội quân đi chiến đấu xa hậu phương, hoặc đang bị bao vây buộc phải cố thủ. Trong lịch sử chiến tranh trên thế giới, cũng như ở nước ta, đã có nhiều thực tế chứng minh điều này.

Trong chiến dịch Điện Biên Phủ, không bỗng dưng khi thay đổi phương án từ đánh nhanh thắng nhanh sang đánh chắc tiến chắc, Đại tướng Võ Nguyên Giáp phải xin Chỉ thị của Trung ương Đảng vì đánh nhanh có thể bị thương vong quá lớn mà không chiến thắng, nếu đánh chắc tiến chắc sẽ thắng nhưng việc cung cấp hậu cần lại gặp nhiều khó khăn. Để nuôi một đội quân mấy sư đoàn thêm một tuần, rồi một tháng, thì phải có hàng chục vạn dân công, bộ đội hậu cần... vận chuyển gạo, đạn và các tỉnh phải dồn sức ra sao để nuôi các lực lượng tham gia chiến dịch ở Điện Biên, trong khi các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ vẫn chưa được giải phóng.

Vì vậy, khi bao vây tiêu diệt thành Xương Giang, việc triệt tiêu kho lương thực của địch là một kế sách hay, là nhiệm vụ cơ bản quan trọng của nghĩa quân Lam Sơn.

Trong lần khai quật này, tại hố số 3 ở phía Tây Bắc thành cổ (ngoài trung tâm thành, nhưng cũng không gần bờ thành), các nhà khảo cổ đã phát hiện ra dấu tích của một kho lương thực. Ở lớp đất thứ 2 và thứ 4, người ta thấy có rất nhiều gạo cháy, lẫn lộn với gạch ngói vỡ chứng tích kho lương thực bị cháy. Nền nhà được đào giữa lòng sâu hơn xung quanh tới 1m, càng chứng tỏ đây là nhà kho. Chứng tỏ người ta đã dùng gỗ ván làm sàn cao hơn nền nhà. Như vậy mới tránh được hơi ẩm của đất bốc lên. Cũng ở đây, đoàn khảo cổ đã tìm thấy có nhiều ngói vỡ. Ngói âm dương to bản, dày và thô hơn ngói lợp nhà bình thường. Có lẽ vì là nhà kho nên quân địch phải làm ngói dày để bảo đảm chắc chắn. Song, làm sao quân ta có thể bắn đạn đá từ ngoài vào trong thành, đồng thời đốt được kho lương thực của địch.

### Đạn đá thành Xương Giang

Thời đó, các nước đều chưa có súng đại bác. Thời Tây Sơn đánh quân Thanh mới chỉ có súng phun lửa. Thời nhà Nguyễn ta mới chỉ có súng thần công, đốt bằng thuốc pháo, để bắn các viên sắt ra khỏi nòng, như kiểu súng đạn ghém. Chắc chắn, quân ta đã phải bắn đạn vào thành bằng phương pháp thủ công.

Trong chiến tranh cổ xưa, người ta đã biết cách làm ra công cụ theo nguyên tắc đòn bẩy để bắn đá, nhưng thường sử dụng bắn từ núi cao xuống. Khi muốn nhảy qua một bờ rào cao, người ta vít ngọn cây tre xuống ghì lại, khi nhảy kết hợp lực nhảy với lực bật của cây tre, như thế có thể vượt qua hàng rào cao 4 - 5m dễ dàng. Kết hợp các phương pháp trên, con người sẽ làm ra được công cụ bắn đạn đá bay cao và bay xa. Tất nhiên để bắn chính xác, người ta đã phải bắn thử nhiều lần ở nơi khác và đã đo cự ly chính xác từ nơi bắn đến kho gạo trong đồn địch. Trong chiến tranh chống Mỹ, du kích nhiều nơi ở miền Nam cũng đã dùng hình thức này, hoặc kiểu như súng cao su khổng lồ, để bắn lựu đạn vào trong đồn địch.

Như vậy, cách bắn đạn đá vào kho gạo của địch đã rõ. Nhưng làm sao đạn đá đốt được kho gạo? Rất có thể, người ta quấn vải tẩm dầu, bọc lấy đạn đá, rồi đốt và bắn đi. Khi đạn rơi xuống kho, làm vỡ ngói, lọt xuống lớp dui, hoặc tọt xuống kho làm cho bốc cháy. Nếu cấp tập bắn một lúc hàng trăm viên đạn, chắc chắn kho gạo của địch sẽ bốc cháy, không sức người nào cứu chữa kịp./.

# THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG, HIỆU QUẢ CÔNG TÁC BẢO VỆ, CHĂM SÓC VÀ GIÁO DỤC TRẺ EM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG (GIAI ĐOẠN 2011 – 2015)

Vũ Vọng

Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng dạy “Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người”. Người đã từng nhấn mạnh: Thiếu niên, nhi đồng là người chủ tương lai của nước nhà, vì vậy chăm sóc và bảo vệ tốt các cháu là nhiệm vụ của toàn Đảng, toàn dân. Trong di chúc thiêng liêng để lại cho non sông đất nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã căn dặn: “Bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau, là một việc rất quan trọng và rất cần thiết”. Thấm nhuần lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu, thực hiện tốt sự lãnh đạo, định hướng của Đảng, những năm qua tỉnh Bắc Giang đã có nhiều chủ trương, biện pháp, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em (BV CS GD TE) theo chương trình hành động vì trẻ em Việt Nam giai đoạn 2001 - 2010 theo Quyết định số 23/QĐ - TTT ngày 26/02/2001 của Thủ tướng Chính phủ. UBND tỉnh Bắc Giang đã tổ chức hội nghị quán triệt, triển khai đến các cơ quan, ban ngành, đoàn thể cấp tỉnh và cấp huyện, đồng thời chỉ đạo các ngành, các cấp thực hiện tốt quan điểm trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XVI và lần thứ XVII về công tác BV CS GD TE.

Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XVII một lần nữa xác định mục tiêu tổng quát đến năm 2015:

- Tỷ lệ trường chuẩn quốc gia đạt 75%.
- Tỷ lệ trẻ em dưới năm tuổi bị suy dinh dưỡng dưới 15%.

- Nâng cao chất lượng công tác BV CS GD TE, giảm tỷ lệ sinh con thứ ba và tình trạng mất cân bằng giới tính khi sinh, duy trì mức sinh thay thế. Từng bước nâng cao chất lượng dân số và chỉ số phát triển con người, thực hiện kế hoạch hoá gia đình bền vững. Làm tốt công tác chăm sóc sức khoẻ sinh sản, chăm sóc bảo vệ bà mẹ trẻ em, giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng, tạo môi trường lành mạnh để trẻ em được phát triển toàn diện về thể chất và trí tuệ. Chăm lo xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc, giữ gìn phát triển truyền thống văn hoá tốt đẹp của gia đình Việt Nam.

Dự thảo báo cáo chính trị trình Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI của Đảng cộng sản Việt Nam, cũng đã nêu rõ: Làm tốt công tác chăm sóc sức khoẻ sinh sản, sức khoẻ bà mẹ và trẻ em, giảm mạnh tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng, góp phần nâng cao chất lượng dân số, đảm bảo các quyền cơ bản của trẻ em, tạo môi trường lành mạnh để trẻ em được phát triển toàn diện về thể chất và trí tuệ.

Bắc Giang là tỉnh miền núi, có diện tích tự nhiên 3823 km<sup>2</sup>, dân số 1,55 triệu người, tỉnh có 10 huyện, thành phố, 230 xã phường thị trấn, tỉnh có 21 dân tộc anh em, đồng bào dân tộc thiểu số chiếm khoảng 13% dân số toàn tỉnh. Tính đến 01/07/2010, toàn tỉnh có 393.356 trẻ em (dưới 16 tuổi) bằng 24% dân số, trong đó trẻ em sống trong gia đình nghèo và cận nghèo 61.000 em, bằng 15,5% tổng số. Trẻ em người dân tộc thiểu số 48.320 em, bằng 12,3% tổng số.



Trẻ em dưới 6 tuổi 150.000 em, bằng 11,5% tổng số. Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt 6217 em, bằng 1,6% tổng số. Trẻ em bị khuyết tật 4.495 em, bằng 1,2% tổng số. Trẻ em vi phạm pháp luật phải đưa đi cải tạo, vào trường giáo dưỡng 42 em. Trẻ em bị tai nạn thương tích (giao thông, đuối nước, điện giật) trong 3 năm (2007 - 2009): 395 em. Trẻ em đang học các bậc học từ mẫu giáo đến trung học phổ thông: 348.439 em, từ năm học 2007 đến nay có 2265 em phải bỏ học.

Kết quả khảo sát bằng phiếu của đề tài: Thực trạng và giải pháp nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Bắc Giang có số liệu sau: Trong tổng số 702/702 phiếu hợp lệ thu về phát ra: Có 604/698 em có biết đến Công ước quốc tế về quyền trẻ em bằng 86,5%; 616 bằng 88,1% số em được hỏi hiểu biết về nhóm Quyền được sống, 83 em bằng 11,9% không biết. 661 em bằng 94,6% biết nhóm Quyền được bảo vệ, 38 em bằng 5,4% không biết. 600 em bằng 85,8% biết nhóm Quyền được phát triển, 99 em bằng 14,2% không biết. Về quyền được tham gia có 582 em bằng 83,3% biết, 117 em bằng 16,7% không biết. Nhìn chung trên 80% số trẻ em được hỏi có khả năng nhận thức về 10 Quyền trẻ em, bốn phạm của trẻ em. Nhìn chung cha mẹ trẻ em đã thực hiện khá tốt việc đăng ký khai sinh cho con em, dành thời gian cho con cháu vui chơi, giải trí sau giờ học, tạo điều kiện cho trẻ em tham gia sinh hoạt xã hội, thường xuyên ứng xử đúng mực với trẻ em. Có 97% số cha mẹ được hỏi thường xuyên quan tâm đến việc đi học hàng ngày của trẻ em và 89,9% số được hỏi thường xuyên liên hệ với nhà trường nơi con em học tập. Kết quả khảo sát bằng phiếu: 179 phiếu xin ý kiến của cán bộ lãnh đạo quản lý cấp cơ sở có tới 96,6% cán bộ cấp cơ sở có hiểu biết về Công ước quốc tế về quyền trẻ em. Khoảng 98% số cán bộ cấp xã được hỏi có nhận thức được luật BV CS GD TE. 88% số cán bộ cấp cơ sở được hỏi xác định được tầm quan trọng của bộ luật qua khảo sát, xin ý kiến bằng phiếu và trao đổi nhìn chung giáo viên các trường học trong tỉnh đều có nhận thức đầy đủ, đúng về quyền trẻ em, nghĩa vụ nhà trường với việc bảo vệ chăm sóc

giáo dục trẻ em.

Việc đầu tư xây dựng các cơ sở vui chơi, giải trí cho trẻ em có nhiều tiến bộ, tính đến hết năm 2009 đã có 4 địa phương: Lạng Giang, Lục Nam, Tân Yên và thành phố Bắc Giang đã quy hoạch giành quỹ đất 286,18 ha để đầu tư xây dựng cơ sở vui chơi, giải trí cho trẻ em, trong đó 51,74 ha đã được đầu tư xây dựng. Tới nay toàn tỉnh có 1774 cơ sở vui chơi, giải trí cộng đồng có trẻ em tham gia. Trong 3 năm qua ngân sách tỉnh giành kinh phí đầu tư trang thiết bị, đồ chơi phục vụ cho vui chơi giải trí của trẻ em đạt hơn 310 tỷ đồng với sự tham gia của nhiều tổ chức và cá nhân đóng góp. Hàng năm trong tháng hành động vì trẻ em, tết trung thu, các địa phương, ngành đoàn thể đã huy động cán bộ, đoàn viên, hội viên và nhân dân tích cực ủng hộ trẻ em nghèo và các tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ em trị giá hàng trăm triệu đồng. Nhân kỷ niệm các ngày hội truyền thống, tết Nguyên Đán, Quốc tế thiếu niên, tết trung thu, tháng hành động vì trẻ em, các hoạt động vui chơi cho trẻ em được đẩy mạnh, với nhiều hoạt động hấp dẫn. Báo cáo chính trị Đại hội Đảng bộ tỉnh Bắc Giang lần thứ XVII cũng như kết quả khảo sát, nghiên cứu của đề tài cho thấy: Những năm qua sự nghiệp giáo dục, đào tạo ở tỉnh đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Chất lượng giáo dục toàn diện tiếp tục được nâng lên. Tỷ lệ đỗ tốt nghiệp THPT và số học sinh đoạt chuẩn quốc gia luôn nằm trong nhóm thứ hạng cao của cả nước. Kết quả phổ cập giáo dục tiểu học và phổ cập THCS đúng độ tuổi, được củng cố và duy trì vững chắc. Quy mô trường lớp phát triển, năm 2010 tăng 40 trường so với năm 2005. Trong năm qua có thêm nhiều trường đạt chuẩn quốc gia. Phong trào khuyến học, khuyến tài, gia đình, dòng họ khuyến học phát triển rộng khắp ở các cơ quan, đơn vị, thôn bản. Tuy nhiên công tác chỉ đạo, điều hành, ban hành các văn bản thực hiện đầu tư xây dựng cơ sở chăm sóc, giáo dục, vui chơi, giải trí cho trẻ em, kiểm tra, đôn đốc của chính quyền các cấp ở nhiều nơi chưa được quan tâm chú trọng thường xuyên. Nhận thức của cấp chính quyền và cơ sở về công tác quy hoạch đầu tư xây dựng cơ sở chăm sóc, giáo dục điểm vui chơi, giải trí giành riêng cho trẻ em



## Niềm vui của học sinh Trường Tiểu học Cẩm Đàn - Sơn Động

còn hạn chế. Còn 6 đơn vị cấp huyện chưa quy hoạch các điểm vui chơi giải trí cho trẻ em. Ngân sách nhà nước đầu tư xây dựng cơ sở vui chơi giải trí cho trẻ em còn ít, chủ yếu phải thông qua các chương trình lồng ghép của trung ương và địa phương như xây dựng trường học, nhà văn hoá... Công tác xã hội hoá về đầu tư xây dựng điểm vui chơi giải trí cho trẻ em còn hạn chế. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chương trình hành động vì trẻ em Bắc Giang 2001 - 2010 còn hạn chế, không đúng kế hoạch đề ra. Đầu tư kinh phí, trang thiết bị còn ít chưa đáp ứng nhu cầu tổ chức vui chơi giải trí cho trẻ em. Với kết quả khảo sát, tìm hiểu thực tế cũng như trong báo cáo chính trị của Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII đã cho thấy: Chất lượng giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh vẫn chưa có chuyển biến rõ rệt. Tinh thần, thái độ phục vụ của không ít y bác sĩ với trẻ em ở nhiều nơi chưa tốt. Việc làm thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi có thời gian trong năm 2010 gặp bí tắc. Tỷ lệ gia đình sinh con thứ 3 chưa giảm, tình trạng mất cân bằng giới tính sinh cao, trạm y tế cơ sở ở nhiều nơi còn sơ sài, hạn chế khả năng chăm sóc sức khoẻ cho trẻ em.

Nguyên nhân đạt được những kết quả và thành tích trên đây là nhờ có sự lãnh đạo, chỉ đạo

thường xuyên, kịp thời của các cấp uỷ đảng, chính quyền. Công tác tuyên truyền, vận động có nhiều cố gắng, có tính thuyết phục, hiệu quả cao. Sự phối hợp tham gia có hiệu quả của UBMTTQ và đoàn thể nhân dân. Có chủ trương, chính sách, sự quan tâm đầu tư của Chính phủ, của các cơ quan Trung ương. Sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ, giáo dục trẻ em đã được xã hội hoá, được toàn dân tham gia.

Nguyên nhân của tình hình hạn chế, khuyết điểm trên đây là do điều kiện kinh phí của tỉnh còn gặp nhiều khó khăn, tỷ lệ hộ nghèo trong tỉnh còn cao hơn bình quân trung bình của cả nước. Nguồn lực đầu tư của nhà nước cũng như nguồn lực vận động từ xã hội cho công tác BV CS GD TE nói chung và đầu tư xây dựng cơ sở vui chơi giải trí cho trẻ em nói riêng còn hạn chế. Công tác tham mưu của các ngành chức năng chưa tốt. Việc xác nhập các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện trong những năm qua phần nào cũng đã ảnh hưởng đến công tác BV CS GD TE, sự phối hợp giữa các cơ quan hữu quan chưa chặt chẽ. Để nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em trên địa bàn tỉnh Bắc Giang trong thời gian tới (2011 - 2015) cần thực hiện các giải pháp sau đây.

*Một là,* Các cấp bộ đảng, chính quyền, các ngành hữu quan từ tỉnh đến cơ sở tiếp tục lãnh đạo tổ chức thực hiện tốt chỉ thị số 55 CT-TU ngày 28/06/2000 của Bộ chính trị về “tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng đối với công tác BV CS GD TE “. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động toàn xã hội làm cho mọi người nhận thức về tầm quan trọng đối với công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em.

*Hai là,* Các cơ quan hữu quan tiếp tục thực hiện tốt Chương trình hành động vì trẻ em giai đoạn 2001 - 2010 và phát triển tới 2015. Nâng cao tinh thần trách nhiệm của các tổ chức Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể đối với công tác BV CS GD TE với việc thực hiện các chương trình có liên quan đến trẻ em.

*Ba là,* Tiếp tục đẩy mạnh và thực hiện có hiệu quả các chương trình, mục tiêu quốc gia về trẻ em: Tiêm chủng mở rộng, phòng chống tội phạm, nước sạch, vệ sinh môi trường, xoá đói giảm nghèo. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, phối hợp giữa các ngành, các cấp trong công tác BV CS GD TE.

*Bốn là,* Bồi dưỡng và nâng cao năng lực, thẩm quyền của cơ quan, cán bộ làm công tác dân số gia đình và trẻ em, để các tập thể và cá nhân có đủ năng lực đề xuất, tham mưu và cùng cấp uỷ chính quyền, đoàn thể tổ chức thực hiện các nội dung, nhiệm vụ liên quan tới công tác BV CS GD TE - khuyến khích các hình thức, các tổ chức cá nhân có sáng kiến và phổ biến sáng kiến, kiến thức, phương pháp khoa học về nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, tổ chức vui chơi cho trẻ em. KIỆN TOÀN CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC HỘI LÀM CÔNG TÁC BV CS GD TE. Hàng năm đầu tư kinh phí thoả đáng cho các tổ chức để làm tốt công tác BV CS GD TE.

*Năm là,* Các cấp uỷ đảng tiếp tục chỉ đạo nhà trường các cấp tổ chức, quản lý việc giảng dạy và hoạt động BV CS GD TE nhất là theo các chương trình mục tiêu quốc gia kể cả trong chính khoá và ngoại khoá của trường. Gắn chặt sự liên hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội trong công tác BV CS GD TE. Cấp uỷ, chính quyền các cấp chỉ đạo các cơ quan hữu quan hàng năm kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể và cá nhân làm tốt công tác BV CS GD TE đồng

thời kịp thời xử lý những tập thể, cá nhân vi phạm quyền, tính mạng và thân thể trẻ em. Tích cực xây dựng gia đình văn hoá, cơ quan, khu phố, làng bản văn hoá tạo môi trường tốt tới chăm sóc, giáo dục trẻ em.

- Cùng với các giải pháp trên đây xin nêu một số kiến nghị với các cơ quan Trung ương và địa phương.

- Tiếp tục hoàn thiện, bổ sung và có văn bản mới chỉ đạo đẩy mạnh các hoạt động BV CS GD TE, hoạt động văn hoá, vui chơi giải trí cho trẻ em trong giai đoạn 2010 – 2015, quan tâm hơn nữa tới vùng núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Đề nghị Chính phủ, các Bộ, Ngành của Trung ương quan tâm đầu tư kinh phí thoả đáng, hỗ trợ nhiều hơn cho địa phương xây dựng cơ sở vui chơi giải trí, khám chữa bệnh, chăm sóc sức khoẻ cho trẻ em.

- Thường xuyên quan tâm chỉ đạo thực hiện các văn bản của Trung ương về BV CS GD TE; tổ chức sơ tổng kết việc thực hiện các chương trình đúng kế hoạch.

- Tiếp tục kiện toàn hệ thống tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ làm công tác BV CS GD TE ở cấp huyện và cơ sở; thường xuyên kiểm tra đôn đốc các ngành chức năng, chính quyền địa phương thực hiện tốt pháp luật về BV CS GD TE.

- Các ngành chức năng của tỉnh tích cực tham mưu cho HĐND, UBND về xây dựng cơ chế chính sách liên quan đến trẻ em.

- Đề nghị UBND tỉnh chọn một huyện chỉ đạo làm điểm về công tác BV CS GD TE. Đề nghị mỗi huyện, thành phố chọn một đến hai xã, phường, thị trấn làm điểm về công tác BV CS GD TE, từ đó rút kinh nghiệm nhân ra diện rộng.

- Cùng với 19 tiêu chí trong xây dựng nông thôn mới do Thủ tướng Chính phủ đã quy định, đề nghị UBND tỉnh bổ sung đưa công tác BV CS GD TE là một trong những tiêu chí trong xây dựng nông thôn mới.

- Đề nghị cấp uỷ đảng hàng năm coi công tác BV CS GD TE là một trong những tiêu chí đánh giá xếp loại chi bộ, Đảng bộ cơ sở trong sạch vững mạnh./.

# PHÁT TRIỂN ĐẢNG VIÊN LÀ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ

Thu Hường

*Lục Ngạn là huyện miền núi của tỉnh Bắc Giang, địa bàn rộng, đông bào dân tộc thiểu số chiếm tỷ lệ 49% dân số toàn huyện. Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, thời gian qua các cấp ủy đảng ở Lục Ngạn đã quan tâm đến công tác phát triển đảng viên ở những vùng còn khó khăn, vùng đông bào dân tộc thiểu số và đạt được một số kết quả bước đầu, song bên cạnh đó công tác này hiện nay vẫn còn gặp nhiều khó khăn đòi hỏi cần có những giải pháp tích cực đồng bộ hơn nữa.*

Là đảng viên với 40 năm tuổi đảng, Ông Bàn Văn Vượng người dân tộc Sán Dìu ở thôn Giành Cũ, xã Quý Sơn, huyện Lục Ngạn luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, gương mẫu trước quần chúng, nhất là trong lĩnh vực phát triển kinh tế. Mỗi khi thôn phát động bất cứ phong trào nào ông cũng hăng hái đi đầu. Thôn có 38% là người dân tộc thiểu số sinh sống, trình độ dân trí của bà con thấp, việc sản xuất còn nhiều lạc hậu, được sự phân công của chi uỷ ông thường xuyên cùng các đảng viên trong chi bộ đến tuyên truyền vận động bà con nhân dân trong thôn thay đổi cách nghĩ, cách làm để phát triển kinh tế từ kỹ thuật trồng vải, nuôi ong, cách phòng chống dịch bệnh trên đàn gia súc gia cầm áp dụng những tiến bộ KHKT vào sản xuất. Chẳng thế mà ông được bà con trong bản gọi bằng cái tên trìu mến: *Bạn của nhà nông*. Giờ đây cuộc sống của bà con đã thay đổi hơn nhiều so với trước. Cái đói cái nghèo đang dần lùi xa, bà con tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng ông Vượng tâm sự: *“Minh là đảng viên có nhiều thuận lợi đó là mình nắm bắt được các chủ trương đường lối của Đảng Nhà nước nên khi tuyên truyền bà con rất tin tưởng nghe theo và quan trọng hơn là mình gương mẫu làm trước, thấy hiệu quả là ai cũng làm theo”*.

So với các địa phương khác của tỉnh thì Lục Ngạn có tỷ lệ hộ nghèo ở mức cao với 21,7%, đặc biệt huyện có 13 xã đặc biệt có khăn có tỷ lệ hộ nghèo trên 50%, chính vì vậy việc phát triển đảng viên nói chung, đảng viên là người dân tộc thiểu số nói riêng là nhiệm vụ quan trọng trong công tác xây dựng Đảng mà huyện uỷ Lục Ngạn xác định, qua đó nhằm truyền tải, triển khai chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước đến với mọi người dân, nhất là trong công tác xoá đói giảm nghèo.

Theo số liệu thống kê từ năm 2005 đến hết năm 2009 toàn Đảng bộ huyện Lục Ngạn kết nạp được 1376 đảng viên trong đó có 396 đảng viên là người dân tộc thiểu số. Hiện số đảng viên là người dân tộc thiểu số của huyện vào khoảng gần 1.200 người, chiếm khoảng 22 % tổng số đảng viên toàn huyện. Số đảng viên cán bộ chủ chốt là người dân tộc thiểu số là 112 người. Nhìn chung đội ngũ đảng viên được kết nạp có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, trình độ văn hoá, năng lực chuyên môn ngày càng được nâng lên, có khả năng vận động quần chúng, phát huy vai trò gương mẫu, tích cực trong các phong trào thi đua yêu nước ở địa phương. Từ những kết quả trong công tác phát

## **Bộ trưởng, chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc Giàng Seo Phủ trao kỷ niệm chương cho các đại biểu đồng bào dân tộc thiểu số huyện Lục Ngạn, Bắc Giang.**

triển đảng viên là người dân tộc thiểu số ở Đảng bộ huyện đã góp phần quan trọng vào việc xoá đói giảm nghèo nhất là ở những vùng sâu vùng xa, thúc đẩy kinh tế xã hội địa phương phát triển, đảm bảo giữ vững tình hình an ninh chính trị và trật tự xã hội trên địa bàn. Tuy nhiên bên cạnh những kết quả đạt được thì hiện nay việc kết nạp đảng viên nói chung và người dân tộc thiểu số nói riêng ở Lục Ngạn vẫn đang gặp nhiều khó khăn. Nếu nhìn vào số thống kê thì tỷ lệ kết nạp đảng viên là người dân tộc thiểu số của Đảng bộ huyện đang ngày một giảm. Năm 2008 toàn Đảng bộ huyện kết nạp được 90 đảng viên, năm 2009 giảm xuống còn 83 đảng viên. Mặt khác thực trạng tạo nguồn kết nạp hiện nay đang gặp khó khăn.

Để tìm hiểu về vấn đề này chúng tôi có mặt tại một số xã trong đó có xã Quý Sơn. Theo nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã đề ra mỗi năm toàn đảng bộ kết nạp 20 đảng viên và năm 2010 sẽ phải kết nạp được 100 đảng viên. Thế nhưng

kể từ năm 2005 đến nay toàn Đảng bộ chỉ kết nạp được 67 quần chúng ưu tú vào Đảng trong đó có rất ít đảng viên là người dân tộc thiểu số. Đ/c Ân Ngọc Lương - Bí thư Đảng uỷ xã Quý Sơn cho biết: “*Thực tế tại địa phương chúng tôi hiện nay nhiều người là những quần chúng rất tích cực với các phong trào ở địa phương, làm kinh tế giỏi, có uy tín với nhân dân cũng có nguyện vọng được đứng trong hàng ngũ của Đảng nhưng chưa học hết THCS vì theo quy định các xã không phải diện đặc biệt khó khăn thì trình độ văn hoá của quần chúng ít nhất phải tốt nghiệp từ THCS trở lên. Mặt khác nhiều quần chúng đang tham gia công tác đoàn thể nhưng không được kết nạp vì trước đây lỡ sinh con thứ 3. Hiện nay con của họ đã lớn, nhiều cháu tốt nghiệp THCS, THPT nhưng không được kết nạp - Đó cũng là lý do khiến cho công tác kết nạp đảng viên của xã chúng tôi gặp nhiều khó khăn*”.

Cùng với Quý Sơn xã Nghĩa Hồ cũng rơi vào tình trạng tương tự. Hiện toàn Đảng bộ xã có 15 chi bộ với 247 đảng viên, trong đó đảng viên

là người dân tộc thiểu số chiếm 30%. Theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã lần thứ XVII nhiệm kỳ 2005-2010 đề ra là kết nạp được 40 đảng viên nhưng trên thực tế kết quả vừa qua toàn đảng bộ chỉ kết nạp được 24 đảng viên đa số là người Kinh công tác ở cơ quan như trường học, trạm y tế, cán bộ xã, còn ở các thôn bản là rất ít trong khi đây không phải là xã khó khăn, nếu như không muốn nói là có nhiều điều kiện thuận lợi hơn so với các xã khác. Đồng chí Nguyễn Văn Mạnh - Bí thư Đảng ủy xã Nghĩa Hồ nói: *“Chúng tôi đã cố gắng để làm công tác tạo nguồn nhưng thực tế vẫn còn nhiều khó khăn vì hầu hết thanh niên hiện nay đi làm ăn ở xa, trong khi đó những đối tượng ở nhà thì lại không đủ các điều kiện để kết nạp”*.

Qua tìm hiểu tại các xã chúng tôi được biết khó khăn trong việc phát triển đảng viên là người dân tộc thiểu số ở huyện Lục Ngạn có nhiều nguyên nhân như trình độ dân trí thấp, đời sống nhân dân còn gặp nhiều khó khăn, thiếu nguồn đảng viên trẻ. Đa số thanh niên học xong phổ thông đi học các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp nghề, số không thi đỗ đi làm thuê, làm mướn. Những trường hợp ở lại thôn, bản đa số trình độ văn hoá thấp, xây dựng gia đình sớm nhưng lại không tham gia công tác đoàn thể địa phương nên rất khó để đưa vào diện tạo nguồn giới thiệu cho tổ chức Đảng. Bên cạnh những lý do trên có những nguyên nhân, hạn chế khác đó là một số cấp uỷ đảng chưa chú trọng đến việc bồi dưỡng, tạo nguồn phát triển đảng viên thường xuyên và lâu dài. Một số đoàn thể chính trị ở cơ sở thôn bản hoạt động yếu, chưa tập hợp, thu hút được đoàn viên, hội viên. Nhận thức của quần chúng về Đảng còn hạn chế, một bộ phận quần chúng có trình độ nhưng chưa có ý thức vươn lên, ngại tham gia các phong trào của các tổ chức đoàn thể. Công tác tuyên truyền vận động còn hạn chế chưa tạo động lực để quần chúng có nguyện vọng phấn đấu vào Đảng. Mặt khác một số quy định về điều kiện để kết nạp đảng viên ở những vùng không phải là đặc biệt khó khăn cũng là một hạn chế khiến cho việc kết nạp đảng viên càng khó khăn hơn.

Nói về những giải pháp đối với công tác phát triển đảng viên là người dân tộc thiểu số

thời gian tới, đồng chí Nguyễn Văn Tuyến, Phó Bí thư thường trực huyện uỷ Lục Ngạn cho biết: *“Trước mắt, chúng tôi đang tập trung vào một số giải pháp trọng tâm như chỉ đạo các Đảng uỷ cơ sở trực thuộc tăng cường hơn đối với công tác này, chỉ đạo Đảng uỷ các xã coi trọng hơn công tác này, đồng thời tập trung vào công tác xoá đói giảm nghèo nhất là ở các vùng khó khăn”*.

Bên cạnh những giải pháp mà Huyện uỷ nêu ra theo chúng tôi để làm tốt công tác này huyện uỷ cần tập trung thêm vào một số giải pháp như cần tiếp tục tăng cường đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục chủ nghĩa Mác Lê Nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước đến đoàn viên hội viên, nhất là đoàn viên thanh niên. Chú trọng công tác tuyên truyền miệng và giáo dục thông qua tấm gương người tốt việc tốt. Chú trọng bồi dưỡng, kết nạp đảng đối với những quần chúng ưu tú đang sinh sống, gắn bó lâu dài ở các thôn bản vùng sâu, vùng xa. Những quần chúng trước đây sinh con thứ ba hoặc chỉ học hết tiểu học và trên 55 tuổi hiện đang sinh sống ở thôn bản vùng sâu vùng xa nơi có ít đảng viên, có khả năng tập hợp quần chúng, có uy tín trong cộng đồng dân cư, thậm chí không phải xã đặc biệt khó khăn nếu như có nguyện vọng thiết tha vào Đảng thì Huyện uỷ xem xét từng trường hợp cụ thể để kết nạp Đảng. Bên cạnh đó cần đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội ở các xã vùng sâu, vùng xa. Ưu tiên đầu tư các dự án chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, đầu tư phát triển đường giao thông, điện, trường học, nhà sinh hoạt cộng đồng. Các chi bộ thôn bản và đảng uỷ các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số hàng năm cần xây dựng kế hoạch phát triển đảng viên, phân công nhiệm vụ cụ thể cho đảng viên, cử đảng viên đang công tác tại xã về thôn, bản còn ít đảng viên để tham gia sinh hoạt gây dựng phong trào, phát hiện, bồi dưỡng, giới thiệu quần chúng ưu tú cho Đảng, gắn trách nhiệm cá nhân đảng viên đó với việc kết nạp đảng viên ở thôn bản được phân công phụ trách./.



# ĐÀO TẠO NGUỒN NHÂN LỰC PHỤC VỤ CHO SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA

Thân Văn Phương

*Nguồn nhân lực chính là lực lượng sản xuất của mọi phương thức sản xuất từ trước đến nay, nó quyết định đến sự phát triển của xã hội. Nguồn nhân lực càng cao thì phương thức sản xuất càng phải thay đổi, trở thành động lực quyết định thúc đẩy tiến bộ xã hội. Do vậy, đào tạo nguồn nhân lực có ý nghĩa quyết định đến quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.*

**T**rong phương hướng nhiệm vụ của Đảng bộ huyện Lạng Giang đã đánh giá: "... Xuất phát điểm nền kinh tế của huyện thấp, sức cạnh tranh của các sản phẩm hàng hóa hạn chế, nguồn nhân lực dồi dào nhưng chủ yếu chưa qua đào tạo; năng lực lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện của một số cấp ủy chưa đạt với yêu cầu...". Trong khi đó Lạng Giang có nhiều lợi thế về tự nhiên và xã hội để phát triển như: Hệ thống giao thông phát triển, nằm trong không gian "2 hành lang, một vành đai kinh tế" Việt - Trung, trình độ dân trí khá cao... Tuy nhiên sự phát triển của huyện trong những năm qua chưa xứng với tiềm năng, thế mạnh sẵn có do nhiều yếu tố tác động, trong đó có yếu tố nguồn nhân lực, bao gồm cả nguồn nhân lực lãnh đạo. Theo số liệu tổng hợp, trong giai đoạn từ năm 2000 đến 2005, trên địa bàn Lạng Giang mới chỉ có 10 doanh nghiệp của nhà nước và tập thể hoạt động, công nghệ lạc hậu, sản xuất cầm chừng, bố trí rất tản mạn, nhỏ lẻ và manh mún, sản xuất ra các mặt hàng đơn giản, khó tiêu thụ, giải quyết việc làm cho vài trăm lao động. Từ năm 2006 đến năm 2010, thực hiện các cơ chế, chính sách khuyến khích đầu tư vào nông thôn, trên địa bàn Lạng Giang đã có thêm 129 doanh nghiệp mới thành lập đã đi vào hoạt động, nâng tổng số doanh nghiệp trên địa bàn huyện lên đến 161 doanh nghiệp, gấp hàng chục lần so với thời điểm 2005. Các doanh nghiệp đã

giải quyết việc làm cho hơn 8.000 lao động, có mức thu nhập ổn định hàng tháng. Bức tranh công nghiệp của huyện đã được định hình, với 4 cụm công nghiệp tập trung và một số điểm công nghiệp phân tán ở hầu hết các xã, thị trấn. Các cụm công nghiệp của huyện đã thu hút 20 dự án đầu tư, với số vốn 397,6 tỷ đồng tại Tân Dĩnh, Phi Mô, Vôi, Yên Mỹ, Dĩnh Trì.

Nhiều doanh nghiệp hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả, thu hút nhiều lao động và có thu nhập ổn định như: Công ty Xi măng Bắc Giang, Cơ khí số 2, Hoàn Hảo, G.O.C, Plexcon... Các cơ sở tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn giải quyết cho trên 12.400 lao động. Giá trị sản xuất công nghiệp-tiểu thủ công nghiệp của huyện năm 2009 theo giá hiện hành đạt 968 tỷ đồng, kim ngạch xuất khẩu đạt 7,7 triệu USD. Đến hết năm 2009, các doanh nghiệp và các hộ sản xuất kinh doanh trên địa bàn nộp cho ngân sách trên 40 tỷ đồng. Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và ngành nghề nông thôn đang từng bước trở thành động lực chính trong phát triển kinh tế của huyện. Có được vị thế mới này, trong những năm qua, Huyện ủy, UBND huyện rất coi trọng công tác đào tạo nghề cho nguồn nhân lực trên địa bàn. Toàn huyện đang có 7 cơ sở đào tạo nghề từ bậc sơ cấp cho đến cao đẳng. Mỗi năm đào tạo cho trên 5.000 lượt người tùy theo trình độ và hình

thức đào tạo nhưng chủ yếu vẫn là đào tạo nghề ngắn hạn. Mặt khác các xã, các đoàn thể nhân dân đã vào cuộc tham gia đào tạo nghề ngắn hạn cho người lao động, việc làm này đã góp phần đưa tỷ lệ lao động được bồi dưỡng, đào tạo nghề của huyện từ 17,3% năm 2005 lên 55% hiện nay. Thông qua đào tạo nghề cho lao động đã giúp cho rất nhiều người có cơ

hội tìm được việc làm mới hoặc chuyển đổi nghề nghiệp tại chỗ nhất là các lao động trẻ. Đây cũng là cơ sở quan trọng để chuyển dịch cơ cấu kinh tế tại chỗ theo hướng “*ly nông bất ly hương*”. Do vậy việc đào tạo nghề cho người lao động - lực lượng chính làm ra của cải vật chất cho xã hội nên được các cấp ủy, chính quyền cũng rất quan tâm chăm lo đến công tác đào tạo nguồn nhân lực lãnh đạo cho hệ thống chính trị các cấp. Trong 5 năm qua, Trung tâm Bồi dưỡng chính trị của huyện đã tổ chức được 122 lớp đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho trên 11.000 lượt cán bộ, đảng viên, cử 82 lượt cán bộ đi học nâng cao trình độ lý luận, nghiệp vụ do tỉnh và các trường đại học tổ chức. Kết quả, hầu hết cán bộ cấp trưởng, phó phòng, ban, cơ quan của huyện có trình độ đại học chuyên môn và lý luận từ trung cấp trở lên; 77,3%, đội ngũ cán bộ công chức cấp xã có trình độ chuyên môn từ trung cấp trở lên và 71,4% số này có trình độ trung cấp lý luận chính trị. Do đó, đã đáp ứng được với yêu cầu của công việc lãnh đạo, chỉ đạo các nhiệm vụ chính trị của địa phương và cơ sở.

Phương hướng đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực từ nay đến 2015, Lạng Giang xác định: “*Quan tâm phát triển nguồn nhân lực, ứng dụng mạnh mẽ các thành tựu, tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất và đời sống...*”. Quan điểm chỉ đạo của huyện nhằm mục tiêu chính là: “... *Huy động các*

### Đào tạo nghề cho thanh niên nông thôn

*nguồn nội lực, khai thác có hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa phương, phát huy nội lực, thu hút đầu tư từ bên ngoài để đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế xã hội và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa. Trong đó, chú trọng phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, thương mại dịch vụ, gắn với phát triển hàng hóa, phát triển kinh tế nông thôn, xây dựng nông thôn mới*”. Như vậy, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của huyện là nhiệm vụ trọng tâm của lĩnh vực đào tạo. Phấn đấu đến năm 2015, tỷ lệ lao động được đào tạo, bồi dưỡng nghề chiếm 60%, trong đó qua đào tạo chiếm 40% tổng số người được đào tạo, bồi dưỡng. Riêng về nguồn nhân lực lãnh đạo, căn cứ vào công tác quy hoạch mà từng bước chuẩn hóa về chuyên môn và lý luận chính trị, để mỗi cán bộ đều có đủ trình độ đáp ứng với nhiệm vụ được giao.

Thực hiện tốt mục tiêu về đào tạo nguồn nhân lực chính là tạo tiền đề quyết định để phát triển kinh tế - xã hội của huyện, tạo nên những chuyển biến căn bản trong quá trình thực hiện công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn trên địa bàn, xứng đáng với danh hiệu “*Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới*” mà Đảng và nhà nước vừa trao tặng cho Đảng bộ và nhân dân các dân tộc trong huyện. /.

## SƠN ĐỘNG HÔM NAY

Duy Tùng

“Sơn Động quê mình, mênh mang chiều nhớ...”, câu hát đó vẫn vang mãi trong ký ức của mỗi người. Sơn Động hôm nay với những đổi thay từng ngày, từng giờ, thung lũng An Châu đã được trang điểm bởi những kiến trúc hạ tầng hiện đại, xen lẫn những cánh rừng bạt ngàn, xanh thẳm đã tạo nên bức tranh sinh động về một huyện vùng cao với nhiều khởi sắc mới. Còn nhớ những năm trước đây, Sơn Động còn gặp vô vàn những khó khăn, kinh tế xã hội chậm phát triển, trình độ dân trí thấp, giao thông đi lại khó khăn, tỷ lệ hộ đói nghèo ở mức cao... đây là vấn đề trở ngại đối với cấp ủy, chính quyền nhân dân trong huyện.

Với phương châm phát triển kinh tế là trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt, Đảng bộ huyện Sơn Động đã lãnh đạo thực hiện có hiệu quả các chương trình phát triển kinh tế xã hội, giảm nghèo nhanh và bền vững. Chính vì vậy, các ngành chuyên môn của huyện đã tập trung cao cho việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế, nâng cao giá trị sản xuất, tạo công ăn việc làm ổn định và tăng thu nhập cho nhân dân tại địa phương. Đối với sản xuất nông nghiệp, Đảng bộ huyện đã tập trung lãnh đạo thực hiện chương trình phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá. Mở trên 3000 lớp tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật, hỗ trợ nông dân triển khai trên 170 mô hình trồng trọt và chăn nuôi các loại cây, con có giá trị kinh tế cao vào sản xuất; nhiều mô hình đã đem lại hiệu quả góp phần tăng thu nhập, xoá đói giảm nghèo. Tính đến nay, tổng diện tích gieo trồng ước đạt trên 8.000 ha, trong đó diện tích trồng lúa là 4.550 ha, năng suất bình quân đạt 45 tạ/ha; Diện tích lúa được gieo cấy bằng giống lúa lai đạt trên 20% với năng suất đạt 71 tạ/ha; Diện tích cho thu nhập 50 triệu đồng/ha tăng từ 14 ha năm 2005 lên 60,8 ha năm 2010; giá trị thu nhập bình quân 1 ha đất nông nghiệp năm 2010 ước đạt 30 triệu đồng/năm. Nhiều địa phương đã dần hình thành vùng sản xuất thâm canh cây lương thực, thực phẩm cho năng suất cao như: Dưa bao tử, ngô ngọt xuất khẩu... giá trị kinh tế đạt trên 100 triệu đồng/ha/năm.

Bên cạnh việc áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đưa các loại cây trồng có giá trị kinh tế cao vào sản xuất thì huyện Sơn Động đã xác định phát triển kinh tế rừng có vai trò chủ lực. Theo đó, huyện đã tổ chức tiếp nhận và sử dụng có hiệu quả các chương trình, dự án đầu tư phát triển lâm nghiệp như dự án 327, dự án 661, chương trình 5 triệu ha rừng... đến hết năm 2009, toàn huyện trồng mới được trên 7.300 ha rừng tập trung, vượt mục tiêu đại hội trên 3.000 ha, các ngành chức năng đã chỉ đạo, tổ chức bàn giao được trên 4.500 ha rừng và đất lâm nghiệp của các tổ chức cho nhân dân quản lý. Quan tâm chỉ đạo chuyển đổi, cải tạo 510 ha rừng tự nhiên nghèo kiệt sang trồng rừng kinh tế... chính vì vậy đã nâng độ che phủ của rừng đạt 71,2% , giá trị sản xuất lâm nghiệp đạt trên 43 tỷ đồng. Việc triển khai tổ chức các chương trình dự án về lâm nghiệp đã có nhiều hộ gia đình tham gia trồng rừng, khoanh nuôi bảo vệ rừng được hưởng lợi hàng trăm triệu đồng từ các chương trình dự án lâm nghiệp giúp họ vượt qua khó khăn vươn lên xoá đói giảm nghèo.

Vân Sơn vốn là xã đặc biệt khó khăn của huyện Sơn Động, hiện toàn xã có 5 dân tộc anh em cùng chung sống, với 8 thôn bản, 2.700 nhân khẩu. Trong đó dân tộc thiểu số chiếm 97%. Những năm gần đây bộ mặt nông thôn của địa phương đã có nhiều khởi sắc đáng kể, có được kết quả trên là nhờ cấp ủy, chính quyền địa phương tập trung cao cho công tác tổ chức tiếp

## Trung tâm điều khiển nhà máy Nhiệt điện Sơn Động

nhận và khai thác có hiệu quả các chương trình dự án phục vụ cho sản xuất và đời sống của nhân dân trên địa bàn. Bên cạnh đó, Đảng ủy, UBND xã xác định trồng rừng kinh tế là một trong 3 chương trình kinh tế trọng điểm. Do làm tốt công tác tuyên truyền đến nay 100% hộ dân trong xã đều tham gia trồng rừng kinh tế như: Cây keo, bạch đàn, gia đình ít nhất cũng có 1ha cây lâm nghiệp, toàn xã hiện có gần 800 ha rừng trồng và hiệu quả từ trồng rừng kinh tế đã giúp nhiều hộ gia đình thoát nghèo và vươn lên làm giàu ngay trên mảnh đất quê hương.

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm được huyện ủy Sơn Động quan tâm chú trọng đó là: Công tác triển khai thực hiện có hiệu quả chương trình 134, 135, các chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án trên địa bàn. Trong đó, huyện chỉ đạo tập trung đầu tư trọng điểm xây dựng cơ sở hạ tầng như: Hệ thống điện, đường, trường, trạm với tổng nguồn vốn đạt gần 600 tỷ đồng. Đến nay, 100% các xã, thị trấn có đường ô tô đến trung tâm; giao thông liên thôn, liên xã được đầu tư làm mới, sửa chữa nâng cấp tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại, sinh hoạt của nhân dân; hạ tầng thủy lợi có nhiều cải thiện, diện tích đất sản xuất nông nghiệp được chủ động nước tưới tăng lên đáng kể. Tiêu biểu như Long Sơn là một trong những xã đặc biệt khó khăn của

huyện Sơn Động, đã tổ chức tiếp nhận và triển khai có hiệu quả các chương trình dự án, làm chuyển biến nhận thức của nhân dân trong sản xuất nông, lâm nghiệp. Đây là một trong những xã đầu tiên của huyện thực hiện thành công việc mở rộng diện tích cây vụ đông bằng các giống ngô lai, trồng dưa bao tử xuất khẩu. Trên 90% diện tích lúa được gieo cấy bằng giống lúa mới như: Khang Dân, Q2, Q5, Nhị ưu 838... Từ một địa phương khó khăn đến nay đã hoàn toàn chủ động được lương thực, đời sống của nhân dân từng bước được nâng lên.

Giữa màu xanh bạt ngàn của núi rừng Thanh Sơn, Thanh Luận là những dải băng truyền “vàng đen” của Công ty TNHH Một thành viên Than 45, thuộc Tổng Công ty Đông Bắc. Đây cũng là một trong những đơn vị cung cấp nguồn nguyên liệu chủ yếu cho Nhà máy Nhiệt điện Sơn Động. Với việc bố trí công việc hợp lý nên sản lượng than khai thác của đơn vị năm sau luôn cao hơn năm trước. Chỉ tính 2 năm trở lại đây, nếu như năm 2008 sản lượng khai thác chỉ đạt 200 nghìn tấn thì năm 2009 con số này đã tăng lên 400 nghìn tấn và chỉ tiêu kế hoạch giao năm nay là 600 nghìn tấn. Với kết quả sản xuất kinh doanh luôn tăng trưởng, đây là đơn vị có mức lương người lao động cao nhất trong các công ty trực thuộc Tổng Công ty Đông



Bắc với thu nhập bình quân đạt 7,6 triệu đồng/người/tháng. 100% sản lượng khai thác than sẽ cơ bản phục vụ nguyên liệu cho Nhà máy Nhiệt điện Sơn Động khi vận hành đưa điện lên lưới điện Quốc gia. Được biết, với tổng mức đầu tư khoảng 209 triệu USD, Nhà máy Nhiệt điện Sơn Động có công suất 220 MW, với sản lượng điện phát ra bình quân 1,2 tỷ KWh/năm. Hiện nay nhà máy nhiệt điện Sơn Động đã duy trì 1 tổ máy phát điện theo hình thức trưng dụng với sản lượng đạt 250 triệu KWh. Nhà máy nhiệt điện được xây dựng ngay bên cạnh mỏ than Đồng Rì nhằm tiêu thụ than tại chỗ với sản lượng dự kiến 700.000 tấn than/năm. Một trong những vấn đề mà công ty quan tâm hàng đầu hiện nay đó là đảm bảo cung cấp nguồn than đáp ứng cho hoạt động của nhà máy nhiệt điện. Tuy nhiên việc tăng năng suất, sản lượng phải đi đôi với công tác bảo đảm an toàn lao động cho công nhân. Giải quyết vấn đề này, trong năm qua, công ty đã thực hiện nhiều giải pháp như: Tiếp nhận quản lý và đưa hệ thống cảnh báo khí mê tan toàn mỏ vào hoạt động. Kiện toàn, bổ sung đội ngũ giám sát an toàn; 100% cán bộ, công nhân viên chức công ty được học tập và thực hiện nghiêm túc các quy định về an toàn lao động trong sản xuất.

Song song với việc mở rộng quy mô sản xuất của Công ty TNHH một thành viên Than 45, Nhà máy Nhiệt điện Sơn Động thị trấn Thanh Sơn cũng đã được tỉnh, huyện quan tâm đầu tư bằng các nguồn vốn, xây dựng cơ sở hạ tầng, chợ trung tâm, trường trung học cơ sở, trụ sở làm việc, các công trình giao thông thủy lợi... với tổng kinh phí gần 16 tỷ đồng. Cùng với đó khu bảo tồn thiên nhiên Tây Yên Tử nằm trên địa bàn cũng được tỉnh đầu tư hàng tỷ đồng xây dựng khu du lịch sinh thái. Đây là điều kiện thuận lợi để Thanh Sơn phát triển mạnh về thương mại và dịch vụ. Bên cạnh đó, năm 2003, địa phương đã được tiếp nhận triển khai trồng thí điểm 1 ha giống chè mới Bát Tiên. Sau khi trồng thử nghiệm, cây chè Bát Tiên cũng rất thích hợp với đất và thổ nhưỡng nơi đây, đồng thời loại chè này có đặc điểm nước xanh, hương vị thơm đậm. Trung bình 1kg chè khô ta chỉ có giá từ 40-50 nghìn đồng thì 1kg chè khô Bát Tiên có giá từ

120-150 nghìn đồng, tương đương trên 100 triệu đồng/ha. Do vậy, hiệu quả kinh tế từ trồng chè Bát Tiên cao hơn gấp 3-4 lần so với chè ta và cao hơn rất nhiều so với các loại cây trồng khác. Trên cơ sở thành công ban đầu, lãnh đạo địa phương đã chỉ đạo nhân dân mở rộng diện tích với quy mô canh tác gần 10 ha.

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm được huyện ủy quan tâm chỉ đạo đó là việc quản lý, tiếp nhận nguồn vốn của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 62 huyện nghèo trong cả nước. Theo đó, Huyện ủy đã quyết định thành lập Ban chỉ đạo tổ chức nghiên cứu, quán triệt nội dung Nghị quyết, tập trung xây dựng và được UBND tỉnh phê duyệt Đề án giảm nghèo nhanh và bền vững huyện Sơn Động giai đoạn 2009-2020 với tổng số vốn trên 2.700 tỷ đồng. Việc tổ chức triển khai thực hiện các nội dung của đề án được quan tâm chỉ đạo đồng bộ, có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành. Theo đề án này sẽ tập trung cho việc hỗ trợ thông qua khoán chăm sóc bảo vệ rừng, giao rừng, hỗ trợ một lần cho chuyển đổi cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi; hỗ trợ xoá nghèo đối với hộ nghèo là gia đình chính sách, người có công với cách mạng; hỗ trợ kinh phí đào tạo dạy nghề ngắn hạn cho người lao động nông thôn, trả lương giáo viên mầm non... Đến nay đã giải ngân được gần 17 tỷ đồng cho 23 danh mục đầu tư cơ sở hạ tầng ở thôn, bản, xã và huyện.

Bên cạnh việc tiếp nhận các dự án đầu tư, phát triển kinh tế xã hội thì sự nghiệp giáo dục - đào tạo đạt nhiều kết quả đáng kể, hệ thống mạng lưới, quy mô, loại hình trường lớp tiếp tục được củng cố và phát triển, đến năm 2009 đã đầu tư hơn 40 tỷ đồng cho xây dựng cơ sở vật chất trường học. Tỷ lệ phòng học kiên cố đạt 78,7% không còn tình trạng học 3 ca; có 26 trường đạt chuẩn quốc gia, đã xoá được 39/42 phòng học tạm... Chất lượng giáo dục được nâng lên toàn diện. Số học sinh thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng hàng năm tăng. Công tác chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ cho nhân dân, công tác dân số và kế hoạch hoá gia đình có nhiều tiến bộ. Sự nghiệp văn hoá thông tin, đã có

(Xem tiếp trang 26)



# DOANH NGHIỆP BẮC GIANG VỚI HOẠT ĐỘNG SỞ HỮU TRÍ TUỆ

Xuân Dũng

*Kể từ khi Luật Sở hữu trí tuệ ra đời và có hiệu lực từ 01/7/2006, cùng hàng loạt những văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực Sở hữu trí tuệ được ban hành. Việc bảo hộ Sở hữu công nghiệp đối với các tổ chức, cá nhân sản xuất kinh doanh được thuận lợi, các thủ tục đều công khai, minh bạch và dễ dàng thực hiện. Thông qua đó, nhiều doanh nghiệp trên địa bàn được bảo hộ đã nâng cao uy tín, chất lượng sản phẩm và khẳng định thương hiệu của mình trong hội nhập kinh tế quốc tế.*

**H**iện nay trên địa bàn tỉnh Bắc Giang có khoảng trên 2.000 doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất kinh doanh tập trung chủ yếu về các lĩnh vực may mặc, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông sản và sản xuất các mặt hàng tại các làng nghề truyền thống. Những năm gần đây, các đơn vị này đã rất chú trọng quan tâm tới các hoạt động liên quan đến Luật Sở hữu trí tuệ như: Vấn đề đăng ký bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa; bảo hộ thương hiệu công ty... Theo đánh giá của các cơ quan chức năng thì hầu hết các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, cơ sở sản xuất kinh doanh đăng ký bảo hộ sở hữu công nghiệp đã không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa, đồng thời khẳng định thương hiệu của mình trong hội nhập kinh tế.

Công ty Cổ phần Tân Xuyên là một trong những doanh nghiệp tiêu biểu của tỉnh có những bước phát triển mạnh mẽ, toàn diện, trở thành một doanh nghiệp sản xuất các sản phẩm vật liệu xây dựng từ đất sét nung có công suất, công nghệ tiên tiến khẳng định thương hiệu là một trong những doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam. Sau khi cổ phần hóa năm 2004, Công ty Cổ phần Tân Xuyên mang thương hiệu TAXUCO đã liên tục đổi mới công nghệ, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ công nhân lao động, đồng thời áp dụng hệ thống quản lý chất lượng

phù hợp với tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2000. Chính vì vậy mà chất lượng sản phẩm của công ty được nâng lên rõ rệt, đa dạng hóa về mẫu mã, chủng loại đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của thị trường trong nước. Hiện nay, công ty có 5 dây chuyền sản xuất hiện đại, với công nghệ tiên tiến của Italia, Đức, Ucraina với công suất 150 triệu viên sản phẩm/năm. Trong đó nhà máy gạch ngói Bích Sơn có sản lượng 70 triệu viên, được sản xuất trên dây chuyền hiện đại của Ucraina, tự động hóa hầu hết các công đoạn sản xuất. Đặc biệt trong những năm gần đây, nhà máy đã tập trung chỉ đạo áp dụng cải tiến nhiều biện pháp kỹ thuật, từ chọn nguyên liệu, thiết bị tạo hình đến cải tiến quy trình sấy, nung sản phẩm, quy trình phơi sấy luôn đảm bảo cho gạch mộc khô đều từ từ, chống cong vênh, rạn nứt, tiết kiệm chi phí đầu vào và cải thiện cơ bản điều kiện làm việc của công nhân.

Để xây dựng thương hiệu có uy tín trên thị trường thì vấn đề đầu tiên được đặt ra đối với công ty đó là áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO mới phiên bản 9001-2008, tạo ra sản phẩm đủ sức cạnh tranh trên thị trường. Mặt khác nhà máy đã đa dạng hóa các mặt hàng với hơn 30 loại sản phẩm, trong đó có những loại sản phẩm đặc thù thể mạnh như: Gạch lát nền, ngói dán, ngói móc trắng thủy tinh... Ngoài ra, công ty đặc biệt chú

trọng tới khâu tiếp thị, quảng bá sản phẩm, cải cách hành chính trong khâu tiêu thụ, duy trì và phát triển thương hiệu TAXU-CO. Chính vì vậy năm 2009 doanh thu của nhà máy đạt trên 54 tỷ, tăng trên 10% so với kế hoạch. Sản xuất phát triển đã tạo điều kiện từng bước nâng cao đời sống cho cán bộ công nhân viên người lao động với thu nhập bình quân đạt 2,5 triệu đồng người/tháng, quyền lợi khác của người lao động được bảo đảm đúng chế độ.

Bên cạnh đó nhà máy gạch ngói Bích Sơn trực thuộc Công ty Cổ phần Tân Xuyên sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả và trên địa bàn tỉnh Bắc Giang có nhiều doanh nghiệp đã biết phát huy sức mạnh của tập thể, đổi mới tư duy nâng cao uy tín, chất lượng sản phẩm trên thị trường. Đặc biệt đối với ngành dệt may thì Bắc Giang cũng là một trong những địa phương có kim ngạch xuất khẩu hàng đầu trên toàn quốc, mặc dù trong đợt khủng hoảng kinh tế thế giới vừa qua thì các doanh nghiệp dệt may trên địa bàn tỉnh vẫn đạt mức tăng trưởng đáng kể và duy trì sản xuất ổn định. Trong đó tiêu biểu là Công ty TNHH Tín Trục là một doanh nghiệp chuyên sản xuất gia công hàng dệt may xuất khẩu. Được thành lập năm 2005, sau gần một năm xây dựng cơ sở hạ tầng đầu tư các trang thiết bị máy móc đến năm 2006 công ty chính thức đi vào sản xuất và kinh doanh các sản phẩm may mặc tiêu thụ nội địa và xuất khẩu tại Nhà máy May xuất khẩu Đình Trám với doanh thu hàng năm tăng trưởng năm sau cao hơn năm trước, tạo công ăn việc làm cho hàng trăm lao động tại địa phương. Sau khi sản phẩm của công ty tạo được vị thế trên thị trường quốc tế, cũng đồng nghĩa với việc cánh cửa thị trường xuất khẩu không ngừng gia tăng. Công ty TNHH Tín Trục tiếp tục đầu tư xây dựng Xí nghiệp May xuất khẩu Bích Sơn, tại xã Bích Sơn huyện Việt Yên, với quy mô trên 2 ha. Tháng 9 năm 2009,

### Gạch Tân Xuyên- Thương hiệu được người tiêu dùng ưa chuộng

xí nghiệp chính thức đi vào hoạt động 2 phân xưởng với quy mô 15 chuyên may cho hàng dệt kim, tạo công ăn việc làm cho hàng trăm lao động tại địa phương. Hiện nay 100% sản phẩm được xuất khẩu ra nước ngoài, đây là điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao doanh thu từ kim ngạch xuất khẩu. Với phương châm công ty luôn luôn lắng nghe những ý kiến phản hồi của quý khách hàng và mong muốn cung cấp cho thị trường những sản phẩm có chất lượng tốt nhất, phù hợp với yêu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng trên khắp thế giới. Để thực hiện tốt điều này thì công tác giám sát các khâu trong quy trình sản xuất được tuân thủ nghiêm ngặt, từ khi nhập nguyên liệu phải được kiểm tra và thử về mặt quy cách, cỡ, cấu trúc và màu sắc. Quá trình kiểm soát chất lượng sản phẩm được thực hiện rất chặt chẽ bởi hệ thống nhân viên KCS trong mọi công đoạn của quá trình sản xuất từ khâu cắt đến khâu hoàn thiện sản phẩm.

Để tạo niềm tin với các khách hàng quốc tế, công ty đã kiện toàn lại tổ chức, tuân thủ các yêu cầu về môi trường làm việc, chế độ cho người lao động, tham khảo và học hỏi kinh nghiệm của những đơn vị trong ngành về thủ tục, điều kiện giao hàng, đáp ứng tốt nhất yêu cầu của phía đối tác để thành công trong hoạt động sản xuất, kinh doanh. Do đổi mới cách

nghĩ, cách làm mà sản phẩm của công ty đã xuất khẩu sang châu Âu, châu Mỹ và thị trường khó tính Nhật Bản, với các mặt hàng như áo ji - lê, áo jacket, quần âu... Đây là một thị trường đặc biệt hấp dẫn nhưng đòi hỏi doanh nghiệp phải thực hiện nghiêm ngặt các quy định về chất lượng sản phẩm và các điều kiện đảm bảo an sinh xã hội cho người lao động. Chỉ tính riêng 8 tháng đầu năm nay nhà máy đã xuất khẩu đạt 1,8 triệu USD, thu nhập của người lao động duy trì ổn định với mức lương từ 2,8- 3,5 triệu đồng người/tháng.

Bên cạnh việc đầu tư các trang thiết bị máy móc tiên tiến, hiện đại thì yếu tố con người cũng được công ty đặc biệt quan tâm chú trọng, đáp ứng hầu hết các giao dịch với đối tác nước ngoài được thực hiện thông qua hệ thống mạng Internet góp phần giảm chi phí đi lại, đồng thời giữ được mối liên hệ thường xuyên, liên tục với các đối tác nước ngoài. Hiện nay công ty đang tiến hành hoàn thiện các hạng mục đầu tư xây dựng cơ bản, lắp đặt các trang thiết bị máy móc phân xưởng 3 với 5 chuyên may cho hàng dệt thoi, dự kiến tháng 10 sẽ đi vào hoạt động, tạo công ăn việc làm cho hàng ngàn lao động tại địa phương và nâng kim ngạch xuất khẩu của nhà máy lên đến gần 6 triệu USD. Để chuẩn bị cho nguồn nhân lực đáp ứng cho sản xuất theo đúng tiến độ thì vài tháng trở lại đây công ty đã tích cực tuyển dụng và đào tạo nghề may tại chỗ cho lao động, đồng thời có những chính sách hỗ trợ như: Đào tạo miễn phí, hỗ trợ các điều kiện sinh hoạt tiền ăn trưa, chi phí thuê nhà ở... kết thúc khóa học được cấp chứng chỉ và bố trí việc làm ngay tại công ty.

Với các giải pháp đồng bộ về mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm, xây dựng hình ảnh thương hiệu của công ty, tin chắc rằng Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Tín Trực nói chung và Nhà máy May xuất khẩu Bích Sơn nói riêng sẽ vững bước trong xu thế hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay./.

## SƠN ĐỘNG...

(Tiếp trang 23)

...nhiều khởi sắc đáng kể, đến nay các thiết chế văn hóa, phong tục tập quán của đồng bào dân tộc thiểu số đã từng bước được khôi phục như: Hội hát Soong Hao tại khu vực 6 xã Cẩm Đàn, hội hát Then khu vực Vân Sơn, Hội bơi chải khu trung tâm huyện... phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá” được các cấp, các ngành và nhân dân hưởng ứng tích cực. Bên cạnh đó, các cấp, các ngành trong huyện đã quan tâm kịp thời thăm hỏi động viên đối với các đối tượng gia đình chính sách, các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, từ thiện nhân đạo, chăm sóc giúp đỡ người có công kịp thời động viên thăm hỏi, trợ cấp các gia đình chính sách, đối tượng gia đình có hoàn cảnh khó khăn. Tình hình an ninh chính trị, TTATXH được giữ vững. Cùng với chỉ đạo đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội, Đảng bộ huyện Sơn Động luôn chú trọng công tác xây dựng Đảng với phương châm giáo dục toàn diện trên cả 3 mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức, chất lượng tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh ngày một được nâng cao. Đặc biệt sau 4 năm tổ chức thực hiện cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh” đã tạo sự chuyển biến tích cực về nhận thức và hành động của các cấp uỷ, chính quyền, MTTQ, các đoàn thể, cán bộ đảng viên và nhân dân, tạo bước chuyển mới về đạo đức, lối sống... Đời sống của nhân dân đã có nhiều chuyển biến tích cực, đến nay tỷ lệ hộ nghèo giảm từ gần 70% năm 2005 xuống còn trên 37% năm 2010.

Bước vào giai đoạn phát triển mới với những thời cơ, thuận lợi, đồng thời cũng đứng trước những khó khăn, thách thức không nhỏ, phát huy truyền thống của quê hương anh hùng. Đảng bộ và nhân dân các dân tộc huyện Sơn Động tiếp tục đổi mới, sáng tạo, vượt qua khó khăn, thách thức phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ do Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ 24 đề ra, xây dựng quê hương Sơn Động giàu đẹp, văn minh./.

# CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Quản lý tài chính được coi là hợp lý, có hiệu quả khi nó có được một cơ chế quản lý thích hợp, có tác động tích cực tới quá trình hình thành và định hướng phát triển đã được hoạch định. Việc quản lý, sử dụng nguồn tài chính ở các đơn vị sự nghiệp có liên quan trực tiếp đến hiệu quả kinh tế của đơn vị, do đó phải có sự quản lý, giám sát, kiểm tra chặt chẽ trong quá trình khai thác và sử dụng nguồn lực tài chính, đồng thời phải nâng cao hiệu quả việc sử dụng các nguồn tài chính nhằm đạt được những mục tiêu đề ra.

## 1. NỘI DUNG QUẢN LÝ TÀI CHÍNH ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

### 1.1. Lập dự toán thu chi ngân sách

Lập dự toán ngân sách là quá trình phân tích, đánh giá giữa khả năng và nhu cầu các nguồn tài chính để xây dựng các chỉ tiêu thu chi ngân sách hàng năm một cách đúng đắn, có căn cứ khoa học và thực tiễn. Có hai phương pháp lập dự toán thường được sử dụng là: Phương pháp lập dự toán trên cơ sở quá khứ và phương pháp lập dự toán cấp không. Mỗi phương pháp lập dự toán trên có những đặc điểm riêng cùng những ưu, nhược điểm và điều kiện vận dụng khác nhau.

Phương pháp lập dự toán trên cơ sở quá khứ: Là phương pháp xác định các chỉ tiêu trong dự toán dựa vào kết quả hoạt động thực tế của kỳ liền trước và điều chỉnh theo tỷ lệ tăng trưởng dự kiến. Như vậy phương pháp này rất rõ ràng, dễ hiểu và dễ sử dụng, được xây dựng tương đối ổn định, tạo điều kiện, cơ sở bền vững cho nhà quản lý trong đơn vị trong việc điều hành mọi hoạt động.

Phương pháp lập dự toán theo mục tiêu và nhiệm vụ: Là phương pháp xác định các chỉ tiêu

trong dự toán dựa vào nhiệm vụ, mục tiêu hoạt động trong năm kế hoạch, phù hợp với điều kiện cụ thể hiện có của đơn vị chứ không dựa trên kết quả hoạt động thực tế của năm trước. Như vậy, đây là phương pháp lập dự toán phức tạp hơn do không dựa trên số liệu có sẵn. Tuy nhiên, nếu đơn vị sử dụng phương pháp này sẽ đánh giá được một cách chi tiết hiệu quả chi phí hoạt động của đơn vị, chấm dứt tình trạng mất cân đối giữa khối lượng công việc và chi phí thực hiện, đồng thời giúp đơn vị lựa chọn được cách thức tối ưu nhất để đạt được mục tiêu đề ra.

Phương pháp lập dự toán trên cơ sở quá khứ là phương pháp truyền thống, đơn giản, dễ thực hiện và phù hợp cho những hoạt động tương đối ổn định của đơn vị. Trong khi đó, phương pháp lập dự toán theo mục tiêu và nhiệm vụ phức tạp hơn, đòi hỏi trình độ cao trong đánh giá, phân tích, so sánh giữa nhiệm vụ và điều kiện cụ thể của đơn vị nên chỉ thích hợp với những hoạt động không thường xuyên, hạch toán riêng được chi phí và lợi ích.

### 1.2. Tổ chức chấp hành dự toán thu chi

Chấp hành dự toán là quá trình sử dụng tổng hợp các biện pháp kinh tế tài chính, hành chính nhằm biến các chỉ tiêu thu chi ghi trong dự toán ngân sách của đơn vị thành hiện thực. Trên cơ sở dự toán ngân sách được giao, đơn vị sự nghiệp tổ chức triển khai thực hiện, đưa ra các biện pháp cần thiết đảm bảo hoàn thành tốt nhiệm vụ thu chi được giao đồng thời phải có kế hoạch sử dụng kinh phí ngân sách theo đúng mục đích, chế độ, tiết kiệm và có hiệu quả. Để theo dõi quá trình chấp hành dự toán thu chi, đơn vị sự nghiệp cần tiến hành theo dõi chi tiết, cụ thể từng nguồn thu, từng khoản chi trong kỳ của đơn vị.



Thực tế cho thấy trong các đơn vị sự nghiệp, nguồn thu thường được hình thành từ các nguồn:

- Nguồn kinh phí cấp phát từ ngân sách nhà nước (NSNN) để thực hiện nhiệm vụ chính trị, chuyên môn được giao. Đây là nguồn thu mang tính truyền thống và có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo nguồn tài chính cho hoạt động của đơn vị sự nghiệp. Tuy nhiên, với chủ trương đổi mới tăng cường tính tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp, tỷ trọng nguồn thu này của đơn vị sự nghiệp sẽ có xu hướng giảm dần nhằm làm giảm bớt gánh nặng đối với NSNN.

- Nguồn thu từ hoạt động sự nghiệp: Gồm các khoản thu phí, lệ phí thuộc NSNN theo quy định của pháp luật, thu từ các hoạt động dịch vụ, chuyển giao theo chế độ được phép để lại đơn vị. Cùng với việc chuyển đổi sang cơ chế tự chủ tài chính, tỷ trọng nguồn thu này trong các đơn vị sự nghiệp có xu hướng ngày càng tăng. Điều này đòi hỏi đơn vị sự nghiệp phải tổ chức khai thác triệt để các nguồn thu hợp pháp nhằm tăng cường năng lực tài chính của đơn vị.

- Các khoản thu từ nhận viện trợ, biểu tặng, các khoản thu khác không phải nộp ngân sách theo chế độ. Đây là những khoản thu không thường xuyên, không dự tính trước được chính xác nhưng có tác dụng hỗ trợ đơn vị trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

- Các nguồn thu khác như nguồn vốn vay của các tổ chức tín dụng, vốn huy động của cán bộ, viên chức trong đơn vị; nguồn vốn liên doanh, liên kết của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

Với các nguồn thu như trên, đơn vị sự nghiệp được tự chủ thực hiện nhiệm vụ thu đúng, thu đủ theo mức thu và đối tượng thu do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định. Trường hợp cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định khung mức thu, đơn vị căn cứ nhu cầu chi phục vụ cho hoạt động, khả năng đóng góp của đơn vị để quyết định mức thu cụ thể cho phù hợp với từng loại hoạt động, từng đối tượng, nhưng không được vượt quá khung mức thu do cơ quan có thẩm quyền quy định. Đối với những hoạt động dịch vụ theo hợp đồng với các tổ chức, cá nhân

trong và ngoài nước, các hoạt động liên doanh, liên kết, đơn vị được quyết định các khoản thu, mức thu.

### 1.3. Quyết toán thu chi

Quyết toán thu chi là công việc cuối cùng của chu trình quản lý tài chính. Đây là quá trình kiểm tra, tổng hợp số liệu về tình hình chấp hành dự toán trong kỳ và là cơ sở để phân tích, đánh giá kết quả chấp hành dự toán từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm cho các kỳ tiếp theo. Để có thể tiến hành quyết toán thu chi, đơn vị sự nghiệp phải hoàn tất hệ thống báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán ngân sách.

## 2. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI QUẢN LÝ TÀI CHÍNH ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP KH&CN

### 2.1. Phương pháp lập dự toán thu chi ngân sách

Trong điều kiện cụ thể ở các đơn vị sự nghiệp hiện nay, phương pháp lập dự toán trên cơ sở quá khứ vẫn là phương pháp được sử dụng rộng rãi. Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu đổi mới của cơ chế tự chủ tài chính, đối với các đơn vị sự nghiệp KH&CN chưa đủ điều kiện thực hiện theo NB 115/2005/NB-CP (gọi chung là đơn vị sự nghiệp), trong giai đoạn 2011-2013 cần được nghiên cứu và triển khai áp dụng phương pháp lập dự toán theo mục tiêu và nhiệm vụ cho một số hoạt động tự chủ của đơn vị theo tinh thần nghị định 96/2010/NB-CP ngày 20/9/2010 của chính phủ về việc sửa đổi và bổ sung một số điều của nghị định 115/2005/NB-CP.

Trong quá trình chấp hành dự toán thu - chi, đơn vị sự nghiệp phải coi trọng công bằng xã hội, đảm bảo thực hiện nghiêm túc các chính sách, chế độ thu do cơ quan có thẩm quyền ban hành. Đối với các đơn vị được sử dụng nhiều nguồn thu đồng thời cần có biện pháp quản lý thống nhất nhằm sử dụng các nguồn thu đúng mục đích trên cơ sở hiệu quả và tiết kiệm. Để đạt được các yêu cầu trên đòi hỏi các đơn vị sự nghiệp phải sử dụng nhiều biện pháp khác nhau, trong đó phải tổ chức hệ thống thông tin để ghi nhận đầy đủ, kịp thời và liên tục giám sát quá trình chấp hành dự toán đã được xây dựng. Muốn vậy các đơn vị phải tổ chức hệ thống



## *Mô hình lúa lai năng suất cao ở Yên Dũng*

chứng từ ghi nhận các khoản thu, trên cơ sở đó tiến hành phân loại các khoản thu, ghi chép trên hệ thống sổ sách kế toán và định kỳ thiết lập các báo cáo tình hình huy động các nguồn thu.

Song song với việc tổ chức khai thác các nguồn thu đảm bảo tài chính cho hoạt động, các đơn vị sự nghiệp phải có kế hoạch theo dõi việc sử dụng các nguồn kinh phí đúng mục đích để hoàn thành nhiệm vụ được giao trên cơ sở minh bạch, tiết kiệm và hiệu quả.

### 2.2. Quản lý chi

Một yêu cầu căn bản đối với quản lý chi trong các đơn vị sự nghiệp là phải có hiệu quả và tiết kiệm. Nguồn lực luôn có giới hạn nhưng nhu cầu sử dụng không có giới hạn. Hoạt động sự nghiệp diễn ra trên phạm vi rộng, đa dạng và phức tạp dẫn đến nhu cầu chi luôn gia tăng với tốc độ nhanh chóng trong khi khả năng huy động nguồn thu có hạn nên tiết kiệm để đạt hiệu quả trong quản lý tài chính là vấn đề vô cùng quan trọng. Do đó việc phải tính toán sao cho với chi phí thấp nhất nhưng vẫn đạt hiệu quả cao nhất là vấn đề quan tâm hàng đầu của quản lý tài chính đơn vị sự nghiệp. Muốn vậy các đơn vị phải sử

dụng đồng thời nhiều biện pháp khác nhau, trong đó có tổ chức hệ thống thông tin bằng số liệu để phản ánh, ghi nhận kịp thời các khoản chi theo từng nội dung chi, từng nhóm chi, mục chi và thường xuyên tổ chức phân tích, đánh giá, tổng kết rút kinh nghiệm, trên cơ sở đó đề ra biện pháp tăng cường quản lý chi.

2.3. Vai trò của kế toán đối với qui trình quản lý thu chi

Nội dung chính của hệ thống báo cáo tài chính và báo cáo quyết toán là trình bày một cách tổng quát, toàn diện về tình hình thu chi và cân đối ngân sách; tình hình tiếp nhận, huy động, sử dụng các nguồn tài chính và sự vận động của các tài sản sau một kỳ kế toán. Toàn bộ những thông tin trình bày trên hệ thống báo cáo này được xây dựng trên cơ sở thông tin do kế toán cung cấp. Do đó hệ thống báo cáo có trung thực, hợp lý hay không phụ thuộc phần lớn vào việc tổ chức hạch toán kế toán của đơn vị. Khi sử dụng công cụ kế toán, các đơn vị phải tổ chức hạch toán kế toán và quyết toán toàn bộ số thực thu và thực chi trong năm, tổ chức thực hiện thống nhất từ khâu chứng từ, tài khoản, biểu

mẫu sổ sách, báo cáo... Sử dụng nhuần nhuyễn công cụ kế toán sẽ góp phần vào quá trình thu thập, xử lý thông tin phục vụ ra quyết định đúng đắn, kịp thời.

## 2.3. Qui trình quản lý tài chính

Ba khâu công việc trong quản lý tài chính đơn vị sự nghiệp đều hết sức quan trọng. Nếu như dự toán là phương án kết hợp các nguồn lực trong dự kiến để đạt được các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra và là cơ sở để tổ chức chấp hành thì quyết toán là thước đo hiệu quả của công tác lập dự toán. Qua đó có thể thấy ba khâu công việc trong quản lý tài chính có quan hệ mật thiết với nhau và có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sử dụng các nguồn lực nhằm hoàn thành tốt các chức năng, nhiệm vụ được giao. Muốn vậy các đơn vị phải có sự chủ động, linh hoạt trong hoạt động đồng thời với việc sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn lực. Điều này một mặt phụ thuộc vào lĩnh vực hoạt động, chức năng, nhiệm vụ được giao, mặt khác phụ thuộc vào cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý, phương thức hoạt động, cách thức tổ chức hạch toán kế toán khoa học...

Việc lập dự toán chi ngân sách phải lập theo hai nội dung riêng biệt, đó là kinh phí thực hiện chế độ tự chủ và kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ. Khi kiểm tra phải kiểm tra từng phần theo dự toán kinh phí thực hiện chế độ tự chủ và dự toán phần kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ.

Dự toán phần kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ phải được xem xét và dựa trên cơ sở sau:

- Việc lập dự toán phải căn cứ vào nhu cầu, nhiệm vụ và khả năng triển khai của địa phương, đơn vị?

- Các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, các đề tài nghiên cứu khoa học đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt chưa?

- Việc lập dự toán phải căn cứ vào định mức, chế độ, tiêu chuẩn hiện hành của cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định?

- Việc lập dự toán đầu tư xây dựng cơ bản đã có phê duyệt của người có thẩm quyền chưa?

## 2.4. Kiểm tra việc thực hiện dự toán.

Việc kiểm tra thực hiện dự toán phải tiến

hành theo hai chế độ là tự chủ và không tự chủ .

- Kiểm tra sử dụng kinh phí thực hiện chế độ tự chủ : Cần xem xét từng khoản chi phí thực hiện chế độ tự chủ có đúng quy định không? (có vượt quá chế độ, tiêu chuẩn, định mức do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định không? Có đúng chứng từ hoá đơn hợp lệ không?) nhất là đối với các khoản chi thanh toán cá nhân, chi thanh toán dịch vụ công cộng, chi thuê mướn, chi vật tư, văn phòng, thông tin tuyên truyền, liên lạc, chi công tác phí trong nước, hội nghị... kiểm tra xem xét phần kinh phí tiết kiệm được có sử dụng đúng nội dung và mục đích không?

- Đối với sử dụng dự toán kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ: Kiểm tra xem xét từng khoản chi, mục chi của đơn vị sự nghiệp có đúng với quy định hiện hành không?

## 2.5. Sử lý kinh phí quản lý hành chính giao để thực hiện chế độ tự chủ tiết kiệm được:

Cuối năm ngân sách, sau khi đã hoàn thành các nhiệm vụ, công việc được giao, cơ quan thực hiện chế độ tự chủ có số chi thấp hơn số dự toán kinh phí quản lý hành chính được giao (kinh phí do ngân sách nhà nước cấp, các khoản phí, lệ phí được để lại theo chế độ quy định, các khoản thu hợp pháp khác) căn cứ vào quy chế chi tiêu nội bộ đơn vị sự nghiệp được phép bổ sung thu nhập cho người lao động và bổ sung các quỹ theo chế độ quy định.

## 2.6. Kiểm tra việc quyết toán kinh phí

Quá trình kiểm tra cần xem xét việc chuyển nguồn kinh phí (nguồn thực hiện chế độ tự chủ và không thực hiện chế độ tự chủ) sang năm sau có đúng không? kiểm tra lại số kinh phí tiết kiệm được, việc hạch toán kế toán và mục lục ngân sách có đúng quy định không? việc quyết toán ngân sách có đúng thời hạn, biểu mẫu không? xem xét quyết toán có được công khai không?

*Dương Đại Tân(t/h)*

# CẦU LÔNG THÀNH CÔNG KHẲNG ĐỊNH THƯƠNG HIỆU MẠNH

Thanh Phương

*Cầu lông là một trong những môn thể thao được nhiều người ưa thích, bên cạnh sự đam mê thì cầu lông có ý nghĩa vô cùng quan trọng đó là rèn luyện sức khỏe. Tuy nhiên bộ môn thể thao này yếu tố đặc biệt quan trọng đó là quả cầu, đây là vấn đề mà những doanh nghiệp sản xuất kinh doanh mặt hàng này trăn trở và có nhiều biện pháp nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm để khẳng định uy tín trên thị trường.*

Với người say mê cầu lông thì cái tên “Thành Công” đã trở nên khá quen thuộc. Cầu lông Thành Công được người chơi đánh giá có độ bền cao, tốc độ và quỹ đạo bay ổn định, phù hợp với mọi điều kiện tập luyện, thi đấu. Được biết từ một cơ sở sản xuất nhỏ lẻ, tiêu thụ khó khăn đến nay sản phẩm cầu lông Thành Công của công ty cổ phần sản xuất và xuất nhập khẩu Thành Công đã có mặt ở nhiều tỉnh thành trong cả nước. Để có được kết quả đó thì một trong những yếu tố quyết định đó là việc doanh nghiệp mua sắm các trang thiết bị đồng bộ để sản xuất trên dây chuyền công nghệ, kỹ thuật hiện đại, tự động hóa các khâu sản xuất. Nguyên liệu được chọn lọc một cách kỹ càng, theo các tiêu chuẩn chặt chẽ nhằm đáp ứng tốt nhất về độ bền cũng như đảm bảo về tốc độ bay của quả cầu. Đồng thời sản phẩm của công ty đã được Cục sở hữu trí tuệ cấp văn bằng bảo hộ đối với quả cầu lông mang nhãn hiệu Thành Công.

Để có được thương hiệu uy tín như ngày hôm nay là cả một quá trình phấn đấu của tập thể cán bộ công nhân viên chức toàn công ty và đặc biệt là cá nhân giám đốc Nguyễn Quốc Công. Được biết, bản thân anh là người dám nghĩ dám làm, anh đã từng thử sức trên nhiều lĩnh vực, từ sản xuất gạch lát nền, sơn tường đến xây dựng, in ấn. Một lần nghe người bạn giới

thiệu về một cơ sở sản xuất cầu lông, anh đã tìm đến và bị cuốn hút ngay bởi không khí sản xuất nơi này. “Duyên nợ” với nghề sản xuất cầu lông cũng bắt đầu với anh từ đó. Ban đầu, anh cùng mấy người bạn hùn vốn mua quả cầu lông thô tận Thái Bình về gia công thành phẩm rồi in nhãn mác. Khi thị trường biết đến thương hiệu quả cầu lông của mình, anh mới chính thức bắt tay vào sản xuất. Đúng lúc này, trên thị trường đồng loạt xuất hiện thêm 10 cơ sở sản xuất cầu lông dẫn đến sự cạnh tranh gay gắt. Để mở rộng quy mô sản xuất, nâng cao sức cạnh tranh năm 2001 công ty chính thức được thành lập. Trong suốt quá trình sản xuất, công ty luôn chú ý lắng nghe những góp ý của người tiêu dùng để hoàn thiện sản phẩm. Nhờ đó, chất lượng cầu lông của công ty ngày càng được nâng cao, đáp ứng nhu cầu người chơi thể thao trên địa tỉnh Bắc Giang và các vùng lân cận. Đặc biệt năm 2005, công ty đã mạnh dạn nhập khẩu dàn máy sản xuất cầu lông hiện đại trị giá hơn 1 tỷ đồng. Với dàn máy này, công ty sản xuất 2 loại cầu: cầu đế cao su xốp và đế gỗ (lie) bọc da. Riêng loại cầu đế gỗ đã giúp anh vươn tới thị trường quốc tế. Hiện nay, toàn bộ hệ thống sản xuất, quản lý sản phẩm của công ty đều đã được vi tính hoá nối mạng Internet, đồng thời các công đoạn của dây chuyền sản xuất đều được quản lý và giám sát

chặt chẽ, trước khi xuất xưởng sản phẩm của công ty được kiểm tra lần cuối và dán tem chống hàng giả của công ty được thiết kế bằng chất liệu đặc biệt chỉ sử dụng được một lần nên sản phẩm cầu lông của công ty đã giúp cho khách hàng dễ dàng nhận biết sản phẩm và không mua phải hàng giả trên thị trường.

Phần tán cầu: Được gia công từ loại cánh lông bền nhất của gia cầm đủ thời gian sinh trưởng (cánh cong). Sau đó dùng công nghệ cao để xử lý làm thẳng ra, nên phần tán cầu rất bền và ổn định về mặt quỹ đạo bay của quả cầu. Phần đế cầu được thiết kế bằng đế cao su xếp làm bằng nguyên liệu nhập khẩu từ Nhật Bản. Đế gỗ - Lie, dành cho các vận động viên thi đấu quốc gia và quốc tế được sản xuất bằng công nghệ cao để xử lý nên quả cầu đi xoáy, rất bền và ổn định. Cầu lông Thành Công là sản phẩm chất lượng cao, dùng cho tập luyện và thi đấu, sản xuất theo tiêu chuẩn của liên đoàn cầu lông thế giới (IBF). Sản phẩm phù hợp với mọi loại hình thời tiết, khí hậu và thoải mái mọi điều kiện tập luyện thi đấu, thích hợp với mọi lứa tuổi. Mặt khác công ty đã nghiên cứu, nắm bắt được nhu cầu ngày càng cao và đa dạng của khách hàng yêu thích môn thể thao cầu lông nên công ty đã không ngừng đổi mới để tạo ra các dòng sản phẩm khác nhau, nhằm đáp ứng được nhu cầu của tất cả các đối tượng khách hàng. Đến nay công ty đã tạo ra các dòng sản phẩm dùng cho các sân ngoài trời, các sân trong nhà, thích hợp với các vận động viên chơi ở mức phong trào. Và dòng sản phẩm Thành Công Power đế gỗ-lie (bọc da) đạt tiêu chuẩn thi đấu, thích hợp với các vận động viên thi đấu ở cấp

quốc gia và quốc tế. Với người say mê cầu lông thì cái tên “Thành Công” đã trở nên khá quen thuộc, từ chỗ phải đến từng sân giao lễ vài chục quả cầu thì giờ đây công ty đã hình thành được mạng lưới đại lý bán hàng ổn định không chỉ ở Bắc Giang mà còn nhiều tỉnh thành khác trong nước như: Hà Nội, Quảng Ninh, Hải Dương... Trong năm 2006, công ty đã xuất khẩu công-ten-nơ cầu lông đầu tiên đi In-đô-nê-xi-a. Chính vì vậy doanh thu của công ty tăng trưởng hàng năm trung bình từ 15- 20%, tạo công ăn việc làm ổn định cho trên 100 lao động với thu nhập đạt từ 1,9 đến 2,2 triệu đồng/người/tháng.

Sau gần 10 năm nỗ lực phấn đấu, Cầu lông Thành Công của công ty cổ phần SX&XNK Thành Công đã có mặt hầu hết ở các tỉnh và thành phố lớn trong cả nước. Đặc biệt tại Bắc Giang nơi hội tụ nhiều thương hiệu cầu lông nổi tiếng, Thị sản phẩm của công ty đã khẳng định được vị thế của mình với hơn 95% thị phần. Hiện nay chúng tôi đang tìm kiếm, mở rộng thị trường trong nước và quốc tế, nhằm cung ứng cho người tiêu dùng những sản phẩm tốt nhất, với chất lượng cao, giá cả hợp lý và các dịch vụ sau bán hàng hấp dẫn .

Có thể nói, sản phẩm cầu lông mang Thương hiệu Thành Công được tạo ra từ lòng nhiệt huyết, ý tưởng sáng tạo độc đáo của những nhà quản lý, đội ngũ nhân viên được đào tạo chính quy. Cùng với đội ngũ công nhân lành nghề, đã qua đào tạo thực tế, và sự đổi mới liên tục trang thiết bị, kỹ thuật công nghệ cao, chắc chắn thương hiệu cầu lông Thành Công sẽ vững bước hội nhập kinh tế quốc tế./.

# HOẠT ĐỘNG CẦU LẠC BỘ DOANH NGHIỆP TRẺ LỤC NGẠN

Văn Giang

*Được thành lập từ năm 2009 đến nay CLB doanh nghiệp trẻ Lục Ngạn đã bước đầu ổn định và hoạt động có nền nếp. Thể hiện được vai trò là cầu nối giữa doanh nghiệp với các cấp uỷ Đảng, chính quyền, tạo môi trường thuận lợi cho hội viên phát huy nội lực, tính sáng tạo nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.*

Những năm qua, với sức trẻ và sự nhiệt tâm của mình, Tỉnh Đoàn, Hội liên hiệp thanh niên (LHTN) tỉnh Bắc Giang đã trở thành một trong những đầu mối quan trọng giúp cho việc hình thành và hoạt động có hiệu quả của Hội DN trẻ. Động viên khích lệ thế hệ trẻ Bắc Giang mạnh dạn, sáng tạo hơn trong nếp nghĩ, cách làm vươn lên làm chủ khoa học kỹ thuật. Nhiều bạn trẻ đã năng động thành lập DN mới, thu hút và tạo việc làm cho nhiều thanh niên khác. Cũng từ đây vai trò và hoạt động của hội DN trẻ đã được nâng lên, đóng góp tích cực cho công tác Hội và phong trào thanh niên của tỉnh.

CLB doanh nghiệp trẻ huyện Lục Ngạn được thành lập từ năm 2009, trực thuộc Hội doanh nghiệp trẻ tỉnh Bắc Giang, đến nay CLB doanh nghiệp trẻ huyện Lục Ngạn đó có những hoạt động khá hiệu quả. Thể hiện được vai trò là cầu nối giữa doanh nghiệp với các cấp uỷ Đảng, chính quyền, tạo môi trường thuận lợi cho hội viên phát huy nội lực, tính sáng tạo nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, xây dựng lực lượng doanh nghiệp trẻ vừa có tâm và có tầm. Nhìn lại hơn một năm qua, nền kinh tế của đất nước nói chung gặp nhiều khó khăn, song các doanh nghiệp đã có bước phát triển. Trong đó có phần đóng góp không nhỏ của các doanh nghiệp trẻ huyện Lục Ngạn. Các doanh nghiệp tham gia vào hầu hết các ngành, lĩnh vực kinh tế, nhờ đó đó huy động được nhiều nguồn lực cho phát triển

kinh tế, làm cho nền kinh tế tỉnh nhà liên tục đạt được tốc độ tăng trưởng khá, cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Trong hoạt động của mình, Hội doanh nghiệp trẻ huyện Lục Ngạn đã giúp nhiều doanh nghiệp mạnh dạn mở rộng sản xuất kinh doanh, xây dựng thương hiệu, quảng bá sản phẩm, từ đó hoạt động SXKD của các doanh nghiệp đã có những bước chuyển biến tích cực, phát huy được tính năng động, sáng tạo trên con đường đi lên của mình.

Từ khi thành lập đến nay, CLB doanh nghiệp trẻ Lục Ngạn đã thu hút tập hợp được hơn 20 hội viên. Công tác bảo vệ quyền lợi hội viên như: Thông tin, tuyên truyền chủ trương, chính sách mới; luật thuế; bảo lãnh vay vốn ngân hàng; đề xuất kịp thời với lãnh đạo tỉnh có cơ chế chính sách cho các doanh nghiệp phát triển.

Có thể nói CLB doanh nghiệp trẻ đó thật sự trở thành “cầu nối” giữa cơ quan quản lý nhà nước với các doanh nghiệp; kịp thời phản ánh các kiến nghị bức xúc, khó khăn của hội viên, tạo nên diễn đàn, tiếng nói chung cho cộng đồng doanh nghiệp trẻ trong tỉnh, nhất là trong thời kỳ ảnh hưởng của lạm phát và thắt chặt tín dụng. Thông qua các buổi sinh hoạt, học tập, các hội viên đó gắn bó mật thiết với nhau hơn; đó cú nhiều doanh nghiệp lớn giúp đỡ doanh nghiệp nhỏ, doanh nghiệp nhà nước giúp đỡ doanh nghiệp tư nhân, từng bước tạo dựng sức mạnh



cộng đồng, mở rộng quan hệ hợp tác.

Trước yêu cầu của công cuộc đổi mới, đất nước ta bước vào kinh tế thị trường các doanh nghiệp trẻ Lục Ngạn đã năng động sáng tạo vượt qua những khó khăn thích ứng với những cơ chế mới làm ăn có hiệu quả. Qua đó đã có những đóng góp đáng kể vào giá trị sản xuất công nghiệp – TTCN của huyện. Doanh nghiệp trẻ nội thất Trí Tuệ ở xã Nghĩa Hồ, chuyên sản xuất đồ gỗ nội thất công nghiệp, đơn vị được đánh giá là một trong số doanh nghiệp trẻ có bước phát triển khá. Trong nhiều năm qua doanh nghiệp luôn hoàn thành tốt chỉ tiêu và kế hoạch đề ra. Hiện nay doanh nghiệp nội thất Trí Tuệ đang tập trung đầu tư mở rộng sản xuất, đổi mới dây chuyền công nghệ cho ra sản phẩm mới. Đặc biệt trong thời gian này doanh nghiệp đang triển khai mở rộng thị trường trong và ngoài tỉnh. Hiện Doanh nghiệp có 18 đại lý ở các tỉnh Bắc Giang, Quảng Ninh và Lạng Sơn... Cùng với đó việc chăm lo đời sống cho người lao động luôn được Doanh nghiệp quan tâm.

Trong những năm qua, nhờ đẩy mạnh đổi mới, sắp xếp doanh nghiệp, và phát triển doanh nghiệp mới đó huy động được nhiều nguồn lực cho phát triển kinh tế, làm cho nền kinh tế huyện Lục Ngạn liên tục đạt được tốc độ tăng trưởng khá. Để thích ứng với nền kinh tế hiện nay nhiều cơ sở kinh doanh đã mạnh dạn kinh doanh mở rộng lĩnh vực hoạt động của mình. Tìm hiểu tại Doanh nghiệp Bình Xuân ở thị trấn Chũ được biết: Tiên thân doanh nghiệp chỉ là một hộ kinh doanh bán lẻ các đồ điện dân dụng, sau nhiều năm hoạt động với quy mô nhỏ, lợi nhuận thấp. Nhận thấy để có thể phát triển mạnh mẽ và thích ứng trong tiến trình hội nhập kinh tế hiện nay, với sự tư vấn của CLB doanh nghiệp trẻ, năm 2009 cơ sở đã mạnh dạn đầu tư hàng tỷ đồng xây dựng cơ sở vật chất nâng cấp cửa hàng thành Trung tâm Thương mại, chuyên hoạt động kinh doanh điện tử - điện lạnh - điện thoại và quản trị mạng.

Mặc dù năm 2010, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp huyện Lục Ngạn vẫn chịu ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế và giá cả các nguyên vật liệu leo thang, nhưng một số ngành nghề vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng khá như

gia công cơ khí, sản xuất gạch ép, đá cây; nhiều công ty, hộ sản xuất và tiêu thụ đã mở rộng cơ sở sản xuất kinh doanh dẫn đến một số ngành nghề có mức tiêu thụ hàng hoá tăng cao như: mỳ gạo 4.500 tấn, trị giá đạt 81 tỷ đồng; đá cây trị giá 11,5 tỷ đồng; sản xuất gạch các loại trị giá 20 tỷ đồng; cơ khí, mộc dân dụng trị giá 35 tỷ đồng; dự trữ, cung ứng thùng xốp trị giá 50 tỷ đồng. kết quả này đã góp phần nâng giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của huyện lên 158 tỷ đồng, tăng 30% so với năm 2009.

Bên cạnh những thành tích đáng ghi nhận, CLB doanh nghiệp trẻ cũng còn nhiều hạn chế như: Về số lượng doanh nghiệp trẻ trên địa bàn huyện tăng song số lượng còn ít so với bình quân chung của cả tỉnh, ngành nghề chưa đa dạng, quy mô còn nhỏ bé. Các doanh nghiệp có sức cạnh tranh còn yếu trong hoạt động thương mại quốc tế. Nguồn lao động có trình độ tay nghề cao còn chiếm tỷ lệ thấp, việc ứng dụng công nghệ cao trong giá trị sản phẩm còn thấp... Điều đó có nhiều nguyên nhân, song chủ yếu là đội ngũ doanh nghiệp trẻ của huyện còn chưa mạnh dạn, chủ động, dám nghĩ, dám làm, còn thiếu tầm nhìn và quyết tâm trong việc làm giàu cho bản thân, doanh nghiệp và cho quê hương mình; tính liên kết không cao, nhiều doanh nhân thiếu trình độ quản lý doanh nghiệp, chưa ngang tầm với thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế. Để giải quyết vấn đề này hiện nay CLB doanh nghiệp trẻ đã xây dựng nội dung chương trình hành động cụ thể nhằm tận dụng cơ hội, khắc phục khó khăn thách thức; nâng cao trình độ năng lực, bảo vệ quyền lợi hội viên.

Như vậy, có thể nhận thấy với sự nỗ lực của mình, cùng với sự chung sức của Hội doanh nghiệp trẻ tỉnh Bắc Giang và CLB doanh nghiệp trẻ huyện Lục Ngạn đã giúp doanh nghiệp trẻ của huyện mạnh dạn mở rộng sản xuất kinh doanh, xây dựng thương hiệu, quảng bá sản phẩm, từ đó hoạt động SXKD của doanh nghiệp đã có những bước chuyển biến tích cực, phát huy được tính năng động, sáng tạo trên con đường đi lên của mình. Đóng góp tích cực vào giải quyết công ăn việc làm, tăng thu nhập cho người lao động./.

# ÁP DỤNG VIETGAP TRONG SẢN XUẤT CHÈ

**T**rong những năm gần đây, tiêu chuẩn VietGAP được nhắc đến trong các lĩnh vực sản xuất rau quả tươi của Việt Nam. VietGAP là chữ viết tắt của *Vietnamese Good Agricultural Practices*, nghĩa là *Thực hành sản xuất nông nghiệp tốt cho rau quả tươi của Việt Nam*, là những nguyên tắc, trình tự, thủ tục hướng dẫn tổ chức, cá nhân sản xuất, thu hoạch, sơ chế bảo đảm an toàn, nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo phúc lợi xã hội, sức khỏe người sản xuất và người tiêu dùng, bảo vệ môi trường và truy nguyên nguồn gốc sản phẩm. VietGAP cho rau, quả tươi an toàn dựa trên cơ sở ASEAN GAP, EUREPGAP/GLOBALGAP và FRESHCARE, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho rau, quả Việt Nam tham gia thị trường khu vực ASEAN và thế giới, hướng tới sản xuất nông nghiệp bền vững.

VietGAP dựa trên các nguyên tắc phân tích và phòng ngừa các mối nguy. Sử dụng các phương pháp trừ sâu bệnh tổng hợp (IPM), quản lý mùa vụ tổng hợp (ICM) để đảm bảo sản phẩm cung cấp cho người tiêu dùng là an toàn.

Sau đây, chúng tôi xin giới thiệu các tiêu chí VietGAP xây dựng để sản xuất chè an toàn được áp dụng.

## 1. Chọn địa điểm

- Tùy theo điều kiện cụ thể lựa chọn quy mô hợp lý cho vùng sản xuất;

- Khu sản xuất tập trung cần có: Độ dốc vừa phải, nếu độ dốc quá cao khó khăn cho việc trồng trọt, thu hái và thực hiện biện pháp quản lý tổng hợp, dãi dào nước ngầm, mùa mưa thoát nước nhanh, không bị úng;

- Nguồn nước: Tạo nguồn nước tưới và giữa ẩm trong mùa khô. Nguồn nước và không khí không bị ô nhiễm, xem xét kỹ nguồn và khối lượng nước sử dụng. Chú trọng ngăn ngừa ô nhiễm từ những dòng chảy, ống cống và khí

thoát từ ống khói nhà máy.

## 2. Khí hậu vùng chè

- Vùng sản xuất tập trung nhiệt độ không khí trung bình hàng năm từ 18-25°C; độ ẩm không khí trung bình năm trên 80%; lượng mưa trung bình hàng năm trên 1.200mm.

## 3. Độ phì nhiêu của đất

- Đất chè cần được duy trì hàm lượng mùn tổng số 2,0% trở lên. Nguồn vật chất hữu cơ cho đất chè trước tiên từ cành lá chè giữ lại hàng năm; từ gốc chè, từ thân lá thực vật không bị nhiễm bẩn; giữ lại cành lá chè đốn; trồng cây che bóng để bổ sung nguồn lá rụng và cắt tỉa hàng năm của cây che bóng.

- Không trồng chè trên những vùng đất có pH>5,5. Đất có pH cao thì sự sinh trưởng của cây rất kém, lá cây bị héo và rễ cây bị sần sùi.

- Nhất thiết phải trồng chè theo những đường đồng mức, tạo độ nghiêng ra một cách đáng kể, đặc biệt những vùng có độ dốc cao >20° cần trồng cỏ Ghi nê hàng đơn, hoặc dứa Cayen, cứ sau 10 hàng chè có thể trồng phụ 1 hàng ở đường đồng mức. Cần đào những rãnh phù sa (toàn bộ hoặc cục bộ) ở bất cứ độ dốc nào để cản nước chảy và giữ nước. Thiết kế và đào những rãnh phù sa phải được để ý và suy xét tới sự an toàn trong quá trình chăm sóc và thu hái.

- Phải chú ý đến việc xây dựng những rãnh thoát nước, cắt ngang dòng chảy, chặn các dòng chảy, làm lưu lượng nước chảy chậm để giảm sự xói mòn. Nên trồng loại cỏ thích hợp dọc theo những rãnh thoát nước để cản nước và xói mòn.

## 4. Chế độ dinh dưỡng (phân bón)

Hiện nay, để trồng chè có hiệu quả kinh tế, đòi hỏi phải sử dụng phân bón trên tất cả các loại đất. Về nguyên tắc toàn bộ chất dinh dưỡng đưa vào, kể cả các khoáng vật từ đất và chất hữu cơ, nên tương đương lượng chất dinh dưỡng cây

đã lấy đi trong quá trình thu hoạch sản phẩm, cần phải tính toán cả lượng đước tổng hợp từ rễ của cây che phủ đất hoặc trồng xen, lượng tồn tại trong cơ thể của cây chè.

- Muốn sử dụng dinh dưỡng có hiệu quả cao, đòi hỏi chúng ta phải tính toán liều lượng và tỷ lệ phối hợp các nguyên tố NPK phù hợp với từng loại đất (đất có tầng canh tác dày, đất dốc...) và khí hậu thời tiết cụ thể của từng vùng.

## 5. Quản lý dịch hại

Quản lý dịch hại (IPM) là chìa khoá để duy trì sự điều khiển dịch hại, mục đích là áp dụng các biện pháp canh tác, biện pháp sinh học, biện pháp cơ giới, biện pháp hoá học hoặc những kỹ thuật khác phòng trừ dịch hại để giảm tới mức thấp nhất sử dụng hoá chất diệt côn trùng. IPM là xem xét cẩn thận tất cả các phương pháp có sẵn và kế tiếp để điều khiển dịch hại và đặc biệt chú trọng sử dụng biện pháp sinh học, duy trì cân bằng tự nhiên, điều này ngăn chặn sự phát triển số lượng sâu bệnh không gây thành dịch hại (không bùng phát dịch). Tất nhiên chúng ta cũng có thể sử dụng hoá chất diệt côn trùng và những sự can thiệp khác khi mật độ sâu bệnh hại tới ngưỡng kinh tế. IPM sẽ giảm tối thiểu ảnh hưởng tới sức khoẻ con người và môi trường.

Đảm bảo cho sản phẩm chè vừa an toàn, vừa chất lượng, bảo vệ được thiên địch, bảo vệ môi trường sinh thái và bảo vệ sức khoẻ con người. Muốn vậy chương trình IPM phải được triển khai một cách nghiêm túc, trong đó các biện pháp: Đốn đúng thời vụ; hái đúng kỹ thuật; bón phân hợp lý (sử dụng phân hữu cơ, phân vi sinh, phân hữu cơ sinh học, phân có nguồn gốc hữu cơ kết hợp với từ gốc và tưới nước để cây chè sinh trưởng khoẻ, có khả năng chống chịu tốt); điều tra định kỳ để sớm phát hiện đối tượng sâu hại, thời điểm trừ sâu có hiệu quả và điều quan trọng hơn là khi mật độ sâu chưa đến mức phun thuốc thì không sử dụng thuốc hoá học; chỉ dùng thuốc khi số lượng sâu hại vượt quá ngưỡng phòng trừ, khi mật độ sâu hại chưa đến mức bùng phát dịch chỉ nên dùng thuốc có nguồn gốc thảo mộc (hiện nay có một số thuốc thảo mộc mới trừ sâu rất có hiệu quả như: SH01, Sukupi...).

## 6. Lưu ý cơ cấu giống chè và việc mở rộng diện tích

Mọi quy hoạch mở rộng diện tích đất trồng chè đều cần có một sự đánh giá đầy đủ các tác động của môi trường sống và đưa ra các khuyến cáo về giải pháp kỹ thuật canh tác hợp lý, tuyệt đối không nên mở rộng vào trong rừng nguyên sinh. Phát triển vùng chè cần tính đến tăng cường bảo vệ môi trường xung quanh khu vực sản xuất.

## 7. Đốn hái, bảo quản chè nguyên liệu

Nên áp dụng qui trình đốn 3 năm đối với vườn chè đã sản xuất kinh doanh nhiều năm. Năm thứ nhất đốn lửng cách mặt đất 55 cm, năm thứ 2 đốn cao 60 cm, năm thứ 3 đốn cao 65 cm so với mặt đất, sau 3 năm lại trở lại đốn lửng sát vết đốn của chu kỳ đầu tiên.

Áp dụng kỹ thuật hái theo không chế chiều cao vết hái của vụ chè xuân 10 cm, có nghĩa là vụ chè hái đầu tiên trong năm chỉ hái những búp có chiều cao trên 10 cm tính từ vết đốn, những lần hái sau phẩm cấp theo yêu cầu chế biến các sản phẩm chè. Khi hái chè (bằng tay hoặc máy) nên đựng trong các giỏ hoặc sọt chắc, nhẹ, không có mùi lạ.

## 8. Năng lượng trong sản xuất chè

Khuyến khích sử dụng các vật liệu có khả năng tái sản xuất được, giảm thiểu nhiên liệu gây ô nhiễm. Hiệu quả của việc sử dụng nguyên liệu có khả năng tái sản xuất là: Sử dụng củi trong chế biến để giảm thiểu nhiên liệu gas, xăng, dầu...Tuy nhiên cần chú ý nguồn gốc của củi, không được khai thác bừa bãi; chú trọng nguyên liệu sinh học là nguồn bổ sung; hạn chế sử dụng than trong chế biến; những cây chè đốn cần phải để ủ gốc cho chè, không bao giờ được sử dụng làm mục đích khác.

## 9. Nguồn nước

Nước tưới: Sử dụng tưới nước nhỏ giọt tốt hơn là dùng bình để tưới (tiết kiệm hơn); không sử dụng nước từ những vùng sản xuất công nghiệp, nước thải nhà máy vì nó có thể đem lại các chất độc hại hoặc gây ô nhiễm./.

*Trương Thị Hồng Minh(t/h)*

# KỸ THUẬT TRỒNG HOA LOA KÈN GIỐNG MỚI

**H**oa loa kèn hay còn gọi là Huệ Tây là tên gọi chung cho các loài hoa thuộc họ Liliaceae. Tuy nhiên phần lớn các hoa thuộc họ này có một đặc điểm chung là hoa loe ra nhìn như cái kèn, nên được gọi là hoa Loa Kèn – tên đặt theo hình dáng bông hoa. Hoa loa kèn là một loài thực vật có hoa với tên khoa học *Lilium longiflorum* Thunb (họ Liliaceae). Loài cây này xuất xứ từ Nhật Bản và đảo Ryukyu nhưng được du nhập vào Việt Nam từ Nhật Bản, Hàn Quốc và các nước Châu Âu từ thế kỷ 20 với nhiều màu sắc khác nhau. Tuy nhiên đến nay thì loa kèn màu trắng là còn tồn tại và được ưa chuộng nhất.

Hoa loa kèn du nhập vào nước ta cùng với hoa phăng (hoa cẩm chướng)... Huệ tây được trồng đầu tiên tại Đà Lạt, vì nơi đây có khí hậu ôn đới rất phù hợp với đặc tính của loa kèn, sau đó phát triển dần sang các tỉnh khác. Trong các loài hoa du nhập vào nước ta như các loài hồng, cẩm chướng, violet... thì hoa loa kèn được người tiêu dùng ưa chuộng hơn cả. Nhất là với Hà Nội, hoa loa kèn được coi là một thứ hoa sang trọng, quyền quý... một thứ gì đó trong sáng, nhẹ nhàng đặc trưng của Hà Nội mỗi khi tháng tư về.

Trong vài năm trở lại đây, một số nơi đã nhập giống hoa loa kèn mới (*Lilium formolongo*) xuất xứ từ Đài Loan,

có nhiều đặc điểm phù hợp cho sản xuất hoa cắt ở quy mô công nghiệp, với ưu điểm có thể chủ động trồng nhiều vụ trong năm. Cây phát triển rất mạnh, thân cây cao to (100-180cm), trồng vào vụ đông có thể cao tới trên 2m, thân rất cứng, lá có nhiều dạng, từ hình kim sẻ dọc đến hình trứng, màu lá từ màu xanh xám đến xanh đậm, nụ tương đối to từ 13-16 cm, mọc thẳng đứng, nụ to mập, dáng đẹp, hoa hình loa kèn, miệng không to, cánh hoa xếp dày, có mùi thơm nhẹ. Giống này có khả năng chịu nắng là giống cắt cành tốt, đây là một đặc điểm vô cùng quý báu để du nhập và phát triển loại hoa mới này trong điều kiện khí hậu nắng nóng ở nước ta. Giống này đã được trồng ở Bắc Giang được hơn 5 năm và khẳng định được ưu thế vượt trội.

## **I. Kỹ thuật trồng, chăm sóc**

### **1. Yêu cầu ngoại cảnh**

*Nhiệt độ:* *Lilium formolongo* ưa khí hậu lạnh và ẩm nhưng có khả năng chịu nóng. Nhiệt



độ thích hợp nhất ban ngày từ 20-28°C, ban đêm 13-17°C. Giai đoạn đầu nhiệt độ thấp có lợi cho sinh trưởng của rễ và sự phân hoá hoa.

**Ánh sáng:** Là cây ưa cường độ ánh sáng trung bình, khoảng 70-80% ánh sáng tự nhiên là tốt nhất, đặc biệt với cây con, vì vậy nếu trồng vụ xuân hè cần phải che bớt ánh sáng. Loài này là cây ngày dài, độ dài chiếu sáng trong ngày ảnh hưởng đến sự phân hoá hoa và phát dục của nụ, ngày dài phân hoá hoa nhanh, rút ngắn thời gian sinh trưởng.

**Nước:** Thiếu nước hoặc nước quá nhiều đều ảnh hưởng đến sinh trưởng, phát dục của loa kèn. Thời kỳ đầu cây rất cần nước, khi ra hoa giảm bớt nước. Nhiều nước dễ làm cho củ bị thối, rụng nụ. Cây hoa loa kèn ưa không khí ẩm ướt, thích hợp nhất là 70-85% và cần ổn định. Nếu độ ẩm biến động lớn dễ dẫn đến hiện tượng thối củ hoặc cháy lá.

**Không khí:** Là cây khá mẫn cảm với Ethylen, cây ưa không khí thoáng mát có đầy đủ oxy để hô hấp tốt.

**Đất:** Ưa nhiều loại đất nhưng đất cát pha dễ thấm nước, giàu mùn là tốt nhất. *Lilium formolongo* có bộ rễ nông nên đất dễ thoát nước rất quan trọng. Cây rất mẫn cảm với muối, nồng độ muối trong đất cao, cây không hút được nước ảnh hưởng tới sinh trưởng, ra hoa.

## 2. Thời điểm trồng

Ở các vùng khí hậu mát mẻ như Đà Lạt, SaPa có thể trồng quanh năm. Với điều kiện tự nhiên của Bắc Giang có thể trồng chủ yếu 2 vụ: Vụ thu đông bắt đầu trồng từ tháng 9 - 10 và vụ xuân hè bắt đầu trồng từ tháng 01 - 02.

## 3. Chọn giống

Chất lượng giống là khâu then chốt ảnh hưởng đến chất lượng hoa, chất lượng giống cần chú ý vào: Độ lớn, chất lượng bên trong và bên ngoài củ giống.

Độ lớn của củ giống ảnh hưởng trực tiếp đến độ cao hoa cắt và số lượng nụ, củ giống càng nhỏ thì số lượng hoa càng ít, thân cành càng ngắn, càng nhẹ. Nếu nhiệt độ thích hợp, điều kiện sản xuất tốt có thể dùng củ tương đối nhỏ. Nhiệt độ cao ít ánh sáng phải dùng củ to.

Chất lượng bên ngoài gồm: Thân, vảy có bị sâu bệnh không, mức độ bao chặt nhau hay

không của các vảy, rễ ở gốc có hoàn chỉnh không... Rễ gốc tốt, củ giống tươi là củ giống chất lượng tốt, rễ gốc không có hoặc nát là chất lượng kém.

## 4. Làm đất và lên luống

**Chuẩn bị đất:** Đất được cày bừa kỹ, tiến hành rắc vôi bột để khử trùng.

**Lên luống:** Vụ xuân hè lên luống cao 30-35cm mục đích có thể thoát nước tốt, vụ thu đông ít mưa có thể nên luống thấp hơn: 20-25cm, mặt luống làm phẳng và rộng 80-100cm. Rãnh nông quá dễ tích nước không có lợi cho rễ vì đất thiếu ôxy, rãnh cần có độ nghiêng nhất định. Đảm bảo rãnh không bị đọng nước thời gian dài.

Đất đã trồng loa kèn cần được xử lý, đất mới trồng có thể không phải xử lý, có 3 kiểu xử lý chính: Khử trùng bằng hoá chất, khử trùng bằng xông hơi, và bằng cách cho ngập nước. Phương pháp làm ngập nước: Là phương pháp có hiệu quả, dễ làm, dùng biện pháp luân canh với lúa nước để khử trùng. Bằng biện pháp này giải quyết được trồng hoa loa kèn hàng năm.

## 5. Mật độ, khoảng cách

Mật độ trồng phải căn cứ vào độ lớn của củ và thời tiết, với củ to thì nên trồng thưa, củ nhỏ thì trồng dày, vụ xuân hè ánh sáng đầy đủ có thể trồng dày, vụ thu đông ánh sáng yếu thì trồng thưa. Mật độ trung bình 30-35củ/m<sup>2</sup>, khoảng cách 15x15cm hoặc 15x20cm. Trung bình 8000-9000 củ/1 sào Bắc bộ.

## 6. Phân bón

*Lilium formolongo* cần dinh dưỡng cao nhất là 3 tuần đầu sau khi trồng, thời gian này cây con dễ bị ngộ độc do muối. Muối trong đất do 3 nguồn: Phân bón, nước tưới và tồn dư sẵn có trong đất. Vì vậy, để tránh bị ngộ độc muối, trước khi trồng 6 tuần cần phải phân tích đất. Loa kèn cũng mẫn cảm với hợp chất Clo và Flo, nếu hàm lượng Clo và Flo trong không khí cao dễ gây cháy lá. Vì vậy không được bón phân có chứa Clo và Flo.

**Bón lót:** Bỏ hố (sâu 20 cm) bón lót phân chuồng hoai mục (1 tấn/sào), phân hữu cơ vi sinh (100kg/sào)...

**Bón thúc:** Bón thúc 3 lần kết hợp xới đất làm cỏ, có thể bón thêm bằng cách phun dinh



dưỡng qua lá. Cây loa kèn cần bón tập trung 3 lần, đồng thời phải căn cứ vào tình hình phát triển của cây mà điều chỉnh lượng và loại phân bón có tỷ lệ NPK thích hợp:

- Lần 1: Khi cây cao 10 cm
- Lần 2: Khi cây cao 20 cm
- Lần 3: Khi cây cao 50 cm

## 7. Kỹ thuật trồng

Thời gian trồng tốt nhất là vào sáng sớm và chiều mát, lúc này nhiệt độ không khí và nhiệt độ đất thấp, không lên trồng vào buổi trưa. Củ giống mua về là củ giống lấy từ kho lạnh, sau khi lấy về mở bao nylon cho thông khí, đặt ở nơi râm mát từ 12-24 giờ (tốt nhất là ở nhiệt độ 15-20°C), để cho củ giống tăng nhiệt dần, không để cho củ giống bị thay nhiệt độ một cách đột ngột ảnh hưởng đến sức sống. Có thể rạch hàng ngang hoặc hàng dọc để trồng, rạch sâu 10-12cm hoặc làm mặt luống phẳng, tiếp theo đặt củ rồi lấp đất. Chú ý:

+ Cần đảm bảo đúng hướng: Đỉnh củ ở trên, nếu đặt sai cây mọc bị nghiêng, khó mọc, cong queo.

+ Đặt nhẹ không ép nén củ vào trong đất để tránh gãy rễ.

+ Không nên đổ củ giống thành từng đống trên mặt đất để tránh vấy và rễ bị khô, tốt nhất là lấy ra trồng ngay

Đặt giống đến đâu, lấp đất đến đấy để tránh củ bị khô. Lấp đất cần chú ý:

- + Đất phải được làm nhỏ để lấp.
- + Độ dày phải đảm bảo: Vụ thu đông 6-8cm, vụ xuân hè 8-10cm.
- + Khi lấp đất không làm nghiêng ngả củ giống.

+ Không nên chặt đất để tránh gãy rễ.

Nếu có rơm rạ tiến hành phủ rơm rạ khô nên toàn bộ mặt luống ngay sau khi trồng, có tác dụng giữ ẩm và tránh cỏ dại mọc.

Các bước kể trên đều rất quan trọng, nếu một khâu nào đó không tốt sẽ ảnh hưởng cho sinh trưởng của cây. Ví dụ: Trồng không đảm bảo độ sâu, cây sẽ sinh trưởng kém.

## 8. Tưới nước

Tưới một lớp nước mỏng để giữ rễ rất cần thiết, làm cho rễ tiếp xúc tốt với đất, khi tưới cần chú ý: Tưới đều và đủ ngấm, cần đảm bảo cho

lớp đất ở dưới củ giống 5-6cm được thấm đều, nếu tưới không đủ đất khô, rễ không hút được nước ngược lại đất trong rễ còn bị nước hút ra có hại cho cây.

- Có thể tưới bằng nhiều cách: Tưới phun, tưới tràn và tưới nhỏ giọt. Số lần tưới và thời gian tưới tùy theo mùa vụ, thời tiết và đất. Về nguyên tắc là đảm bảo đất luôn có độ ẩm thích hợp là được.

Sau khi tưới cần đào hố kiểm tra xem có đủ ngấm không, đủ ngấm tức là chỗ nào cũng có nước đều, có như vậy cây mới mọc đều.

## 9. Làm giàn giữ cây

Cây hoa loa kèn cao, hoa to nên nếu gặp gió thì dễ bị đổ, do đó phải căng lưới giữ cây hoặc khi cây cao khoảng 30-50cm tiến hành làm giàn đỡ cây.

Sau khi cây mọc cao được 15 - 20 cm tiến hành làm giàn đỡ cây, có thể dùng lưới đan sẵn kích thước mắt lưới 10x10cm hoặc 15x15cm, có thể đan bằng dây nylon, dây thép, sau đó nâng dần lên để giữ cây được thẳng và không bị đổ.

## II. Thu hoạch

### 1. Thời gian thu hái

Thu hái tốt nhất khi nụ dưới cùng phình to và bắt đầu có màu trắng (nếu cành có trên 6 nụ thì thu hoạch khi 2 nụ ở dưới phình to và có màu trắng). Cắt muện hoa nở, khi vận chuyển sẽ bị dập gãy và phấn hoa làm bẩn cánh hoa.

### 2. Thu hái

Dùng dao hoặc kéo sắc để cắt, để lại một đoạn thân 20-25cm trên mặt đất, có cả lá để cây tiếp tục quang hợp nuôi củ khoảng 1 tháng. Củ đào lên đem giữ đất rồi đem bảo quản, xử lý để tiếp tục làm giống cho vụ sau. Sau khi cắt ngâm ngay cành hoa vào nước sạch để cành hoa không bị mất nước.

### 3. Phân loại

Căn cứ vào độ dài cành, độ cứng cành, số nụ... mà phân cấp cho phù hợp. Sau khi phân cấp thì bó lại, cứ 10 cành bó vào 1 bó, bỏ lá sát gốc khoảng 10cm, dùng dao sắc cắt bằng góc và tiếp tục ngâm trong nước.

### 4. Bảo quản

Bảo quản thời gian ngắn có thể đưa vào kho lạnh, cắm vào nước lạnh sạch, bảo quản từ 24-48 giờ ở nhiệt độ 2-5°C, nếu lấy ra sớm quá, muện quá đều ảnh hưởng đến chất lượng hoa.

Bảo quản lâu tương đối phức tạp có hai cách là: Bảo quản khô và bảo quản ướt

+ Bảo quản khô: Phải cắt hoa ngay từ khi nụ dưới cùng có màu, dùng nilon, giấy báo bọc kín, ở nhiệt độ 0-1°C có thể bảo quản được 1-2 tuần.

+ Bảo quản ướt: Phải cắt hoa trước khi nụ có màu, cắm vào nước ở nhiệt độ 0 -10°C có thể bảo quản được 2 tuần.

## II. Sâu bệnh và biện pháp phòng trừ

Sâu bệnh hại hoa loa kèn có thể phát sinh trong suốt quá trình trồng trọt, bao gói, cất trữ, vận chuyển. Các bệnh thường gặp gồm: Bệnh do vi khuẩn, nấm, virus, tuyến trùng và các bệnh sinh lý. Sâu hại chủ yếu là rệp, muội...

### 1. Nguyên tắc phòng trừ:

+ Quán triệt phương châm phòng là chính, trừ bằng biện pháp tổng hợp.

+ Chăm sóc tốt cây, tăng sức đề kháng cho cây trồng.

+ Phát huy tác dụng của thiên địch, bảo vệ thiên địch.

+ Sử dụng hoá chất một cách khoa học, nâng cao hiệu quả phòng trừ, hiệu quả kinh tế.

### 2. Biện pháp phòng trừ:

+ Luân canh hợp lý, cày sâu lật đất.

+ Không trồng lẫn các loại hoa có cùng sâu bệnh với hoa loa kèn.

+ Trồng xa cây cối có sâu bệnh hại như hoa loa kèn.

+ Chăm sóc tốt cây, nâng cao sức đề kháng của cây,

+ Tiêu huỷ kịp thời tàn dư cây trồng, cỏ dại bị nhiễm sâu bệnh.

### 3. Những sâu hại chính trên cây

Hoa loa kèn rất ít khi bị các loại sâu phá hại, chủ yếu bị rệp hại.

- *Rệp*: Thường làm cho cây còi cọc, ngọn quăn queo, nụ bị thối, hoa không nở được hoặc dị dạng, thường gây hại nặng ở vụ Xuân hè và Đông xuân. Có thể dùng Karate 2,5 EC 10 - 15 ml/bình 10l, Ofatox 400EC hoặc Supracide 40ND 10 - 15 ml/bình 10 lít.

### 4. Những bệnh hại chính trên cây

Cây hoa loa kèn rất dễ bị bệnh sương mai và nấm. Cho nên cần phun định kỳ phòng hai loại bệnh này.

Cách phòng trừ:

- Bệnh nấm, phấn trắng: Vết bệnh dạng bột phấn màu trắng xám, gây hại trên lá là chủ yếu. Khi bệnh nặng có thể làm thối nụ, hoa không nở được, có thể dùng Anvil 5SC 10 - 15 ml/bình 10 lít hoặc Score 250ND 5 - 10 ml/bình 10 lít: Phun thuốc Elilet 80WP, Boocdo (Đồng sunphat), Alvin 5SC, Ridomin 5G.

Ngoài ra loa kèn còn gặp một số bệnh sau:

- *Bệnh đốm lá*: Vết bệnh thường có dạng hình tròn hoặc bất định màu nâu nhạt hoặc nâu đen, nằm rải rác ở mép lá hoặc gân lá. Bệnh phát triển mạnh khi độ ẩm cao, có thể dùng Topsin M-70 WP 5 - 10g/bình 8 lít.

- *Bệnh đốm nâu*: Vết bệnh thường từ mép lá lan vào trong phiến lá màu nâu xám hoặc nâu đen, khi nặng lá chuyển sang màu vàng và rụng. Ngoài Score 250ND hoặc Anvil 5SC, có thể dùng thêm Roval WP với nồng độ 0,15%.

- *Bệnh đốm vòng*: Mô bệnh thường có lớp nấm mốc màu đen làm cho lá bị thối dễ rụng. Có thể sử dụng Daconil 500SC 0,2% hoặc Altracol 70 BHN liều lượng 1,5 2 kg/ha.

- *Héo vi khuẩn*: Thường làm thối rễ, cây héo từ lá gốc đến lá ngọn. Dùng biện pháp luân canh, nhổ bỏ cây bệnh, vệ sinh vườn trồng, phòng trừ môi giới truyền bệnh hoặc sử dụng Streptomixin, nồng độ 100 - 150 ppm để trừ khuẩn.

- *Bệnh sinh lý*: Ngoài các bệnh truyền nhiễm, cây loa kèn còn bị bệnh sinh lý (không truyền nhiễm) gây hiện tượng vàng lá, héo ngọn, cây sinh trưởng kém hoặc chết. Cần điều chỉnh việc bón phân và tưới nước hợp lý.

Nhìn chung đối với các loại nấm gây hại, để đề phòng bệnh ngay từ ban đầu, sau trồng nên phun đồng sunphat hoặc Zineb Bul 80WP với tỷ lệ 20 - 50g/10lít, định kỳ 5 - 7 ngày 1 lần vừa giảm tỷ lệ cây nhiễm bệnh vừa kích thích sự sinh trưởng, phát triển của cây. Đối với các bệnh do nấm có thể phun Score 250ND dùng liều lượng 0,2 - 0,3 lít/ha./.

**Phạm Xuân Thắng(t/h)**

# PHỐI HỢP THUỐC ĐÔNG Y VÀ TÂY Y

**P**hối hợp thuốc Đông và thuốc Tây là một nội dung rất quan trọng, có ý nghĩa then chốt trong kết hợp Y học cổ truyền và Y học hiện đại.

Phối hợp cần đạt được yêu cầu an toàn, hiệu quả, kinh tế, mang lại nhiều lợi ích cho người bệnh.

Hiện nay việc phối hợp của nhiều thầy thuốc chưa đạt được những yêu cầu trên. Nhiều lúc, nhiều nơi còn mang tính hình thức, gây nhiều tổn kém, lãng phí.

Nhiều người mặc dù không có một chút hiểu biết nào về tương tác thuốc, vẫn tự kê đơn, tự ý mua, sử dụng đồng thời nhiều thuốc đông tây y, nhiều khi đã tự gây hại một cách vô thức.

Từ nhiều năm nay, nhiều nghiên cứu ở nhiều trung tâm lớn của nhiều nước đã tập trung vào tìm chiến thuật an toàn, hiệu quả trong phối hợp thuốc Đông và thuốc Tây.

Cách đây nhiều thập kỷ, một số nhà nghiên cứu Nhật bản đã cố gắng phân loại thuốc tây theo âm dương, hàn nhiệt, làm cơ sở cho việc phối hợp với thuốc đông. Thí dụ Atropin được xếp trong nhóm dương dược do tác dụng làm mạch nhanh, làm khô, giảm tiết dịch; các thuốc thuộc nhóm hạ nhiệt, kháng sinh phần lớn được xếp vào nhóm âm dược... ý tưởng này rất độc đáo nhưng khi vận dụng thực tiễn còn nhiều vấn đề chưa được giải quyết thỏa đáng.

Một số nhà nghiên cứu ở Trung Quốc có hướng sử dụng công dụng của một số thuốc tây theo pháp điều trị của Y học cổ truyền. Một trường hợp nắc kéo dài nhiều ngày, dễ tái phát, có táo bón, điều trị nhiều phương pháp không khỏi, đã được chữa khỏi bằng Magie Sulphat. Tác dụng nhuận tràng của thuốc được sử dụng trong phép hạ theo Y học cổ truyền với mục đích giáng vị khí nghịch là nguyên nhân gây nắc kéo dài.

Y học chắc sẽ phải trải qua nhiều năm nữa mới có được một chiến thuật hợp lý, toàn diện

kết hợp thuốc Đông và thuốc Tây vì đây là một việc phức tạp, đòi hỏi rất tỉ mỉ, thận trọng.

Để đáp ứng yêu cầu kết hợp trong giai đoạn hiện nay cần chú ý vận dụng một số nội dung sau:

1. Phối hợp theo nguyên tắc tiêu bản kiêm trị, thuốc Đông điều trị bệnh chính, bệnh gốc, bệnh mạn. Còn thuốc Tây chủ yếu trị bệnh cấp, triệu chứng:

Như trong viêm phế quản mãn, thể thận dương hư chủ yếu phải dùng bài thuốc Đông y có tác dụng bổ thận dương kết hợp chỉ khái bình xuyên trọng dụng các vị như: Tế tân, Ba kích, Can khương, Phụ tử chế, Thục địa, Dâm dương hoắc... có thể phối hợp thêm kháng sinh Tây y nhằm đẩy nhanh tốc độ chống viêm, trừ đàm.

2. Phối hợp nhằm tăng tác dụng của nhau:

- Kết hợp Penicilin cùng Hoàng cầm, Kim ngân vì hai vị thuốc này của Đông y có tác dụng ức chế tác dụng kháng thuốc của tụ cầu vàng, như vậy sẽ làm tăng tác dụng của kháng sinh.

- Phối hợp Nhân trần với Griseofulvin (Fulcin), ví trong Nhân trần có Dihydroxybenzene có tác dụng tăng tiết dịch mật qua đó làm tăng độ phân rã của Griseofulvin, như vậy sẽ làm tăng tác dụng của kháng sinh đường ruột này.

- Trong các bệnh lý động mạch vành, cao huyết áp; Tam thất, Xích thước hay được dùng phối hợp do hai vị này đều có tác dụng giãn mạch, giảm huyết áp, tăng cường lưu lượng máu qua động mạch vành, giảm gánh cho tim, giảm Cholesterol tỷ trọng thấp LDC trong máu.

- Phối hợp Cam thảo và Hydrocortison nhằm tăng tác dụng chống viêm của Hydrocortison vì Cam thảo cũng có tác dụng giống nội tiết tố vỏ thượng thận, mặt khác lại có tác dụng hạn chế những tác dụng không mong muốn của thuốc tây khi dùng kéo dài như gây suy tuyến thượng thận ...

- Các bài thuốc bổ như: Trung ích khí, Thập toàn đại bổ, Tiểu sài hồ thường hay phối hợp với các thuốc trị ung thư vì các thuốc này ngoài tác dụng bảo vệ tế bào gan, cải thiện cơ năng tạo máu còn có tác dụng hỗ trợ diệt tế bào ung thư.

- Phối hợp Thăng mạch tán, dịch truyền Đan sâm với các thuốc như Raceanis amin có khả năng làm tăng sức bóp, giảm tình trạng thiếu oxy của cơ tim.

3. Kết hợp nhằm làm giảm độc tính, tác dụng phụ của thuốc tây:

Thuốc tây y chủ yếu có nguồn gốc hóa được, đơn chất, tinh khiết. Có tác dụng nhanh, mạnh nhưng là hoá chất vốn xa lạ với cơ thể nên độc tính, tác dụng phụ cũng không ít. Thuốc Đông y phần lớn có nguồn gốc tự nhiên, nhiều vị được sử dụng như thực phẩm, vốn quen thuộc, thân thiện với cơ thể nên được nghiên cứu, kết hợp để hạn chế độc tính của thuốc tây.

- Cam thảo phối hợp với Corticoit khi dùng dài ngày nhằm giảm tác dụng suy tuyến thượng thận, duy trì kết quả điều trị.

- Bạch cập, Hải phiêu tiêu khi phối hợp với các thuốc chống ung thư như: Mercaptopurin, Ifosfamide giảm được tác dụng giảm bạch cầu của thuốc chống ung thư, lại vừa có tác dụng cầm máu, tiêu sưng, bảo vệ niêm mạc dạ dày.

4. Kết hợp nhằm mở rộng phạm vi điều trị:

- Prochlorperazine không dùng được cho những bệnh nhân tâm thần, những người có chức năng gan kém vì thuốc này rất độc với gan. Tuy vậy khi dùng cùng với bột Trân châu có tác dụng giảm độc của Prochlorperazine, tác dụng phụ của thuốc với gan được giảm nên thuốc vẫn có thể được chỉ định cho những bệnh nhân này.

5. Kết hợp nhằm tăng cường sự hấp thu thuốc:

Griseofulvin, thuốc kháng khuẩn rất khó uống vì gây lợm giọng, buồn nôn, ỉa chảy, đau đầu; nhưng khi phối hợp với Nhân trần cao thì có thể tăng khả năng hấp thụ, giảm các tác dụng không mong muốn.

6. Không được phối hợp nếu làm giảm hiệu quả của nhau:

- Một số thuốc Đông y có vị chua như: Ô

mai, Sơn tra, Nữ trinh tử, Ngũ vị tử... nếu cùng dùng với những thuốc Tây có tính kiềm như: Aminophyline, Bicarbonat sẽ gây phản ứng trung hòa kiềm hoàn toàn, từ đó giảm khả năng hấp thu cả hai loại thuốc.

7. Không được phối hợp nếu tạo ra chất độc mới:

Chu sa, Thần sa không được cùng dùng với một số thuốc Tây trong thành phần có Bromide, Iode... vì có thể tạo ra những chất độc mới như Clorua, thủy ngân.

8. Không được phối hợp nếu ảnh hưởng xấu tới chuyển hóa thuốc:

Sơn tra, Ô mai ... có khả năng làm toan hóa do đó có thể gây tăng hấp thu quá mức các thuốc có tính axit như: Rifamicin, Aspirin dễ dẫn đến ngộ độc thuốc.

9. Không được phối hợp nếu thuốc đông và tây y có tác dụng đối kháng nhau:

Đan sâm và một số thuốc hoạt huyết trong Đông y không được cùng dùng với các thuốc đông máu trong Tây y như Vitamin K, Thrombin... vì Đan sâm có tác dụng ức chế chức năng tiểu cầu, kích hoạt hệ men tan cục đông...

Những thuốc Đông y có Ma hoàng không được dùng cùng các thuốc hạ áp Tây y vì trong Ma hoàng có Ephedrin làm co mạch gây tăng huyết áp.

10. Không được phối hợp nếu gây tác dụng phụ có hại:

Rượu thuốc Đông y có chứa nhiều Ethanol khi dùng cùng các thuốc trấn tinh như: Cloral hydrat, Prochlorperazine... sẽ làm tăng tác dụng ức chế các trung khu có thể gây các cơn ngừng thở khi ngủ.

Để phối hợp thuốc Đông và thuốc Tây đạt được yêu cầu an toàn, hiệu quả, kinh tế, mang lại lợi ích và đáp ứng yêu cầu của người bệnh, thầy thuốc lâm sàng cần thường xuyên cập nhật các kiến thức kinh điển và hiện đại của cả hai loại thuốc này. Kết hợp thuốc Đông và thuốc Tây không dễ dàng, không đơn giản như những lầm tưởng xưa nay nhưng là một yêu cầu tất yếu của thực tiễn, nếu sớm được thực hiện thành công chắc chắn sẽ mang đến cho nhân loại nhiều lợi ích to lớn./.



## NHÀ MÁY ĐIỆN HẠT NHÂN

## “SIÊU NHỎ”

Đã có thể đặt mua nhà máy điện hạt nhân “xách tay”, công suất 25-27 megawatt, 1kwgiờ giá 10 cent Mỹ. Đó chính là Hyperion Power Module, sản phẩm mới ra lò an toàn và mang tính thực dụng cao của Hãng Hyperion Power Generation, giá 25 triệu USD.

### Nhà máy điện hạt nhân mini

Sản phẩm mới mẻ, sáng chế độc đáo đó, gần đây, đã được “Tổ hợp các Phòng thí nghiệm Liên bang Mỹ về chuyển giao công nghệ (FLC)” trao giải thưởng “*Notable Technology Development Awar*”.

Theo các nhà thiết kế: Sau khi nhận được lò phản ứng mini, người đặt hàng chỉ cần đào sâu chôn chặt nhà máy điện hạt nhân rồi lắp hệ thống dẫn điện và nhiệt vào nhà. Trên đây là ý tưởng của hãng Hyperion Power Generation ở bang New Mexico Hoa Kỳ về việc cung cấp năng lượng trong tương lai. Los Alamos National Laboratory, một cơ quan nghiên cứu khổng lồ ở Mỹ đã từng nghiên cứu, phát triển và sản xuất thành công quả bom nguyên tử đầu tiên của Mỹ đã nghiên cứu phát triển “Hyperion” một loại lò phản ứng mini.

Lò phản ứng mini chỉ cao gần 4 m, có thể lắp đặt ở mọi nơi, nhất là ở những nơi điều kiện giao thông có nhiều khó khăn. Theo nhà chế tạo thì toàn bộ lò phản ứng hạt nhân sẽ vùi sâu dưới lòng đất, chỉ có hệ thống dây dẫn và ống dẫn lộ diện trên mặt đất để từ đây dẫn nhiệt vào các hệ tiêu dùng và thông qua máy phát tạo ra điện năng.

Công suất điện của “Hyperion” đạt 25 MW, lượng nhiệt là 70 MW, thỏa mãn nhu cầu về điện và nhiệt cho khoảng 10.000 hộ gia đình bình thường ở Mỹ. Giá một lò phản ứng mini khoảng 25 triệu USD. Nếu phân bổ đều cho tất cả các hộ tiêu thụ thì mức giá này là chấp nhận được. “Chúng tôi muốn sản xuất điện ở bất cứ

mọi nơi trên trái đất với giá thành 10 Cent/KW/h”, theo lời ông giám đốc John Deal khi trao đổi với tờ báo Anh “The Guardian”.

Trong giai đoạn đầu, Hãng Hyperion Power Generation đã nhận được đơn đặt hàng bán 100 môđun Hyperion cho các tổ hợp khai thác dầu mỏ và sản xuất năng lượng.

Sản xuất các môđun Hyperion được bắt đầu trong 5 năm. Phiên bản đầu tiên sẽ được xuất sang Rumani bán cho một trong các xí nghiệp của Công ty TES (Secbia). Công ty này đã mua 6 lò ngay khi chúng còn trên bản vẽ và dự tính sẽ mua thêm 12 lò nữa. Các nước Panama, Bagama... cũng quan tâm đến sản phẩm này.

Trong tương lai, Hãng Hyperion Power Generation dự kiến sẽ mở thêm ba nhà máy sản xuất các môđun Hyperion trên thế giới, nâng công suất lên 4.000 chiếc cho thời kỳ 2013-2023.

Những ưu việt của các lò hạt nhân này là: Thứ nhất, với công suất nhỏ chúng rất thích hợp cho những khu cư dân nhỏ, lẻ ở các vùng sâu, vùng xa. Thứ hai, thời hạn xây dựng ngắn (các nhà máy điện nguyên tử thông thường phải xây dựng trong 10 năm, còn với môđun Hyperion, sau khi được lắp ghép tại các nhà máy sản xuất, chỉ việc chở đến lắp đặt tại những địa điểm sử dụng). Thứ ba, giá thành rẻ và cấu tạo đơn giản.

Những lò phản ứng hạt nhân nhỏ không phải là điều gì mới mẻ. Từ lâu, chúng đã được lắp đặt trên các tàu ngầm, tàu chở máy bay, tàu phá băng hạt nhân. Nhưng đó là câu chuyện về phương tiện vật chất mang tầm quốc gia, còn Hyperion là câu chuyện về một nhà máy điện hạt nhân tư nhân mà bất kỳ một khu cư dân giàu có nào cũng có thể mua sắm và lắp đặt cho mình, nếu như điều đó không trái với luật pháp hiện hành của nước sở tại.

**Về độ an toàn của modum hyperion**



không sử dụng cái gọi là bộ pin nguyên tử mà trước đây Liên Xô hay sử dụng. Ở lò phản ứng “Hyperion” diễn ra một phản ứng dây chuyền thực sự.

Theo đánh giá của các chuyên gia thiết kế, thì Hyprion là một hệ thống hoàn toàn tự điều chỉnh, nó tạo ra cho bản thân độ an toàn nội tại mặc định. Các tác giả của sáng chế này khẳng định, lò hạt nhân Hyperion không bao giờ rơi vào tình trạng quá mức tối hạn và bị nóng chảy, ngay cả khi có ai đó chủ tâm phá vỡ lớp vỏ bọc ngoài (thông thường được chôn dưới đất) thì

## Mô hình nhà máy điện hạt nhân “siêu nhỏ”

Nhà sản xuất cho hay loại nhà máy mini này có độ an toàn tuyệt đối và không thể xảy ra tai họa kiểu như vụ tai nạn ở Chernobyl vì trong lò phản ứng không có các bộ phận động để có thể gây sự cố. Kalium là chất làm lạnh lò phản ứng, Uranhydrid là nhiên liệu chạy lò phản ứng. Chất này còn có tác dụng hãm các neutron chạy quá nhanh, cần thiết để tạo ra phản ứng dây chuyền.

Theo ông Deal, nguyên tắc này giúp cho lò phản ứng tự điều chỉnh: Trong trường hợp quá nóng lượng hydro sẽ giảm, hãm quá trình phản ứng dây chuyền. Hoạt động của lò phản ứng nước cũng diễn ra tương tự: Khi dây chuyền tuần hoàn làm lạnh bị sự cố phản ứng dây chuyền chặn lại vì nước vừa là chất làm lạnh đồng thời là chất hãm. Theo nhà sản xuất các loại Mini-Reaktor này dễ dàng phát tán nhiệt dư thừa ra môi trường xung quanh nhưng không gây nguy hại cho con người.

So với nhà máy điện hạt nhân cỡ lớn, lò phản ứng “Hyperion” có lợi thế lớn là không phải thực hiện chế độ bảo dưỡng. Thường sau 5 năm thì thay lò phản ứng. Lò phản ứng mini này

khối lượng rất nhỏ những chất phóng xạ đang hoạt động trong lò sẽ nhanh chóng nguội đi, không gây nguy hiểm cho môi trường xung quanh. Điều quan trọng nữa là nhiên liệu của lò không thể dùng để chế tạo vũ khí hạt nhân.

Trong modun chính của lò phản ứng không có các bộ phận chuyển động, điều đó góp phần làm tăng độ tin cậy của lò. Nhà máy điện hạt nhân mini này không cần bảo dưỡng trong nhiều tháng, thậm chí cả năm. Nó tự động điều chỉnh công suất phát tùy theo sức tải hiện có trên lưới điện. Về thời hạn, một lần nạp nhiên liệu (theo các dữ liệu khác nhau) lò hoạt động từ 5 đến 10 năm. Chất thải hạt nhân thu được sau một chu trình hoạt động có kích thước chỉ bằng một nửa quả bóng đá (xấp xỉ bằng một trái bưởi).

Cha đẻ của sáng chế xuất sắc này là tiến sĩ Otis “Pete” Peterson, hiện đang làm việc tại Phòng thí nghiệm Quốc gia Los Alamos (Los Alamos National Laboratory). Trong nhiều thập kỷ làm việc, tiến sĩ Otis Peterson không chỉ nhận được nhiều giải thưởng trong lĩnh vực hạt nhân, mà còn cả trong lĩnh vực lazer./.

**K.N(s/t)**

**Bớt Đi**

**Bớt đi một cơn bão  
Nhiều người khổ khổ đau  
Bớt đi một trái bom  
Nhiều người không bắt hạnh**

**Bớt đi chút nóng giận  
Giữ được người thân yêu  
Bớt đi chút lòng tham  
Giữ được mình hạnh phúc**

**Bớt đi chút nhậu nhẹt  
Áo người nghèo lành hơn  
Bớt đi chút ba hoa  
Bản thân mình thêm mạnh**

**Bớt đi chút xa cách  
Nhiều người gần nhau hơn  
Bớt đi chút ngủ muộn  
Làm được nhiều việc hơn**

**Bớt đi chút thời gian  
Cho mỗi ngày đọc sách  
Sẽ cho mình thêm được  
Tri thức của bốn phương**

**Bớt đi chút lạm quyền  
Nhà nước thêm vững mạnh  
Bớt đi chút lãng phí  
Nhân dân mình giàu hơn**

**Nhưng mà tôi biết được  
Bớt đi chút thể thôi  
Nhưng dễ gì làm được  
Ở mỗi một con người./.**

## BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

*Tên đề tài: Công tác bảo vệ, giữ gìn các di vật, cổ vật trong các di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.*

*Chủ nhiệm đề tài: Cử nhân Lương Văn Đạo*

*Cơ quan chủ trì: Công an tỉnh Bắc Giang*

### I. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ TÀI

1. Nghiên cứu tình hình công tác bảo vệ, giữ gìn di vật, cổ vật trong di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

2. Nghiên cứu tình hình trộm cắp, xâm hại di vật, cổ vật trong các di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang từ năm 2000-2008.

3. Đề xuất những giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ an ninh trong di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn tỉnh.

### II. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ĐIỀU TRA NGHIÊN CỨU.

1. Đối tượng điều tra nghiên cứu.

1.1 Tình hình vi phạm, tội phạm và đặc điểm hình sự cơ bản của tội phạm thuộc lĩnh vực bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

1.2 Thực trạng sử dụng các biện pháp trong đấu tranh, phòng ngừa các vi phạm và tội phạm thuộc lĩnh vực bảo vệ di vật, cổ vật trong di tích lịch sử, văn hóa của các ngành, các cấp chính quyền.

1.3 Trong ngành công an: Tổ chức điều tra lấy ý kiến tham gia của các cán bộ chiến sĩ các phòng: PA23, PA24, PA25, PV27, PC14, PC16, PC21, PC26, CÔNG AN 9 huyện và 01 thành phố.

1.4 Các ngành: Văn hóa Thông tin, Viện Kiểm sát nhân dân, Tòa án tỉnh, Ban tôn giáo, Ban quản lý các di tích lịch sử, văn hóa đã được công nhận xếp hạng và chưa được xếp hạng.

2. Phạm vi điều tra, nghiên cứu.

2.1 Điều tra xã hội học với 3000 phiếu thu thập thông tin từ các nguồn:

- 500 phiếu từ cán bộ chiến sĩ trong ngành Công an tỉnh Bắc Giang.

- 2500 phiếu từ cán bộ viên chức các ngành Văn hóa - Thông tin, Viện Kiểm sát, Tòa án, Ban tuyên giáo, Ban quản lý di tích đã được xếp hạng, ban quản lý di tích chưa xếp hạng, di tích bị mất cấp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

2.2 Thu thập thông tin, tư liệu từ hồ sơ các vụ việc có liên quan lưu tại Công an tỉnh, Công an huyện, thành phố trong tỉnh Bắc Giang.

2.3 Thu thập khai thác tư liệu từ hồ sơ xử lý thông tin đánh giá thực trạng tình hình công tác bảo vệ di sản văn hóa tại ngành Văn hóa - Thông tin và tại các huyện, thành phố trong tỉnh Bắc Giang.

### III. NỘI DUNG ĐIỀU TRA, NGHIÊN CỨU

1. Tổ chức điều tra thu thập tư liệu, xử lý thông tin đánh giá thực trạng tình hình công tác bảo vệ di vật, cổ vật và tình hình trộm cắp di vật, cổ vật trong di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

2. Tổ chức 3 cuộc hội thảo khoa học để lấy ý kiến của các nhà quản lý, các nhà khoa học phục vụ nội dung nghiên cứu của đề tài.

3. Xây dựng và thẩm định 9 chuyên đề khoa học.

4. Chụp ảnh tư liệu, quay băng, dựng phim tài liệu được các cán bộ Ban quản lý di tích, Bảo tàng tỉnh, Phòng công tác chính trị Công an tỉnh thực hiện đảm bảo chất lượng và yêu cầu chuyên môn. Phục vụ công tác quản lý, bảo tồn, phòng ngừa, đấu tranh ngăn chặn các hành vi xâm hại, tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ, nhân dân trong công tác bảo vệ di vật, cổ vật nói riêng, di sản văn hóa nói chung trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

5. Học tập, nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm về công tác bảo vệ, giữ gìn di sản văn

hóa với tỉnh Bắc Ninh.

6. Biên soạn sách hướng dẫn nghiệp vụ quản lý và bảo vệ di tích lịch sử văn hóa.

7. Đề xuất 10 giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ an ninh trong di tích lịch sử, văn hóa.

8. Viết báo cáo kết quả thực hiện đề tài.

## IV. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

1. Phương pháp điều tra xã hội học nhằm điều tra thu thập thông tin tư liệu, số liệu phục vụ nội dung nghiên cứu của đề tài.

2. Phương pháp nghiên cứu văn bản pháp luật, các vụ, việc liên quan.

3. Phương pháp thống kê, tổng hợp, phân tích xử lý số liệu.

4. Phương pháp chuyên gia nhằm lấy ý kiến tư vấn của một số nhà khoa học, cán bộ, chuyên viên có trình độ, kinh nghiệm trong lĩnh vực nghiên cứu về đề tài di vật, cổ vật, bảo vệ di sản văn hóa.

5. Phương pháp luận di vật biện chứng.

6. Kết hợp một số biện pháp liên ngành như: Khảo cổ học, Dân tộc học, Văn hóa học... nhằm khảo sát, điều tra, thống kê, phân tích, đánh giá để làm rõ thực trạng các di vật, cổ vật trong các di sản văn hóa và công tác quản lý, bảo vệ, giữ gìn của các cấp, các ngành.

## V. THỰC TRẠNG CÔNG TÁC BẢO VỆ, GIỮ GÌN CÁC DI VẬT, CỔ VẬT TRONG CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ, VĂN HÓA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BẮC GIANG

### 1. Khái quát về hệ thống di tích lịch sử, văn hóa ở Bắc Giang

1.1 Các loại hình di tích lịch sử, văn hóa: Loại hình di tích khảo cổ; loại hình di tích lịch sử; loại hình di tích kiến trúc, nghệ thuật; loại hình di tích danh lam thắng cảnh;

1.2 Hệ thống các di tích phản ánh những vấn đề lịch sử.

### 2. Thực trạng công tác bảo vệ, giữ gìn di vật, cổ vật trong di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

#### - Về khách quan:

Xuất phát từ đặc điểm vị trí địa lý, phần lớn các di tích lịch sử, văn hóa nằm ở nơi xa xôi,

hẻo lánh, không có người trông coi, ít người qua lại, xa khu dân cư, hệ thống thông tin liên lạc trong khu vực còn hạn chế. Khi có vụ mất cắp di vật, cổ vật xảy ra không phát hiện kịp thời, không xác định được thời gian nên ảnh hưởng đến tính chủ động, nhanh chóng trong quá trình tổ chức tiến hành khám nghiệm hiện trường, thu thập chứng cứ, dấu vết phục vụ công tác điều tra.

Phần lớn các vụ việc xảy ra khi được quần chúng thông báo, cơ quan điều tra xuống hiện trường thì hiện trường đã bị xáo trộn, rất khó xác định. Do đó khó khăn điều tra xử lý nên thường đạt hiệu quả thấp so với yêu cầu.

Phần lớn các di vật, cổ vật bị mất đều không có bản ảnh nhận dạng đặc điểm ký hiệu riêng; một số di tích không thống kê di vật, cổ vật trong di tích, cơ quan điều tra thống kê thiếu cơ sở, căn cứ chính xác để tổ chức công tác nhận dạng, điều tra, truy tìm di vật, cổ vật. Công tác giám định di vật, cổ vật còn hạn chế, mới chỉ dừng lại ở xác định được giá trị văn hóa, chưa xác định được giá trị tài sản nên công tác điều tra, truy tố, xét xử tội phạm gặp nhiều khó khăn.

#### - Về chủ quan:

Công tác khám nghiệm hiện trường, thu thập dấu vết, vật chứng, phân tích đánh giá tài liệu, dấu vết mất trộm di vật, cổ vật để phục vụ yêu cầu điều tra còn hạn chế; một số cán bộ chiến sĩ còn hạn chế kiến thức chuyên môn nên công tác thu thập tài liệu, dấu vết vụ trộm cắp di vật, cổ vật chưa đáp ứng được yêu cầu của công tác điều tra.

Kinh nghiệm đấu tranh với loại tội phạm trộm cắp di vật, cổ vật trong các di tích lịch sử, văn hóa của các đơn vị chức năng còn ít nên chưa đi sâu điều tra, xử lý triệt phá những đường dây, ổ nhóm lớn mang tầm quốc gia, quốc tế.

Sự phối hợp giữa các lực lượng, các biện pháp nghiệp vụ chưa được áp dụng đồng bộ, tạo đột phá trong đấu tranh phòng chống tội phạm trong lĩnh vực bảo tồn các di tích lịch sử, văn hóa.

Một số địa phương do nhận thức hạn chế nên khi xảy ra vụ mất cắp di vật, cổ vật trong các di tích lịch sử, văn hóa đã không báo cáo cơ



## Chùa Vĩnh Nghiêm nơi lưu trữ nhiều cổ vật quý hiếm

quan chức năng dẫn tới vụ mất cắp di vật, cổ vật không được triển khai các hoạt động điều tra.

### **VI. MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ CÔNG TÁC BẢO VỆ, GIỮ GÌN DI VẬT, CỔ VẬT TRONG CÁC DI TÍCH LỊCH SỬ VĂN HÓA**

1. Từng bước xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, quản lý nhà nước về di sản văn hóa.

2. Tăng cường sự quản lý, đầu tư của nhà nước trong việc bảo vệ, giữ gìn và phát huy giá trị di sản văn hóa.

3. Đẩy mạnh việc vận động các tổ chức xã hội và nhân dân tham gia tích cực vào sự nghiệp quản lý, bảo vệ, giữ gìn và phát huy giá trị các di sản văn hóa.

4. Nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác quản lý, bảo vệ, giữ gìn và phát huy giá trị di sản văn hóa, di vật, cổ vật.

5. Xây dựng và từng bước hoàn thiện quy hoạch tổng thể bảo vệ và phát huy các di sản văn hóa ở Bắc Giang.

6. Đẩy mạnh sự phối hợp, kết hợp giữa các cơ quan văn hóa và du lịch ở trung ương và tỉnh theo định hướng kết hợp chặt chẽ việc bảo tồn di sản và phát triển du lịch bền vững.

7. Tăng cường nâng cao hiệu quả công tác bảo vệ, điều tra xử lý các vụ trộm cắp, hủy hoại di vật, cổ vật.

8. Tăng cường phối hợp thanh tra, kiểm tra, kiểm soát, giám sát việc thi hành pháp luật về bảo vệ di sản văn hóa.

9. Đẩy mạnh việc hợp tác nghiên cứu liên ngành giữa cơ quan khoa học ở trung ương và tỉnh về quản lý bảo vệ, giữ gìn và phát huy giá trị các di sản văn hóa.

10. Làm tốt công tác thi đua khen thưởng trong công tác bảo vệ di tích, di vật, cổ vật.

### **VII. ĐỀ NGHỊ**

Đề nghị UBND tỉnh hỗ trợ kinh phí, chỉ đạo cơ quan chức năng thường xuyên tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, đoàn thể, quần chúng nhân dân về pháp luật, ý thức giữ gìn di tích, di vật, cổ vật.

Đề nghị giám đốc Công an tỉnh chỉ đạo lực lượng công an thường xuyên, tích cực tiến hành công tác phòng ngừa trong bảo vệ di tích lịch sử, văn hóa, di vật, cổ vật.

Đề nghị lãnh đạo Sở Văn hóa, thể thao và du lịch cùng với ngành văn hóa thường xuyên tổng kết công tác xây dựng, chỉ đạo để rút ra ưu, khuyết điểm cần khắc phục; triển khai công tác đăng ký cổ vật nhằm khẳng định quyền sở hữu của công dân; tổ chức khen thưởng cho các tổ chức cá nhân có thành tích trong việc bảo vệ di sản văn hóa truyền thống của dân tộc./.

**Đ.Thơm (t/h)**

## GẦN 8 TỶ ĐỒNG ĐẦU TƯ CHO DỰ ÁN KH&CN

Vừa qua, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đã ký Quyết định phê duyệt 3 dự án cấp nhà nước thuộc Chương trình “Hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế- xã hội nông thôn và miền núi giai đoạn 2011-2015”, bắt đầu thực hiện từ năm 2011. Các dự án được triển khai trên địa bàn tỉnh Bắc Giang với tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ Trung ương là 7,74 tỷ đồng.

Nhóm dự án do Trung ương quản lý có 01 dự án với nội dung “Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ trong trồng trọt và chế biến dược liệu địa liền ở Bắc Giang”. Dự án do Công ty Cổ phần Dược phẩm Bắc Giang chủ trì với tổng kinh phí thực hiện 11 tỷ đồng, trong đó kinh phí hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ Trung ương là 3,49 tỷ đồng.

Nhóm dự án do Trung ương uỷ quyền địa phương quản lý bao gồm 02 dự án: “Ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ xử lý chất thải làm ô nhiễm môi trường tại làng nghề giết mổ gia súc Phúc Lâm, Việt Yên, Bắc Giang” do Phòng Công thương huyện Việt Yên làm cơ quan chủ trì với tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ Trung ương là 1,75 tỷ đồng và dự án “Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật phát triển vùng nguyên liệu cỏ ngọt tại tỉnh Bắc Giang” do Chi nhánh Công ty Cổ phần Stevia Ventures làm cơ quan chủ trì với tổng kinh phí hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ Trung ương là 2,5 tỷ đồng.

Các dự án trên bắt đầu triển khai từ năm 2011, thời gian thực hiện từ 2-4 năm. Đây là những dự án góp phần phát triển sản xuất nông nghiệp hàng hoá, chuyển dịch cơ cấu cây trồng nhằm tăng thu nhập trên một đơn vị diện tích, đồng thời góp phần cải thiện môi trường khu vực nông thôn./.

Lê Thị Thanh Lợi

## HỘI THẢO: “NHẬN DẠNG HÀNG GIẢ, CÔNG TÁC PHỐI HỢP ĐẤU TRANH SẢN XUẤT VÀ BUÔN BÁN HÀNG GIẢ”

Căn cứ chương trình phối hợp số 242/CTPH-SKH&CN-SCT ngày 20/5/2010 giữa Sở Công Thương và Sở Khoa học Công nghệ tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2011-2015. Sáng ngày 24 tháng 10 năm 2010, Sở Công Thương và Sở Khoa học Công nghệ phối hợp tổ chức Hội thảo chuyên đề “Nhận diện hàng giả, công tác phối hợp đấu tranh chống sản xuất và buôn bán hàng giả” tại Nhà khách tỉnh Bắc Giang.

Tham dự hội thảo có đại diện lãnh đạo, chuyên viên các sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Y tế, Sở Văn hoá - Thể thao và Du lịch... Các ngành chức năng; các doanh nghiệp, sản xuất, kinh doanh; các hội, hiệp hội trong tỉnh và các tỉnh lân cận; Báo Bắc Giang, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh.

Các ý kiến tại hội thảo tập trung vào các vấn đề: Thực trạng sản xuất, buôn bán hàng giả trên thị trường gồm các lĩnh vực xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp; hàng giả về lĩnh vực sách báo, lịch và các loại thiết bị viễn thông; hàng giả trong lĩnh vực thuốc BVTV, thuốc thu y, vật tư nông nghiệp, giống cây trồng, vật nuôi; lĩnh vực dụng cụ thể thao, băng đĩa hình... Bên cạnh đó hội thảo cũng nêu ra những khó khăn trong công tác kiểm tra, xử lý; giải pháp phòng, chống hàng giả và cung cấp những kinh nghiệm trong công tác đấu tranh chống sản xuất, buôn bán hàng giả; xử lý các sản phẩm vi phạm lưu hành trên thị trường.

Sau buổi hội thảo các đơn vị, cá nhân tham gia cơ bản đã nắm được những kiến thức, kinh nghiệm và các thông tin làm cơ sở cho việc thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ của mình về nhận diện hàng giả, công tác phối hợp đấu tranh chống hàng giả, hàng xâm phạm về sở hữu trí tuệ trên địa bàn cũng như liên tỉnh đạt hiệu quả tốt nhất./.

Hoàng Công Bình

## ĐÀO TẠO VỀ AN TOÀN BỨC XẠ HẠT NHÂN TRONG CÔNG NGHIỆP, Y TẾ

**N**gày 19-21/11/2010, thực hiện chức năng nhiệm vụ của Phòng Quản lý Chuyên ngành - Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Giang phối hợp với Trung tâm Đánh giá không phá hủy (NDE) - Viện Năng lượng Nguyên tử Việt Nam mở lớp đào tạo về an toàn bức xạ hạt nhân trong công nghiệp, y tế cho các nhân viên làm việc liên quan đến nguồn bức xạ hạt nhân trong các nhà máy công nghiệp và các nhân viên làm việc tại các cơ sở y tế có sử dụng thiết bị X-quang chẩn đoán.

Tại lớp đào tạo, các học viên được nghe TS. Nguyễn Ngọc Tích – Phó Giám đốc Trung tâm Đánh giá không phá hủy (NDE) giảng các nội dung cơ bản về bức xạ ion hóa, các đại lượng đo và đơn vị dùng trong an toàn bức xạ; tương tác bức xạ gamma và tia X với vật chất; nguyên lý đảm bảo an toàn bức xạ; những rủi ro sức khỏe gây bởi bức xạ ion hóa trong khoảng liều nghề nghiệp và kiểm soát liều nghề nghiệp; các mối nguy hiểm chiếu ngoài và biện pháp đảm bảo an toàn bức xạ; an toàn bức xạ trong chuẩn đoán X-quang y tế; chương trình quản lý an toàn bức xạ tại cơ sở sử dụng nguồn phóng xạ; bảo vệ phụ nữ có thai trong chụp X-quang; giới hạn liều tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) 6866:2001; kiểm soát chiếu xạ nghề nghiệp; các thiết bị đo hạt nhân (Gauges) sử dụng trong công nghiệp và các vấn đề an toàn bức xạ liên quan; đảm bảo an ninh các nguồn bức xạ; xây dựng kế hoạch ứng phó sự cố bức xạ; quản lý nhà nước về an toàn bức xạ và hạt nhân.

Qua lớp đào tạo, các học viên đã được trang bị thêm kiến thức an toàn bức xạ và hạt nhân trong công nghiệp, y tế đồng thời các học viên cũng được phổ biến về các văn bản quy định mới của pháp luật quy định trong lĩnh vực an toàn bức xạ hạt nhân./.

*Đỗ Tình*

## HỘI NGHỊ GIỚI THIỆU KỸ THUẬT LÀM ĐỘN LÓT NỀN SINH HỌC

**N**hằm đưa tiến bộ, kỹ thuật mới trong chăn nuôi đem lại hiệu quả kinh tế cao. Ngày 01 tháng 11 năm 2010, Trung tâm Ứng dụng Tiến bộ KHCN tỉnh Bắc Giang phối hợp với Phòng Nông nghiệp huyện Tân Yên tổ chức Hội nghị giới thiệu kỹ thuật sử dụng độm lót nền trong chăn nuôi gà, lợn tại xã Liên Sơn huyện Tân Yên.

Tham dự hội nghị có đại diện Khoa Chăn nuôi và Nuôi trồng thủy sản – Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội; Sở Nông nghiệp & PTNT, Sở KH&CN; Phòng Nông nghiệp, Trạm Khuyến Nông, Hội Nông dân huyện Yên Thế và Tân Yên cùng các hộ chăn nuôi của xã Liên Sơn.

Hội nghị đã được TS. Nguyễn Khắc Tuấn – Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội giới thiệu kỹ thuật làm độm lót chuồng nuôi gia súc, gia cầm và đi thăm 05 mô hình do Trung tâm Ứng dụng và Phòng Nông nghiệp thử nghiệm. Bước đầu các mô hình đã có kết quả khả quan, tương tự mô hình đã được triển khai tại huyện Lạng Giang, giảm mùi hôi khu vực chuồng nuôi và một số bệnh về đường ruột của lợn và gia cầm. Đây là một phương thức chăn nuôi mới cần được tiếp tục tuyên truyền và nhân rộng trong thời gian tới./.

*Quang Vinh*

## HỘI THẢO XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC

**N**gày 30/11/2010, Sở Khoa học & Công nghệ tỉnh Bắc Giang phối hợp với Liên hiệp các Hội Khoa học - Kỹ thuật tỉnh tổ chức Hội thảo “Xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2010 – 2020”.

Mục tiêu của hội thảo nhằm đánh giá đúng thực trạng đội ngũ trí thức của tỉnh sau một năm thực hiện nghị quyết Trung ương 7 (Khóa X) và sau 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội XVI của Đảng bộ tỉnh.

Tham dự hội thảo có ông Bùi Văn Hạnh - Phó Chủ tịch UBND tỉnh, ông Vũ Văn Chính - Trưởng Ban tổ chức tỉnh ủy; ông Hà Văn Quê - Giám đốc Sở Khoa học & Công nghệ, ông Nguyễn Đức Kiên - Chủ tịch Hội liên hiệp các Hội Khoa học - Kỹ thuật tỉnh cùng các GS, TS và gần 50 đại biểu đại diện của các trường, viện, sở, ban ngành, Liên hiệp các Hội Khoa học - Kỹ thuật các tỉnh.

Các đại biểu tham dự hội thảo được nghe 9 báo cáo tham luận với những đề xuất và giải pháp xoay quanh mục tiêu của hội thảo. Các tham luận đều đánh giá cao vai trò, vị trí và những đóng góp tích cực của đội ngũ trí thức, cũng như những chủ trương, chính sách của tỉnh đối với đội ngũ trí thức trong thời gian qua. Trong đó giải pháp cốt lõi là tập trung đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội; hoàn thiện môi trường làm việc để đội ngũ trí thức tiếp tục cống hiến và phát huy tài năng, tiếp tục quan tâm đào tạo và bồi dưỡng thế hệ trẻ... Đây cũng là cơ sở cho tỉnh ta xây dựng kế hoạch, chương trình đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển của quê hương trên con đường công nghiệp hóa - hiện đại hóa và hội nhập quốc tế./.

PV

## HỘI THẢO KHOA HỌC “SỞ HỮU TRÍ TUỆ VÀ CUỘC SỐNG”

**N**gày 07/12/2010, Trung tâm Tin học và Thông tin KH&CN - Sở Khoa học & Công nghệ đã tổ chức Hội thảo “Sở hữu trí tuệ và Cuộc sống” trên sóng PT-TH Bắc Giang. Đây là dự án nằm trong dự án hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ cho các doanh nghiệp (gọi tắt là chương trình 68).

Tham dự Hội thảo có ông Hà Văn Quê - Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, cùng đại diện các Sở, ban, ngành, các đơn vị phối hợp thực hiện chương trình; cán bộ quản lý KH&CN cấp huyện, thành phố và đại diện trên 30 doanh nghiệp, làng nghề trong tỉnh.

Hội thảo đã nghe ông Lê Hải Bằng - Chủ nhiệm dự án báo cáo kết quả thực hiện dự án. Ngoài ra, hội thảo còn được nghe báo cáo tham luận của các đại biểu với những đề xuất và giải pháp xoay quanh mục tiêu của hội thảo nhằm đưa chương trình ngày một sâu, rộng đáp ứng nhu cầu thực tế của các doanh nghiệp, làng nghề và nhân dân trong tỉnh; cần tiếp tục triển khai dự án trong năm 2011 và những năm tiếp theo; tuyên truyền trên sóng phát thanh và các kênh thông tin đại chúng khác... Đồng thời, các đại biểu cũng thẳng thắn nêu ra những vướng mắc trong hoạt động sở hữu công nghiệp tại địa phương như hạn chế về kinh phí, xây dựng và tổ chức triển khai thực hiện, nguồn nhân lực...

Trên cơ sở báo cáo kết quả đạt được và các ý kiến tham luận, hội thảo đã đưa ra phương hướng hoạt động trong thời gian tới như thực hiện sản xuất và phát sóng các chương trình theo đúng tiến độ đã đề ra nhằm tiếp tục nâng cao nhận thức của xã hội đặc biệt là của các doanh nghiệp về sở hữu trí tuệ; thu thập thông tin phản hồi và báo cáo tổng kết dự án năm 2010./.

PV



# HOẠT ĐỘNG SÁNG KIẾN CỦA SỞ KH&CN BẮC GIANG

**N**gày 06/12/2010, Hội đồng sáng kiến của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Bắc Giang đã họp và đề nghị Giám đốc Sở xem xét phê duyệt công nhận 09 sáng kiến cấp Sở năm 2010 cho tác giả, nhóm tác giả có sáng kiến. Trong đó gồm: 05 sáng kiến đạt loại A, 04 sáng kiến đạt loại B. Cụ thể như sau:

## **Sáng kiến loại A:**

- Tham mưu, đề xuất, xây dựng “Quy định tổ chức thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh” do nhóm tác giả: Lương Văn Thành - Phó Giám đốc Sở và Ngô Anh Hoàng, Phó Phòng Kế hoạch - Tài chính làm chủ sáng kiến;

- Tham mưu, đề xuất, xây dựng “Quy định thẩm tra công nghệ các dự án đầu tư và quản lý chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh Bắc Giang” do nhóm tác giả: Hà Văn Quê - Giám đốc Sở và Lê Thị Thanh Lợi - Trưởng phòng Quản lý công nghệ làm chủ sáng kiến;

- Tham mưu, đề xuất, xây dựng “Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng thuộc Sở KH&CN” do nhóm tác giả: Nguyễn Chí Trung - Chi cục trưởng Chi cục TCĐLCL và Bùi Khái Hưng - Chi cục phó Chi cục TCĐLCL làm chủ sáng kiến;

- Tham mưu, đề xuất, xây dựng “Quy định về quản lý, chỉ dẫn địa lý thuộc tỉnh Bắc Giang” do nhóm tác giả: Nguyễn Văn Xuất - Phó Giám đốc Sở và Dương Văn Ngoạn - Trưởng phòng Quản lý chuyên ngành làm chủ sáng kiến;

- Tham mưu, đề xuất, xây dựng “Giải pháp về đơn giản hóa thủ tục hành chính của Sở KH&CN Bắc Giang” do nhóm tác giả: Nguyễn

Thị Hương - Chánh Văn phòng Sở và Hoàng Công Bình - Phó Chánh Văn phòng Sở làm chủ sáng kiến.

## **Sáng kiến loại B:**

- Tham mưu, đề xuất, xây dựng “Quy định về hoạt động sáng kiến của Sở KH&CN” được sửa đổi bổ sung do tác giả Chu Thị Huyền - Chuyên viên Phòng Quản lý KH&CN cơ sở làm chủ sáng kiến;

- Tham mưu, đề xuất, xây dựng “Sổ tay hướng dẫn nghiệp vụ hoạt động khoa học và công nghệ cấp cơ sở” do tác giả Nguyễn Tuấn Dương - Trưởng phòng Quản lý KH&CN cơ sở làm chủ sáng kiến;

- Tham mưu, đề xuất, xây dựng “Quy định về quản lý hành chính, quản trị chi tiêu kinh phí hành chính và sử dụng tài sản công của khối Văn phòng Sở KH&CN” do tác giả Lương Thanh Trang - Kế toán Văn phòng Sở làm chủ sáng kiến;

- Thay đổi mạch khởi động động cơ máy nghiền than do tác giả Chu Thanh Sơn - Chuyên viên Phòng Quản lý công nghệ làm chủ sáng kiến./.

*Lương Thanh Trang*